



Bà Đai, hương Phật và các sen thờ Lý (khoảng năm 1177) Hình: TRẦN QUANG ĐỨC

LUẬN VỀ VIỆC PHẢN CHẬP

TRẦN QUANG ĐỨC

Nam mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Tuế tại Canh Dần niên trọng hạ
Ấn Biên cư sĩ
Trần Quang Đức viết

Phu, thế giá, phụ mẫu dư chi di tính huyết, thiên địa dư chi di khí mệnh. Kỳ dư doanh tác kiện, phân chi tác hư. Thế trạng dư tâm tinh luận, phi vô tương quan giá

xem tiếp trang 2

Cung trong số này

PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BIẾN CỐ VÀ TULIỀU
1975-2009 (Kỳ 6)
VPH/VHD - tr.3

GÓP Ý VỀ CÁCH TIẾP CẬN
Cư sĩ Nguyễn Giác - tr.3

BƯỜNG
KHÔNG ĐƯỢC
THI GẤNH LÊN
Đại Lân - tr.3

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ
NHÂN QUYỀN
Nguyễn Phúc Thụy Tây - tr.4

CẢNH CHIM VỎ SÚ
Hoàng Long - tr.8

NHỮNG NGƯỜI
BUỘC CHẠM
Vinh Hào - tr.12

DỤNG TĂNG
Lê Nguyễn - tr.14

LƯỢC SỬ GIA ĐÌNH
PHẬT TỬ VIỆT NAM (4)
Tâm Lạc - tr.15

SỐNG TỰ DO
CHÍNH MÌNH
QUA HÀNH TRÌNH
THIỆN ĐỊNH
Lê Giảng Tiến - tr.20

BÁT NHÀ

VÀ TÌNH YÊU
Thích Thái Hòa - tr.23

ENGLISH SECTION
EDUCATION IN PRESENT
TIME FOR OVERSEAS
VIETNAMESE YOUTH
Thích Như Điển - pg.10

TÔN GIÁO TRONG TIẾN TRÌNH HÒA GIẢI DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

PHAN TẤN HẢI

"Việt Nam trong hai thế kỷ qua đã gần như đứng ngoài những trò chơi trí tuệ cao nhất của nhân loại và hoàn toàn đắm chìm vào những trò chơi thử nghiệm của các chủ nghĩa chính trị. Con người Việt Nam trong thế kỷ 20 là con người chính trị, không phải con người nhân văn hay kinh tế."

Nhân loại đang chuẩn bị bước vào thế kỷ 21 với nhiều thuận lợi chính trị hơn trước. Thế kỷ 19 đã được ghi dấu với nền móng cho các nền khoa học mới,

sự hình thành chủ nghĩa tư bản, nhưng bước phát triển mạnh mẽ của chủ nghĩa thực dân, và khởi đầu của một niềm tin ngày thơ vào khả năng của một chủ nghĩa xã hội. Thế

kỷ 20 đi qua gay gắt hơn với sự trưởng thành hành tiến của khoa học, với cái chết của chủ nghĩa thực dân và hai cuộc thế chiến, với những ngày bực phát và suy tàn của chủ nghĩa

xem tiếp trang 4

NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG

FABRICE MIDAL / HOANG PHONG chuyển ngữ



FABRICE MIDAL
Họa: Artus de Celladoux

Vài lời giới thiệu của người dịch

Đuối đây là phần chuyển ngữ toàn bộ chương I (tr.13-20) của một quyển sách nhỏ về Phật Giáo, mang tựa đề "Phật Giáo nhập môn" (ABC du Bouddhisme, nhà xuất bản

Grancher, 2008). Tuy bần về nhưng vấn đề rất cần bản thể nhưng tập sách lại được viết bởi một triết gia Phật Giáo sâu sắc nổi tiếng hiện nay là Fabrice Midal. Trong chương đầu tiên này, tác giả tìm cách giải thích Phật Giáo là gì và nêu lên một vài khía

xem tiếp trang 3

CÁCH GIÚP TRẺ BỚT NGHIỆN THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

TRỊNH THANH THÙY

Không chối cãi được, sự phát triển quá nhanh của kỹ thuật điện toán ngày nay đã mang lại khá nhiều vấn đề nhức óc. Có những vụ sát nhân, theo dõi con mồi vừa hiếp dâm vừa giết người, quá nhiều tình dục, nghiện

xem tiếp trang 24



THE WORLD IN ACTION: MAKING THE INVISIBLE VISIBLE

Children are affected by violence in every country and at all levels of society. But it is often an invisible problem, occurring behind closed doors, or shrouded in silence born of social tolerance, stigma or taboo... - pg

MỘT CỘNG ĐỒNG VIỆT, BA HỘI CHỢ TẾT!

HUY PHƯƠNG
www.nguoi-viet.com



Danh từ "cộng đồng" mà chúng tôi dùng ở đây là chỉ đến một số người cùng chủng tộc, ngôn ngữ, văn hóa quy tụ trong một khu vực địa lý mà chúng ta thường nói đến như "Cộng đồng người Việt ở Nam California," "Cộng đồng người Nam Hán ở Garden Grove," "Cộng đồng người Hoa ở Los Angeles," tuy nhiên chung

xem tiếp trang 19

CHUYÊN KHÓ NÓI...

BS ĐO HỒNG NGỌC
www.do-hong-ngoc.com



Nếu bạn nghĩ rằng phát đạt đến một cái tuổi nào đó của trẻ rồi mới được bắt đầu làm "giáo dục giới tính" và cho rằng nhà trường mới chính là nơi có trách nhiệm trong vụ việc này thì bạn đã làm rồi đó! Nhiều người cũng nghĩ như bạn.

Thực ra giáo dục giới tính phải được thực hiện càng sớm càng tốt và phải được bắt đầu ngay từ dưới mái gia đình. Bố mẹ, ông bà, người giúp việc... là những người thầy đầu tiên của

xem tiếp trang 21



hoà đàm

Chứng minh Đạo tràng:
THÍCH PHỔ HÒA*
TÂM HUỆ CAO CHÁNH HUU*
TÂM LẠC NGUYỄN VĂN THỰC*
TÂM HÒA NGÔ MẠNH THU*
NGUYỄN HIẾN NGUYỄN TỬ ĐẠI*
MINH TÍN ĐỒ VĂN PHỐ*
ĐỨC CHÂU VŨ NGỌC KHUÊ*

THÍCH TỬ LỤC
NGUYỄN MÃN LÊ VIẾT LÂM

Nhất tâm:
TRINH THANH THỦY • LÊ GIANG TRẦN •
ĐÌNH NGUYỄN • HOÀNG LONG • TÂM TRÍ
NGUYỄN QUANG VUI • TÂM ĐĂNG NGUYỄN
VĂN PHÁP • ĐÔNG TRÚC THÁI VĂN BẢ •
TÂM NGHĨA NGÔ VĂN QUY • THỊ NGHĨA
TRẦN TRUNG ĐẠO • TÂM THUỜNG ĐÌNH
BẠCH XUÂN PHÊ • NGUYỄN TỨC NGUYỄN
SUNG • HUỆ THÔNG NGUYỄN THANH TÂM
• ĐIỀU NGUYẾT NGUYỄN THỊ KIỀU DUNG •
QUẢNG HOÀNG LÊ HỮU MINH HUY • ĐIỀU
PHÚC NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM • TỬ HUỆ
VŨ MỸ HẠNH • HUỆ TRÍ NGUYỄN GIA HẢI
• MINH HẢI LÊ PHAN THIÊN SƠN • BÙU
THÀNH PHAN THÀNH CHINH • NGUYỄN
HUONG NGUYỄN NGHIÊM UYÊN TRANG
• THIÊN TÂM NGUYỄN HỮU TUẤN • NHẬT
HUẤN NGUYỄN LÊ GIA • NGUYỄN NHÂN
NGUYỄN HỮU TRUNG HIẾU • TÂM ĐÌNH
NGUYỄN HIẾP • NGUYỄN CHON NGUYỄN
THÀNH TÂM • ĐIỀU NGHIÊM TRẦN THỊ THÙY
TIỀN • NGUYỄN MẬT • NGUYỄN PHÙ XUÂN
• QUẢNG PHÁP TRẦN MINH TRIẾT...

Nhóm Kết Tập:
HOA ĐÀM
Liên lạc: NGUYỄN VIỆT
714.765.9844
Mọi kiến xây dựng, đóng góp bài vở,
xin gửi về địa chỉ:
hoadamnewsletter@yahoo.com

BUÔNG KHÔNG ĐƯỢC THÌ GÁNH LÊN

ĐẠI LÂN

CÔNG AN:
Một hôm ngoại đạo mang hoa đến dâng Phật,
thỉnh Phật khai thị.

Phật bảo: Buông hoa xuống.

Ngoại đạo buông hoa xuống.

Phật bảo: Buông tay xuống.

Ngoại đạo buông tay xuống.

Phật bảo: Buông thân xuống.

Ngoại đạo đang lưỡng lự.

Phật quát: Buông không được thì gánh lên đi.

Ngoại đạo hốt nhiên đại ngộ.

LỜI BÀN:
Lao Thích Ca tới tập dốn người vào nếp rìa
sống chết của hố thẳm. Thử hỏi, kẻ ngoại đạo
kia còn tiếc nuối cái chi mà không buông thân
vào hố thẳm? Ở đây, nếu thấy rõ chỗ vướng
mắc này thì tự nó là một trở ngại cho đương
sự, vừa là một cơ hội quyết định cuối cùng, nhờ
đó Lao Thích Ca vớt vạt phần nào cái thất bại
ban đầu của mình, và quyết định tung ra một
cu nghịch lý tới hậu, để ngoại đạo tự kìm hãm
trong cái đánh phủ đầu này, mà mở cho mình
một con đường sống.

LỜI TỤNG:
Xưa nay muôn vật vốn dung thông
Chường ngại do vì chấp có không
Muốn đạt đến nơi thường tự tại
Chẳng cần gánh lấy chẳng cần buông.

Kiếp theo trang 1

LUẬN VỀ VIỆC PHÁ CHẤP

Yên. Ấu nhi suy nhược,
thanh nhát khốc não,
phụ mẫu lụy chí, ta thân
bất di, nhi cấp trưởng ôn
cung hiếu u đề giá, ngộ vị
chỉ văn. Nhâm giai di lục
cầm vi môn, xúc, động,
tập, quán nhĩ thành tinh,
có thuyết thể tinh tuy phi
nhất nhĩ bất lương lập.
Tinh, tâm chi hình dã.
Số trí tư sinh nhĩ phọc kỹ
tư, bác kỹ dĩ. Ta hỏ! Chư
pháp không tướng, chư
hành vô thường, khi năng
khu khu chấp nhất dã!
Như vang tịch chi Việt
nhâm, giai di hắc xỉ vi mỹ
nhĩ ố kỹ bạch giá, thi chi
nhược cấu nha, thả miệt
thị chí. Kim nhâm nhược
hưu nhĩ m xi giá tất quan
chỉ di cuồng. Có trí nhất
thiết cảm quan giai do tập
nhĩ m nhĩ thành, thăm vi
hư huyền. Phụ vật vô cao
đề, quý tiện, mỹ xấu chi
phân, nhâm chi động tinh
dục giá, tâm tinh số sinh
dã. Kim nhâm chán thể,
thực phá tinh, thực chỉ tâm,
khan xuất bản lai diện
mục, thả miên nhĩ tu chí,
sử nhất thiết tập niệm ng-
hềnh nhâm nhĩ giới, lý sai
biệt tâm, thủ đắc tự tại,
thanh tự hiện kiếp, khi
bất lạc dư! Ngạ kế văn:
Thân thể phụ mẫu sinh

Tinh nhâm tập nhiễm
thành
Vạn tượng tâm sai biệt
Di huệ phá vô minh.

Tạm dịch:
Xét, có thể con người ta,
được cha mẹ cho tinh
huyết, trời đất cho khí
mệnh. Tinh huyết khi
mệnh mà đầy thì khỏe
mạnh, ngược lại thì yếu.
Đem bản thể trạng với
tâm tinh, không phải
không có sự liên quan.
Thuở nhỏ suy nhược, cả
ngày khóc quấy, cha mẹ
đến n mệt, tham vạm không
ngừng, đến khi lớn lên
mà lại có đưa điếm đăm,
cung kính, hiếu u đề, thì
tôi chưa từng nghe thấy.
Con người ta đều lấy lục
cảm (mắt, mũi, tai, miệng,
thân, ý) làm cửa, tiếp
xúc với ngoại cảnh, đầy
động ở trong lòng, tập
mô phóng theo, sau quen
thành tinh, vậy nên nơi có
thể và tâm tinh tuy không
phát một, nhưng không
thể tách rời được vậy.
Tinh là cái thể hiện ra bên
ngoại của tâm. Số trí cung
sinh ra tư duy, nhưng rồi
lại bỏ buộc suy nghĩ, bác
đi nhưng thư khác mình.
Ồ! Mọi pháp đều không
tướng, mọi hành đều vô

thường, sao lại có thể khu
khu có chấp được nhỉ!
Như người Việt khi xưa,
đều cho rằng đen là đẹp
mà ghét người răng trắng,
vì răng trắng như răng
chó, rồi miệt thị người ta.
Người này ai mà nhuộm
răng đen thì ắt sẽ báo
người đó đến vậy. Thế
mới biết tất cả cảm giác
và quan niệm đều do tập
nhiễm mà nên, rất là giả
dối. Xét, vật vốn không
có sự phân biệt cao thấp,
sang hèn, xấu đẹp. Con
người này sinh tinh cảm
và đầy long ham muốn,
là do tâm tinh sinh ra vậy.
Nay nhận chân lại bản
thể, nhìn thấu lấy nhân
tinh, chỉ thẳng vào chân
tâm, nom ra diện mạo vốn
có của sự vật, rồi gắng
sức tu sửa mình, khiến hết
thấy tập niệm đều được
bóc tách ru bỏ, hạ tâm
phân biệt, chúng đắc tự
tại, đạt thanh tự trong
kiếp này, há chẳng vui
sao! Tôi có kệ rằng:
Thân thể cha mẹ sinh
Tinh do tập nhiễm thành
Muôn tượng tâm phân biệt
Lấy huệ phá vô minh.

TRẦN QUANG ĐỨC

南無本師釋迦牟尼佛

破執論

法華經疏卷下
法華經疏卷下

夫體者，父母與之以精血，天地與之以氣命，其與是
剛健，反之則虛，體與心性論，非無相關者焉，幼
而衰弱，成日哭鬧，父母累之，嗟嘆不已，而及長溫
恭孝悌者，吾未之聞，人皆以六根為門，觸動習憤而
久日成性，故說體性雖非一而不兩立，性，心之形
也，所知茲生而轉其思，駁其異，嗟乎，諸法空相，
諸行無常，豈能區區執一耶，如往昔之越人皆以黑齒
為美而惡其白者，譬之若狗牙，且獲視之，今人若有
染齒者必冠之以狂，故知一切感觀皆由習染而成，深
為虛幻，夫物無高低，貴賤，美醜之分，人之斷情欲
者，心性所生也，今論直體，談破性，直指心，看出
本來面目，且勉而修之，使一切雜念泯刃而解，離差
別心，取得自在，成就現劫，豈不樂與，我偈云：身
體父母生，性因習染成，萬象心差別，以是破執明。

GÓP Ý VỀ CÁCH TIẾP CẬN

Cư sĩ **NGUYỄN GIÁC**



Cư sĩ **NGUYỄN GIÁC**

Bài này được viết để góp ý về kỹ năng giao tiếp. Chỉ là một vài suy nghĩ riêng của người viết, còn hạn hẹp trong khả năng và kinh nghiệm của mình, nhưng hy vọng sẽ hữu dụng cho một số bạn trẻ quan tâm.

Người cư sĩ thực ra lúc nào cũng ở trong cuộc đời, không hề xa lạ cuộc đời, và cũng không hề có chuyện từ nơi đâu xa bước vào cuộc đời. Nói "bước vào cuộc đời" chỉ là một cách nói, rằng lúc này chúng ta ý thức rằng mình bước và mình biết là mình bước với hạnh nguyện nào. Chưa không phải mình bị ai xô đẩy hay bị ai dắt mũi đi, hay là kiểu như bước mộng du trong giấc ngủ mê để bước mà không biết là bước. Ít nhất phải thấy rằng mình đang khát sự bước trên đường giải thoát.

Nghĩa là, bước đi tỉnh thức, vừa để tu tâm mình, vừa để hoằng pháp. Bước vào cuộc đời – có thể gọi là xuống núi, hay gọi là hạ sơn, hay gọi là thông tay vào chợ – trước là tự mình cần phòng hộ tâm mình cần mặt, và sau là cần nhiều kỹ năng giao tiếp. Xã hội càng phức tạp, phương tiện kỹ thuật càng tinh vi, kỹ năng giao tiếp lại càng cần khéo léo.

Đức Phật đã dạy từ lâu về nghệ thuật vào đời hoằng

pháp. Phương pháp đó trong Trường Bộ Kinh và Tăng Chi Bộ Kinh gọi là tứ nhiếp pháp -- bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

Trong bố thí lại có ba cách bố thí: tài thí, pháp thí, vô úy thí. Tài thí là bố thí về tài chánh, hay cơm áo gạo tiền, nói theo kiểu thường ngày. Tất cả các tôn giáo đều dùng phương tiện bố thí để tiếp cận và nhiếp phục. Đơn giản, nếu bạn cho tiền, cho gạo, nuôi sống được nhiều người và nhiều gia đình... thì lời nói của bạn sẽ có sức mạnh, sẽ được họ lắng nghe và tuân phục. Nếu kiếp này, họ không nghe pháp bạn nói, thì cũng sẽ là nhân duyên cho kiếp tiếp về sau, khi hạnh bố thí được thực hiện với tâm tịnh tín.

Tại Hoa Kỳ, từ hơn một thập niên trước, tôi có biết một cậu bé, từ năm 4 tuổi trở lên, vắng lời cha dạy, nên khi ra phố gặp những người ăn xin, thường bố thí nhưng đồng đô la lẻ cho họ và thăm niệm trong tâm rằng, "Xin nguyện cho tất cả mọi người được no đủ, sống hạnh phúc và sẽ thành Phật." Vì cậu bé không giỏi tiếng Việt, người cha dạy là khi con đưa giấy bạc hay đồng các vào nòn người ăn xin, hay nguyện, "I wish that everybody will be happy and will become a Buddha." Mỗi cuối tuần, người cha chở con đi mười ngôi chùa ở Quận Cam, tôi mỗi chùa báo cậu bé cùng một đô la vào thùng phước sương và đọc thăm lời nguyện trên. Duyên lành tịnh tín khi bố thí sau này chắc chắn sẽ nở hoa, Kinh Phật đã dạy như thế.

PHẬT GIÁO VIỆT NAM BIẾN CỐ và TU LIỆU (1975-1995)

Bài trích đăng nhiều kỳ từ liệu Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Hoa Kỳ, 1996

21 đến 23.01.1977: Đại Hội Khoáng Đại kỷ VII của GHPGVNTN

Đại Hội Kỳ VII tổ chức tại chùa Ấn Quang năm 1977 là một đại hội quan trọng nhằm củng cố và kiện toàn nhân sự của Giáo Hội đồng thời vạch một hướng đi mới thích hợp với hoàn cảnh đất nước dưới chế độ Cộng sản. Biết được điều ấy, Nhà nước Cộng sản đã cố tình ngăn cản và hăm dọa các nhân sự Phật giáo bằng các hành vi công khai chiếm dụng chùa chiền và bắt bỏ Tăng Ni từ cuối tháng 12 - 1976 đến đầu tháng 01 - 1977 tiến Đại Hội. Ngoài ra, Nhà nước còn tìm cách lung lạc, gây chia rẽ trong nội bộ lãnh đạo Phật giáo, bắt giữ các đại biểu trung thành với Giáo hội và điển khuyết vào đó nhưng tư sĩ đã bị Nhà nước hăm dọa không chế; còn ở các tỉnh khác, các đại biểu tham dự Đại Hội không được chính quyền cấp giấy phép đi đường. Dù vậy, Đại Hội Kỳ VII vẫn tiến hành. Kết quả và các văn kiện quan trọng được đúc kết trong Đại Hội được công bố đề dặt trong phạm vi nội bộ. Riêng về vấn đề pháp lý của Giáo Hội, đã được Đại Hội Kỳ VII công khai khẳng định qua 3 biểu ngữ lớn treo ở tường chùa Ấn Quang:

1. Pháp lý của Giáo hội là 2000 năm truyền đạo trên đất nước Việt Nam.
2. Cơ sở của Giáo hội là nông thôn, thành thị, cao nguyên và hải đảo.
3. Địa vị của Giáo hội là 80% dân chúng già, trẻ, lớn, bé.

Trong Đại Hội Kỳ VII này, Giáo hội đã suy cử Hòa Thượng Thích Đôn Hậu giữ trách vụ Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống. [**Con tiếp**]

Pháp thí và vô úy thí cũng công đức vô lượng.

Về tứ nhiếp pháp, nên đọc kỹ hơn trong các kinh luận ở các trang web. Nơi đây, chúng ta chỉ bàn về kỹ năng giao tiếp.

Phương tiện giao tiếp thường gặp nhất là viết, một kỹ năng cần rèn luyện. Bạn phải viết thư, viết bài luận, viết đơn xin việc, viết bản phúc trình kết quả nghiên cứu, viết bản tin về một sự kiện xảy ra, viết bài phong sự về Đại Lễ Phật Đản, viết lời kêu gọi góp tiền cứu trợ, viết về kinh nghiệm tu học, viết bút ký, viết truyện, làm thơ... tất cả đều cần kỹ năng. Cũng như người học võ, muốn lên đai đen cần tập hàng ngày trong nhiều năm. Tương tự, tập viết nên là thường xuyên, và nên đọc nhiều để tìm

hiểu kỹ năng viết của các bậc thầy. Mỗi khi đọc một bài viết, hay một câu văn... nên suy nghĩ rằng bài này, câu này có chỗ nào hay và chỗ nào dở. Tránh các lỗi chính tả.

Có những người máy mắn sinh ra đã có tài thơ văn, nhưng hầu hết chúng ta đều phải rèn luyện. Sách dạy viết thì rất là nhiều. Bạn có thể vào bất kỳ tiệm sách nào ở Việt Nam hay Hoa Kỳ, đều sẽ gặp những cuốn sách dạy kỹ năng viết. Mỗi sách đều có chỗ cho mình cần học.

Viết ngắn nhưng đủ nghĩa, sẽ dễ làm một tri người đọc, và do vậy điều mình muốn nói sẽ dễ nhận ra hơn. Chỉ trừ khi người viết cố ý, câu nên được viết ngắn gọn, dễ hiểu. Trong câu, cần nhất là tập trung vào chủ từ

và động từ, vì là mô tả sự kiện, có tính khách quan hơn. Thường, nhiều câu có thể cắt bỏ tính từ và trạng từ, vì các từ này mang tính chủ quan hơn, và chưa chắc thuyết phục được người đọc.

Thi dụ, thay vì viết, "nàng đẹp vô cùng," nên viết bằng sự kiện, "khi nàng bước vào quán cà phê, tất cả bọn con trai đều đưa mắt nhìn theo không rời."

Bỏ đi tính từ "đẹp" và thay vào bằng sự kiện khác, vừa mô tả được ý mình muốn truyền đạt, vừa kể thành truyện. Tính từ "đẹp" không có tính truyện; nhưng danh từ và động từ làm thành tính truyện. Ai cũng thích tính truyện, vì đó là cốt tủy của tiểu thuyết và phim ảnh.

xem tiếp trang 20

tiếp theo trang 1

NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG

cạnh về hiện tình phát triển của Phật Giáo tại Pháp và Âu Châu. Toàn bộ quyển sách được tác giả trình bày với một văn phong rất đơn giản và nêu lên các chủ đề cung như các nhận xét thật bao quát, thế nhưng chúng ta vẫn nhìn thấy được chiều sâu và sự chính xác tang ẩn phía sau từng dòng chữ thật đơn sơ của ông.

Sinh năm 1967 trong một gia đình Do Thái Giáo, năm 20 tuổi Fabrice Midal may mắn gặp được một nhà sư Tây Tạng khác thường là Chogyam Trungpa (1939-1987). Ông cạo đầu và tu theo Phật Giáo Tây Tạng từ khi còn là sinh viên, sau đó thi đỗ tiến sĩ triết học tại đại học Sorbonne (Paris). Tuy thấm nhuần các tư tưởng phong khoáng, cấp tiến và "phi-giáo-điểu" của vị thầy Chogyam Trungpa, ông cũng đã chịu ảnh hưởng rất nhiều từ các vị thầy Tây Tạng khác mà ông đã theo học, và đặc biệt nhất là được nhà thần kinh học nổi tiếng Francisco Varela (1946-2001) một trong các đệ tử thân cận của Đức Đạt-Lai Lạt-Ma,

truyền thụ thêm cho ông về phép thiền định. Lý do nào khiến người Tây Phương lại theo Phật Giáo đến đến thế?

Quả thật là đã không hề có một dấu hiệu nào báo trước sự thành công kỳ lạ của Phật Giáo tại Tây Phương trước khi Phật Giáo tiếp xúc với miền đất này vào thế kỷ XX. Alfred Foucher (1865-1952, là một học giả uyên bác của Pháp), tác giả một quyển sách thuật lại cuộc đời của Đức Phật hiện vẫn còn giá trị, đã viết vào năm 1949 một câu như sau: "Ngoại trừ một số người đặc biệt hiếu kỳ thích quan tâm đến những thứ ngoại lai ra thì Phật Giáo rồi cũng sẽ chỉ thu nạp được một số tin đó thật ít ỏi trên đất nước của chúng ta". Theo ông thì tin ngưỡng đó không sao hòa hợp được với tâm tính của người Tây Phương.

Ngày nay nhiều khái niệm chủ yếu của Phật Giáo được biết đến và có thể nói rằng đã có rất nhiều người Tây Phương tán đồng các quan điểm ấy; dù đây là lòng từ bi, sự



Ảnh: LANGMAGORG

vùng chắc của hiện tượng vô thường (chữ này là một đặc thù của Phật Giáo), các khái niệm về vô-nghị, về nghiệp hay là hiện tượng tương liên (lý duyên khởi). Người ta có thể quả quyết rằng rồi đây Tây Phương sẽ trở thành mảnh đất của Phật Giáo, dù không nhất thiết phải là dưới một hình thức tu tập thật chuyện cần đi nữa.

Sự lợi ích do thiền định mang lại thì mọi người đều biết và đã có hàng triệu người đang luyện tập hiện nay.

Khoảng hơn bảy-trăm-ngàn người Pháp tự nhận

mình là Phật tử (nước Pháp có 65 triệu dân), và do đó Phật Giáo đã trở thành tôn giáo đứng hàng thứ ba tại quốc gia này. Con số ấy thật ra còn che khuất một sự thật quan trọng hơn thế nhiều: đây là có năm triệu người Pháp cho rằng Phật Giáo là một tín ngưỡng mà họ cảm thấy gần gũi với mình hơn cả. Phật Giáo du nhập vào nước Pháp vững chắc hơn so với các nơi khác: hàng nhiều trăm trung tâm thiền định đã được thiết lập trên đất Pháp. Ngôi chùa Tây Tạng lớn nhất Âu Châu tọa lạc trong vùng Bourgogne (miền đông nước

Pháp), trung tâm thiền Zen quan trọng nhất ở Âu Châu được thiết lập tại Touraine (miền tây nước Pháp), và ngôi chùa mới của Phật Giáo Việt Nam thì ở Evry (ngoài ở Paris).

Có rất nhiều nguyên nhân đưa đến sự phát triển của Phật Giáo trên đây. Thế nhưng cần chú vào một vài khía cạnh của tín ngưỡng Phật Giáo đã khiến cho con tim của người Tây Phương phải rung động thì có lẽ chỉ cần nhận ra hai nguyên nhân chính yếu nhất là đủ: trước hết là một nền móng đạo đức

xem tiếp trang 16

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN



BS NGUYỄN PHÚC BÙU TẬP

Trong thập niên chín mươi con lại của thế kỷ, tổ chức Liên Hiệp Quốc hoạt động rất tích cực về vấn đề Nhân quyền và Nhân sinh. Năm 1993, Đại hội nghị Thế giới về Nhân quyền họp tại Vienna, nước Áo. Một năm sau, 1994, Đại hội nghị Thế giới về Dân số họp tại Cairo, Ai Cập. Tháng Ba năm 1995, Đại hội nghị Thế giới về Phát triển Nhân sinh học tại Copenhagen nước Đan Mạch. Hội nghị quốc tế về Nhân quyền 1993 tại Vienna quy tụ tám nghìn đại biểu chính thức của các quốc gia, hơn ba nghìn tổ chức ngoại chính phủ, và vào ngày đức kết, 130 vị Quốc trưởng hay Thủ tướng chính phủ tham gia lễ bế mạc.

Trong phạm vi tìm học đạo Phật, ta thử đặt câu hỏi nhân quyền là gì, và giáo lý nhà Phật đã quan niệm nhân quyền như thế nào.

Để hướng việc học đạo

Phật vào hệ thống, ngữ vựng trong bài sưu khảo nhỏ này sẽ dựa vào cuốn Phật học Tự điển của thầy Minh Châu (Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.) Các danh từ chung hay riêng sẽ được cố gắng giữ hình thức chữ Sanskrit (S) hay Pali (P.) dịch một lần qua Hán Việt đặt trong vòng đơn, trừ trường hợp các danh từ quá thông dụng. Như vậy sẽ giúp được người đọc dễ theo dõi, so sánh, tra cứu với các tài liệu bằng tiếng Anh, Pháp, Đức... ngày nay rất phong phú tại các thư viện, trong khi tài liệu bằng Hán văn trở thành khan hiếm, không còn trong tầm tay của người trẻ.

Nhân quyền trong thời Hiện đại

Từ ngữ "nhân quyền" mới được dùng đến gần đây trong bộ môn khoa học xã hội. Tiếng Pháp "droits de l'homme" hiện ra lần đầu trên sách vở vào cuối thế kỷ mười tám, khi các triết gia và luật gia tranh luận về các thể chế chính trị cần thiết lập để thay thế cho chế độ quân chủ. Nhưng thật ra ý niệm nhân quyền đã sản có từ lâu trong lịch sử loài người.

Hai nghìn năm trước Tây nguyên, vào thời văn minh Babylon, có vua Hammurabi (2130 - 2088 trước TN) ban bố đạo luật đảm bảo đời sống dân chúng của nhà vua ngự trị. Văn minh La Mã có bộ dân luật để điều hành việc giao tế giữa cá nhân, và dựa theo đó ta tìm hiểu được cái quan niệm về nhân quyền của người La Mã khi họ làm bá chủ Châu Âu.

Đạo luật nhân quyền "Magna Carta" của người Anh năm 1215 được xem là văn kiện xưa nhất vào thời Trung cổ, trước các bản Tuyên ngôn Độc lập

và Tuyên ngôn Nhân quyền của Hoa Kỳ năm 1776 (Declaration of Independence, Virginia Bill of Rights) và bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp năm 1789. Theo gương hai cuộc cách mạng Hoa Kỳ và Pháp, vào thế kỷ mười chín và hai mươi, hầu hết các nước tại Âu châu, rồi đến Châu Mỹ La Tinh, Á Châu và cả Phi Châu dần dần chấp nhận nguyên tắc nhân quyền. Và ở nơi nào chế độ chính trị ban hành được hiến pháp, đều thấy ghi nhưng điều kiện đảm bảo quyền làm người và quyền làm

dân vào sinh hoạt pháp lý. Đến với nhân quyền, chạm hơn tất cả là các quốc gia sống dưới chế độ thuộc địa của người da trắng, vừa mới văn hóa được chế độ tự lập từ giữa thế kỷ hai mươi. Và có lẽ ta cần nói đến trường hợp đặc biệt của Liên bang Xô viết: trong bản hiến pháp, Cộng sản Nga đã dùng đủ ngôn từ tốt đẹp để diễn tả việc tôn trọng nhân quyền đúng theo tinh thần các bản tuyên ngôn Hoa Kỳ và Pháp. Nhưng trên thực tế, họ đã định nghĩa chính trị và quyền công dân hoàn toàn khác biệt.

xem tiếp trang 5



Ảnh: TAM THƯỜNG DINE/Box Data

Sếp theo trang 1

TÔN GIÁO TRONG TIẾN TRÌNH HÒA GIẢI DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

xã hội toàn thế giới.

Việt Nam trong hai thế kỷ qua đã gần như đứng ngoài nhưng trò chơi tri tuệ cao nhất của nhân loại và hoàn toàn đắm chìm vào nhưng trò chơi thử nghiệm của các chủ nghĩa chính trị. Con người Việt Nam trong thế kỷ 20 là con người chính trị, không phải con người nhân văn hay kinh tế. Nơi này chỉ có nghĩa, yếu tố quyết định lịch sử Việt Nam giai đoạn qua là yếu tố chính trị chứ không phải kinh tế, văn hóa hay tôn giáo. Đồng thời phương tiện quyết định lịch sử giai đoạn qua là phương tiện bạo lực và bạo lực mà thôi. Nhưng vấn đề còn lại ở Việt Nam vẫn là những bước khoa học chậm tiến, kinh tế thiếu u ngheo, chính trị phi dân chủ. Nhưng máu thuẫn còn lại ở Việt Nam chủ yếu là những đợt sóng cuối của các ngọn trào chính trị trong thế kỷ qua, sự chuyển tiếp của một nền kinh tế toàn trị sang một nền kinh tế thị trường, cuộc chuyển quyền tương lai từ chuyển chính vô sản qua một nền dân chủ đã nguyên, việc xây dựng một nền tảng giáo dục và văn hóa mới cho nhưng thể hệ sắp tới. Ba phương diện kinh tế, chính trị và văn hóa là ba mặt của một lá bài. Ở đây không có tương nhượng, không có thỏa hiệp, không có lung chung. Hoặc nhất chin, hoặc nhì bu. Không

có giải pháp khác giữa lực toàn thế giới đang đi trên một xu thế chung. Trong bối cảnh này, tôn giáo đóng vai trò nào?

Tôn giáo đã đứng giữa nhưng mê lộ chính trị của dân tộc trong thế kỷ qua như một người em tội nghiệp, như đứa trẻ ngày thơ. Không có một trò chơi bạo lực hoặc chính trị nào thích hợp cho tôn giáo. Từ những niềm tin và lý giải đủ trường thành để trở thành một tôn giáo, tôn giáo rất ít khi chọn bạo lực làm phương tiện để hoằng truyền. Bạo lực bất đắc dĩ mới dùng để tự vệ hoặc gìn giữ niềm tin, bất giác thì nói rằng vì dân tộc, vì đồng bào. Sự nối kết giữa tôn giáo và chính trị phát qua cây cầu dân tộc. Phật giáo thời Lý Trần, Hòa Hảo thời kháng Pháp, tất cả đều thấy đồng bào như con đỏ, dân tộc như chính thật da mình. Không có mối tương và tình tự dân tộc, tôn giáo và chính trị hoàn toàn xa lạ nhau. Chính trị khi kêu gọi tôn giáo luôn luôn nhân danh dân tộc, nhân danh đồng bào. Tôn giáo khi vận dụng chính trị thường khi vẫn xem đó không phải trò chơi của mình, nếu phải giải thích thì mới nói là vì đạo vì đời. Tôn giáo là trái tim, chính trị là cái đầu, trong cùng một thân thể là dân tộc. Khi tôn giáo và chính trị máu thuẫn nhau chỉ có thể làm tổn thương lẫn nhau và sẽ tàn hại chính môi trường

dân tộc. Đây là cuộc chạy đua vòng tròn. Chính trị luôn luôn theo đuổi, tranh thủ, quyền ru tôn giáo. Tôn giáo luôn luôn phải bám rễ vào dân tộc vào con người. Và tội nghiệp, con người Việt Nam trong thế kỷ sắp qua lại là con người chính trị. Nhưng trò chơi khác của kinh tế và văn hóa vẫn còn xa hoa, phụ phẩm với dân mình. Từ đó tạo nên một cảm giác là chính trị có thể quyết định tất cả. Thực sự không hoàn toàn vậy. Con người mới là yếu tố quyết định tất cả và con người không phải là thuần chính trị.

Chúng ta đã chứng kiến trong 2 thế kỷ vừa qua sự hiện diện của các tôn giáo mới ở Việt Nam, quan trọng là sự hình thành các tôn giáo mới ở Miền Tây Nam Kỳ và cuộc du nhập hoàn tất các tôn giáo phương Tây hệ Kỳ Tô. Các tôn giáo mới ở Miền Tây từ trong lòng dân mà nên, là nhưng hóa thân khác của Phật giáo tôn ghép với bản chất đơn sơ, chất phác, thực tiễn và còn là phản ứng chính trị của đồng bào Miền Nam. Các tôn giáo hệ Kỳ tô như Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cơ Đốc Phục Lâm đang dân dần trở thành nhưng sinh hoạt quan trọng trong nền văn hóa chung sau nhưng thời gian thử nghiệm để thích nghi với cơ thể dân tộc. Nhưng máu thuẫn trong quá khứ giữa các

tôn giáo, giữa tôn giáo và dân tộc đang được quên đi, hình như đó là nhưng ngày đang ghét và kìm kìm. Các tôn giáo hiện đang chưa xé nhưng nỗi lo chung trong bước chuyển mình sắp tới của dân tộc, đó là cuộc đối thoại với nhưng khám phá mới của khoa học (trong đó Phật giáo có vẻ ít lo lắng nhất,) các sử dụng quyền tự do tôn giáo trong nhưng ngày sắp tới, và đặc biệt là vai trò hòa giải của tôn giáo để nhưng thay đổi chính trị nhanh hơn, dễ dàng hơn và ít thiệt hại cho dân tộc. Nếu tôn giáo không đối thoại được với khoa học thì không thuyết phục được các thế hệ tương lai. Nếu tôn giáo không tự tìm được một cơ chế mới và tinh thần mới thì không phát triển được trong một xã hội tự do và phi thần quyền tương lai. Và nếu tôn giáo không đóng được vai trò hòa giải thì tôn giáo đã tự vong thân và là tôn giáo giả trang, nhưng thiệt hại của dân tộc cũng phải thấy là thiệt hại của tôn giáo và dân tộc là đất, là rừng, là biển để cho tôn giáo được là muối, là cây trái, là hương hoa.

Chúng ta đã qua thật xa cái thời Trung cổ khi chính trị được sử dụng cho các mục tiêu tôn giáo, nhưng có lẽ cũng không bao giờ tới thời kỳ tôn giáo hoàn toàn xa lìa chính trị. Mục tiêu của tôn giáo là giải thoát con người khỏi hù vọng trần gian, và vì vậy sinh hoạt tôn giáo sẽ gắn bó với con người trong suốt cuộc tồn sinh. Con người con là con người chính trị, cho nên tôn giáo phải liên tục trực diện với

chính trị mà không được quyền đánh mất ý u tình của chính mình.

Hòa giải giữa tôn giáo với tôn giáo, điều này có thể làm được dễ dàng với các cuộc đối thoại liên tôn giáo trong một xã hội được thôn tin đầy đủ. Các cuộc chiến tôn giáo nếu còn sót lại nơi nào trên thế giới chỉ là nhưng cơn điên cuối cùng của nhân loại. Ở mặt khác, tôn giáo không thể đóng vai hòa giải được thế lực chính trị này với thế lực chính trị kia. Đó là tương quan quyền lực và quyền lợi. Nhưng cần bản nhất và thâm sâu nhất, tôn giáo hòa giải được giữa người với người và đây chính là điểm ưu thắng của tôn giáo, và là điểm tựa cho các quyền lực chính trị và kinh tế khác. Và đây chính là yếu tố có thể làm cuộc thay đổi hệ thống chính trị tương lai của Việt Nam ít đổ máu hơn, ít thiệt hại hơn. Câu hỏi là, tôn giáo có thể làm gì để đóng được vai trò hòa giải dân tộc và xây dựng dân chủ cho Việt Nam?

Các chế độ chính trị đến, thử nghiệm, ngự trị rồi suy tàn, và biến mất có khi không còn chút tăm tích. Nhưng dân tộc vẫn còn đó sau bao nhiêu đối đối, máu thuẫn, cần đắng. Và tôn giáo vẫn hiện diện giữa lòng dân tộc mặc cho nghìn trùng sóng gió. Chính trị không bao giờ có thể đồng hóa được với dân tộc, nhưng tôn giáo có khi và có nơi được đồng hóa với dân tộc. Trong khả năng này, tôn giáo có thể hàn gắn được

xem tiếp trang 5

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

Ta thử đơn cử một ví dụ để học hỏi: Tu chính án số một trong hiến pháp nước Mỹ khẳng định là Quốc hội có bốn phận đảm bảo quyền tự do ngôn luận và quyền tự do báo chí; Hiến pháp Số viết bao hành năm 1918 ghi rõ là "để đảm bảo quyền tự do ngôn luận cho giai cấp lao động," tuyệt đối không để cho báo chí lệ thuộc tư bản, và phát trả lại cho giai cấp thợ thuyền và giai cấp nông dân "tất cả phương tiện kỹ thuật và phương tiện cơ giới dùng để in sách, báo, truyền đơn." Bản Hiến pháp này được viết lại năm 1936, thay đổi vai ngôn từ để siết chặt hơn việc cấm đoán ngôn luận và báo chí.

Giữa thế kỷ hai mươi xảy ra một tai họa lớn nhất cho loài người: Thế giới Đại chiến II và hậu quả. Các chế độ độc tài, như trước là Đức quốc xã và sau là Cộng sản, dùng những phương tiện vô cùng mọi rợ tàn sát cả trăm triệu sinh linh. Chiến tranh chấm dứt, cộng đồng thế giới thức tỉnh, thành lập tổ chức Liên Hiệp Quốc, cũng xảy dựng một thế giới nhân quyền mới.

Khởi đầu, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc công bố bản Hiến chương Nhân quyền San Francisco năm 1945. Văn kiện này không định rõ các tiết mục về nhân quyền và cách thực thi, nhưng cung đã đề xướng rõ ràng là cộng

đồng nhân loại cương quyết đòi các điều kiện về chủng tộc, về nam nữ, về ngôn ngữ, và về tôn giáo.

Ba năm sau bản Hiến chương San Francisco, cộng đồng thế giới thỏa thuận cho ra đời Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (Universal Declaration of Human Rights) ngày 10 tháng Mười Hai, 1948. Bản Tuyên ngôn nói rõ sẽ có hai văn kiện được thực hiện sau, một là bản quy ước định rõ quyền hạn quyền hạn người và quyền hạn công dân, hai là bản quy ước định rõ quyền hạn kinh tế, xã hội và văn hóa của mỗi người. Mỗi bản quy ước sẽ kèm theo huấn thị áp dụng và thể thức giám chế cho Liên Hiệp Quốc trách nhiệm.

Cho đến ngày nay, trong lãnh vực nhân quyền và nhân sinh, ngoài một số văn kiện có tầm quan trọng quốc tế nhưng hạn chế trong từng tiết mục, như bản Tuyên ngôn về quyền lợi Nhi đồng, bản Tuyên ngôn Loại bỏ Kỳ thị Màu da, ... Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ta vừa nói ở trên là văn kiện độc nhất có tầm quan trọng hơn tất cả về quyền làm người và quyền làm dân của mọi người trên trái đất. Ngoài những tiết mục chính trị về quyền làm người và quyền làm công dân đã nói trong hai văn kiện 1776 (Hoa Kỳ) và 1789 (Pháp) bản Tuyên ngôn Quốc tế đặt ra các

quyền mới của con người về kinh tế, về an sinh và văn hóa.

Cộng đồng thế giới đã thỏa thuận công bố được một văn kiện như vậy, kết quả thiết lập nhân quyền thực hiện được như thế nào? Hai mươi năm sau bản Hiến chương San Francisco, tổ chức Liên Hiệp Quốc triệu tập tại Tabul thủ đô nước Afghanistan (là một quốc gia trong thế giới đệ tam có mức độ phát triển kinh tế và xã hội rất thấp kém) Hội nghị Thế giới Kiểm thảo Nhân quyền. Đại hội đi đến quyết định nhìn nhận kết quả lạc quan của việc ban hành nhân quyền và dân quyền, nhưng nêu lên ba vấn đề rất khó khăn khi thực thi đã gặp phải.

Thứ nhất là việc thực hiện quyền làm người và làm dân, từ những nước phát triển tới mức đến các nước hậu tiến, ở đâu cũng có những khó khăn về địa dư và nhân văn, nhưng đặc biệt là tại các quốc gia nghèo, kém mở mang, các mối khó khăn này biến ra những bức thành trì ngăn chặn nhân quyền. Kinh tế nghèo, dân trí kém, ỷ thế lùn bại, và thiếu tinh thần cầu tiến (inertia/ inertia), Đạo Duy Anh dịch là tính vô sinh khí) là bốn bức tường cấm cản nhân quyền. Kinh tế không phát triển làm dân nghèo đói không đủ sức đầu tư vào giáo dục để nâng cao dân trí, không đầu tư vào y tế để đảm bảo an sinh. Kết

quả tự nhiên là dân tình trở thành tiêu cực tri nọa, thiếu tinh thần đấu tranh và cầu tiến mà xã hội học phát triển gọi là apathy.

Điều khó khăn thứ hai là tại các nước kém phát triển, tình trạng nhân quyền trở lại mức "có đến." Đừng nói chỉ đến nhưng quyền mới về kinh tế, xã hội, văn hóa, người dân đang thiếu ngay cả những quyền về chính trị và công dân, như ở vào thời trước cách mạng Hoa Kỳ và Pháp. Muốn có nhân quyền, người dân có tội phải đem ra tòa xử đoán công bình. Muốn xử đoán công bình phải có một tổ chức tư pháp đứng đắn, đặc biệt là nhân viên tư pháp đủ khả năng và có lương tri. Điều này khiến ta nghĩ đến các hình thức "toà án nhân dân" tại quê hương Việt Nam, căn bộ cộng sản tổ chức và xử lý "đấu tố cường hào, đại chủ, phản động," hành hạ đến chết trước đám quần chúng bị đầu độc, nên trở thành man rợ.

Điều khó khăn thứ ba dính liền với phát triển kinh tế. Nhân quyền không thể có nếu phát triển chậm. Muốn phát triển lại phải chấp nhận một số biện pháp làm thiệt tới an sinh. Ví thử cụ thể như việc động viên nhân công đi khai phá các vùng kinh tế cần phát triển. Thiếu tổ chức kế hoạch, thiếu nhân sự, thiếu phương tiện, làm sao tránh được hà lạm và áp bức là những điều đi ngược lại với nhân quyền?

Đúng như lời của giáo sư Egon Schweit trong sách

Human Rights and the International Community: the Roots and Growth of the Universal Declaration of Human Rights, 1948 - 1963 (Chicago 1964) việc thực hiện nhân quyền nằm trong "cái vòng lẩn quẩn," không dễ gì tìm ra lối thoát. Tuy nhiên, ông vẫn kết luận lạc quan là "bốn phận bảo vệ quyền làm người là bốn phận chung... số phận của mỗi con người cá nhân tùy thuộc trước tiên vào quốc gia (ý đang sống) nhưng cộng đồng quốc tế môi ngậy môi quan tâm nhiều hơn vào số phận này."

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền

Bây giờ ta tự hỏi là bản Tuyên ngôn Quốc tế đã nói gì về số phận của mỗi chúng ta, để từ đó ta đối chiếu được vào mối quan tâm của giáo lý nhà Phật về quyền làm người và làm dân. Giáo sư Anton Fernando đã giải dịch và phân tích bản Tuyên ngôn trong sách A guide to Human Rights and the Humanitarian Law (Colombo, 1990). Giáo sư Nguyễn Đình Tuyên cũng đã dịch toàn bản ra tiếng Việt Nam trong sách Tư điển Nhân quyền Mỹ - Việt (Houston, Texas, năm?). Bản tuyên ngôn gồm có 30 điều khoản, ta có thể tóm lược như sau:

Điều khoản 1 và 2 khẳng định là con người sinh ra không ai khác ai, được tự do và bình đẳng trên phương diện nhân phẩm và quyền hạn. Vì vậy mỗi người đều được hưởng

tếp theo trang 16

TÔN GIÁO TRONG TIẾN TRÌNH HÒA GIẢI DÂN TỘC VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

nhưng mâu thuẫn dân tộc, có thể đưa người với người đối thoại được, cảm thông được, tương nhượng được. Điều trước tiên là phải tạo cơ hội cho tôn giáo thể hiện được trọn vẹn chức năng của mình. Nói cách khác, phải có tự do tôn giáo trước thì khả năng hòa giải dân tộc mới thực hiện được. Ngược lại, không chấp nhận tự do tôn giáo có nghĩa là chính quyền tự gây mâu thuẫn với nhân dân và tự có lập giữa các cộng đồng dân tộc. Tự do tôn giáo không phải là chia rẽ hóa của hòa giải dân tộc, nhưng là bước đầu tiên bắt buộc phải thực hiện để chính quyền làm hòa với nhân dân, tâm mình được vào dòng sông dân tộc sau bao nhiêu sai lầm lịch sử. Và chỉ có tôn giáo mới khơi dậy được tình thương và tha thứ. Ngày hôm qua là của chiến tranh, của căm thù, của phân hóa dân tộc. Ngày mai phải là của hòa bình, của tình thương, của hòa giải dân tộc. Trong viễn tượng đó, tự do tôn giáo sẽ là bước canh tân đầu tiên phải thực hiện, song song hoặc phải là trước các canh tân chính trị và kinh tế để giám trụ hỷ sinh và rút ngắn thời gian thử nghiệm.

Ở một khác, tự do tôn giáo còn là bước đầu tiên của tiến trình dân chủ hóa đất nước ít gây xáo

trộn nhất, ít hỷ sinh nhất và ít tổn kém nhất. Ít gây xáo trộn nhất vì tôn giáo thường không chấp nhận các giải pháp bạo lực, ít hỷ sinh nhất vì khả năng hòa giải của tôn giáo luôn luôn mạnh hơn khả năng gây mâu thuẫn (nếu có) và ít tổn kém nhất vì chính quyền không cần quan tâm tới vấn đề này nữa và cũng vì tôn giáo lúc nào cũng đã sẵn nằm trong lòng dân tộc, trong sự bảo bọc của nhân dân. Chuyển được từ căm thù qua yêu thương, từ đấu tranh qua cảm thông, nếu không qua nhip cầu tôn giáo sẽ không còn cách nào hay hơn, ngắn hơn. Chỉ có tôn giáo mới không đặt nhưng điều kiện tiên quyết để làm kho nhau. Và tự do tôn giáo còn là một thử nghiệm đại nguyên phong phú cần thiết cho sự trưởng thành của dân tộc vì hầu hết các tôn giáo còn mang tính con người chung nhất, vượt ra ngoài biên giới quốc gia, chủng tộc, tình phái. Đó là chưa nói tới sự nối kết tôn giáo giữa những người khác chính kiến với nhau.

Ngoài khả năng bước đầu hòa giải dân tộc và dân chủ hóa đất nước, tự do tôn giáo còn có thể vận dụng được nhưng nguyên tài nguyên vô tận của các cơ quan nhân đạo quốc tế và khả năng đóng góp của nhân dân để xây

dựng lại nhưng cơ sở tôn giáo, trường học, các ban tu thư tôn giáo và triết học, trại mồ côi, bệnh viện, văn văn. Một nền văn hóa mới của dân tộc có thể được khai sinh từ viên gạch đầu tiên của tự do tôn giáo, và giữa rất ít điều tàn đổ vỡ của mâu thuẫn dân tộc. Chỉ có tôn giáo mới không tính toán lợi lộc, mới không gài nhau ra ngân hàng hay tòa án nói chuyện, và chắc chắn là không bao giờ đưa nhau ra sân bắn.

Thế kỷ 21 đã gần kề. Thế giới hầu hết đã vượt xa Việt Nam. Chúng ta sẽ nói điều gì với các thế hệ đi sau? Hướng đi ưu thắng đã thấy rõ là kinh tế thị trường và dân chủ đa nguyên, đây còn là kinh nghiệm đại lọc máu xương của toàn thế giới. Trên bước chuyển tiếp cần phải có hòa giải dân tộc để giám trụ thật nhiều thương đau. Và chỉ có tôn giáo mới thực hiện được chức năng này, vì hòa giải chính là yêu tinh của tôn giáo. Hay nói đến vai trò tôn giáo trước, một chuyện khác nói sau. Hay mở cánh cửa tự do tôn giáo trước, mới tìm được sợi chỉ dẫn đường ra mê lộ. Tự do tôn giáo không phải là chiếc đưa thần cho dân tộc, nhưng có thể là phần lớn của chiếc đưa thần vậy.

PHAN TẤN HẢI



MƯA BAY TRONG TIẾNG CHUÔNG

PHẠM NGỌC THÁI
www.vamhuanviet.org

Chuông chưa thính lên lời cầu nguyện
Nam-mô-a-di-đà!
Trong khúc mưa bay âm vang trời đất
Nửa tỉnh, nửa mê cung thế như là...

Vì vút tắng cao mưa là rừng
Nghe lao xao sóng vỗ bên hồ
Chân ta bước dưới khuôn trời thành phố
Tiếng chuông buồn lại hòa bản nhạc thơ.

Thoát tình đã vào xa vắng
Minh anh với bóng nhớ hoài em
Hồn như cánh chim vô định
Mãi tóc em bay lăm mưa mệnh mang.

Ôi, tiếng chuông gầy lên bao kỷ ư?
Kìa không gian thao thiết gột chân mê m...
Giờ diu dật, ánh trăng suông diu dật
Bản thơ tình anh vọng giữa mưa đêm.



Pho Đa, trong Xiết cổn tại chùa Kỳ Cổ ở làng năm 1117 Bính TRẦN QUANG SỨC



CÁNH CHIM VÔ SỰ

HOÀNG LONG

www.tienve.org

Nhiều khi tôi thấy sợ hình hài chim, thấy mình sao dư hai cánh. Tôi chỉ cần cánh để bay đến một chỗ nào cao ráo đẹp để mà thôi, rồi an trú cho qua ngày tháng. Có lần tôi làm tổ nơi gác mái nhà người, có lần ở một lầu chuông, lại có lần ở trên cành cổ thụ. Thức ăn lúc nào cũng sẵn, khi được người ta rắc cho, khi thì sâu bọ bò lớn ngón quanh chỗ nằm, thành ra ít khi nào túng thiếu. Tôi nhìn ngắm những đôi bướm lượn hay đàn chim bay trên trời cao rồi tự hỏi tại sao chúng phải bay vất vả như vậy làm gì? Bay mỏi thì phải tìm chỗ đậu, vậy cứ đậu một chỗ nào đó có phải hay hơn không? Tôi vô ngực cho rằng mình đặc đạo, đã không còn vọng động ngoại cảnh nữa rồi. Để tiện cho việc tu tập, tôi bay đến một tượng Phật thật cao, làm tổ trên vai Ngài, gạt gù khoái chí ra về ta đây cũng đạo mạo, xa lìa nhảm thế như ai. Được mấy ngày thì tôi đói bụng, bay đi tìm thức ăn vì nơi này hoang vắng, núi cao không bóng người, ai đâu mà bố thí cho tôi.

Xem tiếp trang 8



tiếp theo trang 7

Tượng Phật ngự ngay đỉnh núi, nên tôi khi cất cánh bay, tôi thấy mình trên đỉnh mây ngàn. Khi cả cõi nhân gian bé tí kia thu trọn vào trong tầm mắt, tôi choáng váng sững sờ. Thì ra cõi đời tươi đẹp như vậy, nếu mình không bay được làm sao có thể chiêm ngưỡng cảnh sắc này đây. Vậy mà mình đã ngu ngốc xếp cánh bao nhiêu năm, còn nghênh ngang cho mình đã ngung vọng động. Như một tiếng sét nổ vang, mắt tôi chói lòa. Tượng Phật mỉm cười hiền từ nhìn tôi. Hiểu ý, tôi bay thẳng miệt mài. Bay mệt thì nghỉ, nghỉ rồi lại bay. Tôi đã trở về với chính tự thân của mình, một loài chim cánh lớn. Hãy ngược nhìn lên trời cao, tôi đang chào bạn đó. Ngay trên đầu bạn, ngay bây giờ đây.

Hcmcmts, 19/2/2012

HOÀNG LONG



Pha đon, huyong flat on the cao thoi Ly (11th century) Hinh: THANH QUANG ĐỨC



Pho: TÂM THUONG DINH/Eno.com

EDUCATION IN PRESENT TIME FOR OVERSEAS VIETNAMESE YOUTH

“In order to assure how the express train would reach Western Happiness Land, a leader should arm himself with words and action, not merely with texts or pure arguments.”

VEN. THÍCH NHƯ ĐIỂN

Since the day man appeared on this earth, under some form, by natural instinct, he or she has conducted his or her living in two identifiable manifestations, spiritual and material.

Though this life could be viewed differently by a philosopher, by a theologian, and this one must differ from a politician's, a psychoanalyst's etc. Anyway, under any form, man should not live merely by nutrition from food, rice and vegetables, but he also must prove his growth in spiritual life. By this, Buddhism put forward the notion this implies that and vice versa. It means beyond or outside material things or matter there would be no spirit and outside the latter there wouldn't be matter as a solely independent thing. In this category, education must play a very important role. But what is education?

The word to teach (Giáo) means to give instructions, knowledge, to show the way; and to want (Dục) means to desire, to feel a need to become. In combination, education means to show to someone (something) and (wish that person) become an (useful) element for life, for people, for religion. That must be exactly education!

How many types are there in education?

In reality there should be in plenty; education for toddlers, teens, adolescents, adults, psycho-

logical, schooling, society, moral, argument or reasoning, sexual, statistical, governmental, financial etc. and so forth, there should be a specialty for every kind of education. Hereafter, we would deal only with some problems concerning Vietnamese Youth living and growing overseas in present time.

1. EDUCATION CIRCUMSTANCES: In fullest extent, it would be environment. In our Asian society in old times and even today, a student has to learn what he is taught; his duty is to learn by heart and recite to the teacher; and his obligation is completed. Meanwhile nowadays on foreign soil, the circumstances differ a lot; he not only has to learn what the teacher gives or imparts, but also has to expand his talent or inclination through plays, computer games or pals correspondence etc...; compared with previous generation, limit of knowledge of the present Youth is steps farther; it means merely 20 years apart, every conditions are changing.

In agricultural countries, pace of growth in education is very slow, everyday information not updated in time; among these are our Vietnam and world developing countries. While in developed industrial countries, man is capable of using time faster, much more in quantity and more effectively. Perhaps, by better circumstances and environment, education enjoys of better advancement.

A child in Asia may regard parents and teachers as gods. Therefore, he or she might be afraid of mistreatments from those gods, but develop least intimate relationships toward parents and teachers. On the contrary, in today Western societies, a child could be very close to teachers in school and parents at home and very confident to find them as friends least gods he or she hates to see in classroom.

Here, children are taught to be more confident or self-reliant, so when grown up in front of peers or big audience, they could strive all their talent and self-confidence; trained and experienced since childhood up, they are self-assured and look natural. How about Vietnamese children in homeland?

If stated completely otherwise, hardly it could be fully right, because there'll be some kids endowed with perfect oratory before a multitude of audience; but they are not in plenty. In the other hand, most part are passive or not enough actively taking part, when their name called upon, they'll speak out their opinion, not from bottom of their heart and mind, but lightly touch not much profound topics; anyway outside teaching session, gossips on travels, excursions will run freely without stopping. Do circumstances and environment of education regarding Vietnamese children, when applied to reality, not suit times or they are out of time?

Referring to the Vietnamese Buddhist Family organization, its presence lasts more than 50 years domestically and more than 25 years abroad. Although its membership is numerous, but educators of the Family or to be more exact, leaders, men and women, are taking mold from a Vietnam under conditions of 50 years ago. From this reasoning, it would be stated straightly: There are still some effects, but not many anyway. Vietnam is an agricultural country, not industrialized and fully democratic one like U.S.; since birth, dated 200 years ago, she has no monarch at all but presidents who govern them. Therefore, education for Vietnamese Buddhist Family Youth should be updated and revised through contribution from leaders who had graduated from education university or normal school. If not, that echo must go in one way direction and it would not go in tune with anything to make progress in limitless and promising space.

2. METHODS OF EDUCATING: Our Asian mothers will show their love toward an infant when it cries by feeding it or lulling it; but these acts do not benefit, because they will only satisfy the self of the child and won't bring in any benefit at all to it. If there's any, it will suit adults only. It allows adults more time to do other things, being assured the child would go into deep sleep. This is an unbalanced educa-

tion. In Western European countries, when a child goes crying, it'll be allowed to cry and stop by itself. At first glance, this would be remarked that what a cruel mother could be. But this situation will be very good for the child's self-motivation, it could cry as much as it likes and then it would stop by itself.

We, as Asians, will go and help a child when seeing its fall; but in Western countries, they won't; let it stand up by itself in order to live its life in future.

At examination room, we, Asians, do often look over shoulder to other and scan answers; but today in Japan and in Western European countries, almost there would not be any act of this kind of larceny. What happened? It is realized that when copying answers from others to pass examination, it would harm and hinder the development of talents of ourselves.

Asian mothers rarely ask husband and children at home what to cook for Monday, what for Tuesday or what they like. They cook what they do like; and children will eat or not, it's their business, not mothers'. Here, it's totally different; at weekends, the whole family meet together and discuss over family activities for the coming week and run over weak and strong points for the week that freshly passed. In most Vietnamese families, there would be nearly no such things. It's the same thing

continued on page 11

continued from page 10

EDUCATION IN PRESENT TIME FOR OVERSEAS VIETNAMESE YOUTH

for Buddhist Family; many leaders, not graduated from Mass and Youth Psycho classes, are put in lead and guide positions of groups, certainly it will be a failure; because they will exactly follow what are shown in books, and dare not initiating. When asked, here's the easy answer: This is regulations or bylaws of the Family. There's nothing wrong with this answer, but not completely right; because it's on collectivity, bylaws are made, so after decades, they could be amended by and on collectivity; it's not a principle or law, such as non-permanence law to be afraid of its effects.

As seen in any country, constitution may be amended through national assembly or public referendum. Even in the case of regulations and disciplines of a Buddhist practitioner, before going into Nirvana, Lord Buddha still advised most venerable Anan: unnecessary regulations should be written off. It's basic thing to do. However, many leaders and monks are stuck with oldies like safeguard treasure, or gems, unshakable to change educating method in conformity with present conditions in foreign countries. While leaders, middle aged and old aged just passed high school level or college graduated, members of adolescence of the today overseas Family are in doctorate and post graduated rank etc... by this, educating method in Buddhist Family should

posterior generations; it would make them trust, feel confident and interesting to frequent Buddhist Family.

The Bodh Gaya, if planted in tropical Asian lands and even in open air, may need not much watering to survive and grow; otherwise, in Western European countries and in cold weather lands, it should be planted in air conditioned greenhouse; if not the Bodh Gaya would not have leaves nor branches. This should be educating method for Vietnamese Buddhist Family and even for overseas monk or nuns, younger generations and this should also be great concern for all clergy ranks and leaders.

3. MASS EDUCATION: When asked to sing a folksong, a Japanese can implement it from beginning to end, throughout and melodically, keeping tight and right beats. When 10 of them are asked to do so, the same thing will happen and even hundreds asked, they all can sing with the same accomplishment. It will be different with Vietnamese; among the mass of people, very few could repeat by heart a folksong. Everyone has his own show; some one knows this segment and forgets other and very many times may abandon abruptly in the middle of the performance, but anyway he can be half rewarded with scarcely light applauding hands.

Even nowadays fervent

and respectfully.

For Vietnamese, there should be plenty of persons of that serious manner, but not yet in mass uniformity, e.g. when follow a funeral cortege, we have not yet endorsed some kind of uniform; in holy or teaching places, or in group activities, many talk or chat exchanges still roll out without reservation, that must bother a lot of people close by; it does not benefit selves, and badly inflict others; sometimes smoking still be exercised at holy places, and jokes too; attention is diverted from litanies sutras or preaching from venerable etc. This should be an education for mass production in larger number, it's extremely difficult. A sole man could not provide a serene scenery, and everyone should create good environment so that conditions could change. Man has to change conditions; definitively conditions could not change man.

4. PRACTICE EDUCATION: This might be a very new topic I have put up. For me, it could be applied to Sangha, monks and laic practitioners, among them there be Buddhist Family. Very often I had to tell clergy at Vien Giac pagoda in Germany that: Studies could not make someone liberated or lead to freedom; but if we want to open the door to freedom, we need Dharma practice and studies. It should be stressed upon that the aim would

addition, 14 day sessions were set up now and then by chance in Australia, Europe or in America. Meanwhile leaders, men and women, with Dharma limited knowledge level, are only content with Dharma program of the Family in house; they are not yet acquainted with great Sutras such as Hoa Nghiem, Bat Nha, Dai Bat Niet Ban etc...

Recently in homeland of Vietnam, the Vietnamese Buddhist Family has strived to edit a collection of books on Dharma with relatively high level, but it does only slightly touch the doorsteps of an University, not deeply running into post graduate workshop. And it still deals wordy texts not practical actions. In appearances, the Family has some strong scores such as uniform and discipline; but in inner mind and in study and practice life, the Family should engage into other studying sessions organized by different pagodas and Faiths or Churches. It should not keep intact the content of training of 50 years ago without any preparedness receptive to progressive changes the whole world has to witness today. Dharma study is like a water stream, if it does not progress, certainly it could be hindered by stoppers. Therefore, it would be wise to equip itself with more righteous and appropriate studies in service of ideal for Buddhist leaders and at the same time they must try to be role models and good examples for children in practice life and in studies as well.

Today many foreigners

religious life to prepare themselves to thoroughly answer to questions posed by foreigners and put forward to them. On occasion the Buddhist Family of regional Quang Duc in U.S. likes to publish a collection of accounts and articles and essays on Vietnamese Youth Education and Mr. Quang Phap Tran Minh Triet asks me to write something. I wrote this essay discussing on 4 above-mentioned categories.

If it does benefit, somehow let forward and contribute to present overseas Vietnamese Youth toward which leaders, men and women must bear the main burden. If not, it might be seen as a modest contribution from a clergy member, a Vietnamese monk who has being living on foreign soils more than 30 years; had moved around famous universities in Japan, in Germany researching on mass psychology education which sometimes would suit foreigners only, and unfortunately not Vietnamese; so this should be regarded as an article good solely for reference. As a coordinator and liaison officer for the Vietnamese Buddhist Family overseas as well as in homeland, today I would be very proud to intone my concerns toward Youth; because, since my childhood for nearly 40 years ago, before I left home for Dharma practice, if there was no Vietnamese Buddhist Family at a much remote village in Quang province, I wouldn't have had occasion and capability to convey my thoughts to previous or elder generations and

"Studies could not make someone liberated or lead to freedom; but if we want to open the door to freedom, we need Dharma practice and studies. It should be stressed upon that the aim would be freedom or liberation, and in order to assure that freedom, Dharma practice and studies should be taken in seriously. Some people have learning but not adopt practice." - **VEN. THICH NHU DIEN**

be reviewed. Some young members complained with me: Sire, when entering the Family, I feel like going into a boot camp of a military unit! Here's my answer: an organization must preserve discipline!

However that answer could not solve questions raised by these young men. From inside they may figure out that a Buddhist Family organization should be freer, more open; whoever has no experience on psychology could not lead on psychological things. Although our Vietnamese Buddhist Family has established ladder Tap, Tin, Tam, Dung levels (novice, loyal, efforts, brave) to lay out results of training and camping; but it should be frank to say that generations of today overseas Vietnamese Youth need and demand that leaders, men and women, have to go through education training themselves in order to be able to assimilate local and native life and culture in foreign lands, before leading

and devoted overseas Buddhist organizations, it's acceptable when singing the National Anthem, but when comes the Buddhist signature tune, it needs not to say, sometime it's not so holy and out of tune!. This must be not a justifiable and rigorous mass education. It still not yet refers to sutras recitation for the mass of the Buddhist Family or followers at pagodas, even at the ones presided over by venerable monks. The venerable or a leader has just chanted the word Nam, without any hesitation the mass on lower ground have spitted out the word MO; but what should follow after Nam Mo? the master of the Sutra session could not out loud voices from the mass that must be much more louder than his; while he intends to chant up Nam Mo Bon Su Thich Ca Mau Ni Phat, certainly not Nam Mo A Di Da Phat. Westerners, when entering any sanctuary or holy places, look polite with good attitude; they act very seriously in manner

be freedom or liberation, and in order to assure that freedom, Dharma practice and studies should be taken in seriously. Some people have learning but not adopt practice. Some do the inverse, exercise monastic life without studying. Therefore there's no reciprocity complement. If a train is expected to run fast, it does need a good locomotive and at the same time good carriages should be considered an important factor too. In order to assure how the express train would reach Western Happiness Land, a leader should arm himself with words and action, not merely with texts or pure arguments. Today in Europe many Family members have been registered to observe Bodhisattva Deeds at home, adopting permanent vegetarian regime; they are doctors, engineers, and attended regularly European studying Dharma sessions; so far 23 sessions were counted, 10 days each, organized in summer every year at country by turn; in

are studying Buddhism and a lot of them have been turned in followers or believers. Surely they know that only teachings of Lord Buddha could liberate them from rigid and uninteresting doctrine in other religions. Scientist Albert Einstein once said: the only religion of the future, appropriately suits and could science, must be Buddhism (Tim lai nguyen van). Buddhist study must be so superior and how a leader couldn't master teachings and a monk should carry out one way practice; if so, the Path could not assimilate real life; mostly when we like to drum out loud our beats or we want people hear our bells; our bells must highly sound and resonate in melodious tune so that their echoes could penetrate people hearts; and it would be impossible when stress being put on two separated ways, Path and life. In order to do so, a leader or a leading monk should be fluent in foreign languages and observe a serious studying and

mainly afterwards to posterior transferring generations and on.

Each generation can only bridge from the last past to the present. I may be assured that the coming generation could only be bridged by the present one; a past could not be shortened to the future. Otherwise if trying differently, it could only be a loose end. For each person might only implement some definite things in his lifetime. Let's wish the Vietnamese Buddhist Family organization in present time in country or off country would always be daring by strong efforts, firmly wise and progress under miraculous leading light from Buddhas. Let's hope so!

From farther Germany
in full Spring
Munich 18-04-2002

BY VENERABLE
THICH NHU DIEN

NHỮNG NGƯỜI BƯỚC CHẬM



Ngày lập đông. Trời lạnh suốt từ đêm qua đến sáng sớm hôm nay; mặt đến trưa mới có nắng ấm dịu dịu giữa một trời lang đang sương giăng. Một ngày như thế nơi công viên nhỏ ít bóng cây không phải lý tưởng cho lắm. Nhưng bãi cỏ ở đây thì thật đẹp. Dù mưa thu đã qua với nhiều lá vàng khô còn rơi rớt đâu đó, thảm cỏ công viên vẫn xanh mượt, tạo cảm giác êm dịu cho đôi mắt đã mỏi mệt vì bụi bặm trên gian.

Công viên cách xa lộ không bao xa, mà trục lộ chính của thành phố lại chạy ngang mặt trước, nên thỉnh thoảng, tiếng động cơ của vài chiếc xe nào đó có tính gây huyên náo, cũng tràn đến bằng ghé ã, như những đợt sóng dư phá vào, làm chao động cả vách núi im. Có một người ngồi đó, lặng lẽ nhìn, lặng lẽ nghe.

Huyền náo rộn ràng thường khi chỉ biểu hiện một cái gì rỗng tuếch. Nhưng người ta vẫn muốn phơi bày cái rỗng tuếch ấy, vì rỗng tuếch chính là chất liệu của một đời sống vô nghĩa, vô hồn nơi họ. Một cái gì đó không bắt

được mạch nguồn vô tận thì sau vài giờ nước đục, đã thành cặn khô. Người ngồi nơi ấy, lặng lẽ nhìn, lặng lẽ nghe. Một chiếc xe đi vào bãi đậu công viên với tốc độ không bình thường. Nơi đây mọi thứ động tác, mọi chuyển động của con người và cây cỏ đều chậm, nhẹ nhàng. Xe vào thật nhanh, cửa đóng ầm ầm, có vẻ gì như là một cuộc xam lẫn. Từ trên xe, những người màu mỡ và tự tin bước ra. Điện thoại cầm tay, mỗi người một cái, nói chuyện với một ai đó ở mớ hồ phương xứ. Ba người đồng hành không nói chuyện với nhau mà lại nói chuyện với những ai khác qua điện thoại tiện ích tàn kỳ. Một người khác ngồi lại trên xe, chăm chú dán mắt vào máy vi tính xách tay. Đọc truyện hay xem tin tức, hay đang liên lạc với ai khác bằng vi thư? Thế giới loài người hôm nay đem cái xa gần lại, và đẩy cái gần đi xa.

Người ta đã nói thật nhiều nhưng không nói được bao nhiêu. Nhưng điều đã nói, không thực sự cần nói. Tràn ngập trên truyền thanh, truyền hình, và hàng triệu trang lược tập

thể, trang lược cơ nhân, là những tiếng nói, hình ảnh, sắc màu. Chưa bao giờ loài người được quyền nói nhiều, đáng nhiều, biểu đạt nhiều như thế. Cái gì cũng nói được, phơi bày được, và đã được gửi lên mạng lưới toàn cầu một cách nhanh chóng. Nhanh chóng đáng lên, rồi nhanh chóng bị đẩy lui vào trang sau để nhường trang trước cho các bài mới. Nhưng trang mạng chuyển về tin tức chính trị, thời sự, kinh tế... cập nhật hàng ngày là chuyện bình thường. Nhưng các trang về tôn giáo, triết học, văn chương... cũng thế, cập nhật mỗi ngày, hoặc vài ba ngày một lần. Cập nhật, cập nhật, cập nhật... Update, update, update... Đó là tư duy quan trọng nhất của xã hội thông tin ngày nay. Trang nào, báo nào không cập nhật hàng ngày thì bị bỏ rơi, bị chệch là chậm quá, giống như chiếc xe lái chậm trên xa lộ, chỉ cần giảm tốc độ trong vòng vài giây, vài phút, đã thấy hàng trăm xe vượt qua mặt (cô khi đã qua mặt rồi còn ngoài cổ nhìn xem thử ai mà lại chậm thế!). Bãi nào không kịp đọc hôm nay, ngày mai có thể là tìm không thấy. Phải đọc

nhANH cho biết. Cái gì cũng cần biết, không cần hiểu. Nếu nhiều bài quá mà không có thời gian đọc, chỉ cần lướt qua tựa đề hoặc xa hơn nữa, lướt đoạn đầu đoạn cuối của bài là đủ. Đây là cách đọc và học của con người thời đại. Tư tưởng, triết lý, văn chương... phải có động lực và được biểu hiện qua hình ảnh và âm thanh chất lọc nhất, giống như áp-phích quảng cáo: vừa đưa lên đó thì thoát cái đã biến mất. Nhưng người nhận nhớ thông điệp không kịp thấy. Nhưng đầu óc chậm phân tích sẽ không kịp hiểu. Nhưng người trầm tư ít nói sẽ là những người lạc hậu... Người đàn ông ngồi đọc sách nơi băng đã công viên. Mấy con chim nháy qua nháy lại gần gió rúc. Xe vượt nhanh trên con đường cao tốc gần đó. Trời hanh nắng. Gió đưa nhẹ hơi lạnh của ngày chớm đông. Mấy xam chen mấy trắng, lò lừng như giòng nước đục. Một cặp tình nhân kẻ vài song bước, chậm rãi đi qua. Cặp tình nhân không còn trẻ. Chàng lớn hơn nàng khá nhiều tuổi. Có thể là một cặp vợ chồng. Nhưng cách họ nắm tay, lặng lẽ bước bên nhau

nơi công viên nhỏ bé này, giống như tình nhân, hay đôi bạn tri kỷ vọng niên. Đôi mắt họ tràn ngập hạnh phúc. Thế giới của họ bây giờ là đôi bàn tay nắm chặt lấy nhau, còn có nhau trên đời. Chạm rai dạo bước công viên. Im lặng ngồi bên nhau nhìn ngắm mấy cây lung ló. Không cần biết họ là ai, làm gì, xuất thân từ đâu; chỉ biết tình yêu của họ là tình yêu của đầu thế kỷ trước.

Thuở ấy, người ta hay con làm thơ. Và những người yêu nhau, không đến không đi vội vã. Họ trao và nhận những câu thơ để đọc chậm rãi, và có thể đọc tới đọc lui nhiều lần.

Khi nhiều người rầm rộ tiến đến tương lai thật nhanh bằng tốc độ của điện tử, bằng hàng triệu bài viết dài ngắn, bằng muôn vạn lời nói, bằng muôn vạn hình ảnh và âm thanh sôi động... có những người thật lặng lẽ, ngồi nơi băng đã công viên, nắm tay nhau, hoặc một mình, thông thả đọc sách...

VINH HẢO



"THE PATH TO WELLNESS"

The mission of my pharmacy is to provide medication for the patients and the proper counseling and education to ensure proper usage of medicines. We highly emphasize on understanding of diseases and proper way to take medications.

TAO
WELLNESS
Pharmacy

16931 Bushard st. fountain Valley, Ca 92708 714-593-5654

GÓP Ý VỀ CÁCH TIẾP CẬN

Nói như trên, chỉ để nhắc bạn rằng viết là một điều có thể học và rèn luyện; và hành động viết là một cần nhắc, lựa chọn và trau chuốt của nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

Một phương tiện không thể thiếu sót của thời đại này là tiếng Anh. Muốn đọc nhiều, học nhiều, cần phải biết tiếng Anh. Thời này, bạn có thể tự học tiếng Anh dễ dàng. Chỉ cần vào www.google.com và gõ "how to write well", sẽ có đủ thứ lời khuyên, hướng dẫn về cách viết. Hãy vào các trang web của các đài phát thanh VOA, BBC... để tự học. Trong khi học tiếng Anh, tự mình cũng rèn luyện được cách viết tiếng Việt.

Sau khi viết, là phần gửi đi. Nếu bạn không phải sống bằng nghề cầm bút, hãy đang có hợp đồng với nhà xuất bản, thì nên gửi tới càng nhiều báo càng tốt. Pháp nhà Phật cần quảng bá nhiều. Bạn hãy hình dung thế này: cứ mỗi hai tuần, bạn gửi một bài viết cho các báo địa phương. Không nhất thiết là bài viết về Phật pháp, mà là nhiều thể loại như truyện ngắn, thơ, bài góp ý về xã hội, bài nhận định sách mới, phong sự về lễ hội Quan Âm, và vân vân... Các báo muốn đăng cũng được, muốn bỏ vào thùng rác cũng được; bạn đừng bận tâm, vì đây là bạn viết với tâm phụng sự cuộc đời, không có gì vì ích kỷ hết. Tôi khi đơn vị Gia Đình Phật Tử của bạn tổ chức một buổi lễ, buổi gầy quỹ từ thiện, hay có thông tin cần phổ biến, các báo cũng nhận được bài của bạn sẽ tích cực tới để giúp đỡ, loan tin, quảng bá.

Viết hay, viết dẹt dẹt, viết thuyết phục chính là ai nấy. Gửi bài cho các báo tùy nghi đáng tái, là bố thí. Thực ra, cũng là lợi hành và đóng sự, vì các báo sẽ nhìn bạn như một người cầm bút, cũng lạng vãng với nhau cả, và

rằng mình đang giúp cho tờ báo của họ phong phú hơn, đa dạng hơn.

Trường hợp tại Hoa Kỳ, nếu bạn viết và in được sách Anh ngữ thì tuyệt vời nhất. Bạn sẽ hoàng pháp dễ dàng. Tuổi trẻ Việt ở hải ngoại không đọc được Việt ngữ, và nếu em nào đọc được, cũng không nắm giữ nổi ý nghĩa sâu kín trong ngôn ngữ Việt. Thế nên, nhu cầu giảng dạy bằng Anh ngữ ở Hoa Kỳ rất lớn.

Viết cho báo Mỹ là chuyện khó. Nhưng bạn hãy suy nghĩ thế này: khi bạn đưa quảng cáo để đăng chỉ trên một phần tư trang báo Mỹ, bạn có thể sẽ phải trả tiền nhiều tới vài chục ngàn đô la, tùy báo. Nhưng, khi bài của bạn viết, và được đăng trên báo Mỹ, thì bạn đang làm được công việc mà dù người khác có tốn vài chục ngàn đô la cũng không làm nổi: ý kiến của bạn được đọc, mà đọc giả tin rằng bài đáng vì ý kiến của bạn được báo này đánh giá là xứng đáng để đọc, chứ không phải là đáng như quảng cáo.

Thế nên, bạn có thể viết cho báo Mỹ trên trang Op-Ed (Ý Kiến, hay Diên Đán). Thí dụ, mỗi tháng, bạn gửi một bài cho báo Mỹ trong khu vực mình cư ngụ, dù họ không đăng, nhưng cũng tạo thành một mối an ninh. Cũng có khi, họ sẽ cắt ngắn để đăng vào mục Thư Độc Giả. Khi tên của bạn quen thuộc với tờ báo và độc giả, các lễ hội tại ngôi chùa mà bạn sinh hoạt sẽ được quảng bá rộng rãi hơn; đó là những điều mà tiền không mua nổi. Và nếu tác giả các bài viết lại là một vị sư hay một vị ni, thì nhà sư hay ni này sẽ thường xuyên được báo Mỹ phỏng vấn khi xảy ra bất kỳ chuyện gì liên hệ tới Phật Giáo trong vùng.

Các báo Mỹ không cần biết rằng bạn có phải là một Tiến Sĩ hay không,

nhưng họ biết rằng bạn thường xuyên gửi bài cho họ, bạn có khả năng hoàng pháp bằng tiếng Anh, và việc làm của bạn đang phong phú hóa tờ báo của họ. Điều quan trọng mà báo Mỹ cần: độc giả muốn đọc bài viết của bạn, và muốn biết sinh hoạt và suy nghĩ của cộng đồng gốc Việt ở địa phương.

Hãy kiên nhẫn, viết là một nghệ thuật, cần phải học và rèn luyện lâu dài. Trên đường học, bạn cũng nên học thêm một số kỹ năng khác để dễ tiếp cận chúng sinh. Thí dụ, bạn có thể tự học vẽ, hay học thư pháp. Hãy hình dung thế này: nhưng ngày Tết hay kỳ Đại Lễ Phật Đản, các vị sư trong chùa sẽ triển lãm thư pháp hay tranh Thiền; không chỉ là giữ gìn một không khí đạo vị, mà các báo Mỹ cũng sẽ tới quan tâm, phỏng vấn, làm tin. Đó là một phương tiện để tiếp cận chúng sinh tuyệt vời, có thể gieo nhân duyên cho các cộng đồng quốc tế với nhà Phật. Học vẽ hay viết thư pháp cũng không tốn kém bao nhiêu. Bạn có thể vào mạng www.YouTube.com để tự học, tìm qua từ khóa như "drawing" hay "painting" hay "sumi painting" (sumi: thủy mặc); trên trang này, các bậc thầy giỏi nhất thế giới đang trình bày các kỹ năng độc đáo của họ.

Nếu để ý, chúng ta thấy nhiều Phật Tử tới chùa còn là để tìm bình an, để cầu nguyện khi gia đình có chuyện bất trắc. Cuộc đời thực sự là đầy đau khổ. Sinh, lão, bệnh, tử không ai thoát nổi. Ngoài chuyện hoàng pháp, có một điều bạn có thể giúp là hướng dẫn các Phật Tử giữ gìn sức khỏe. Đó là lý do, nhiều chùa ở hải ngoại có phòng khám bệnh từ thiện và các lớp dạy khi công.

Như thế, chúng ta thấy, điều quan trọng nhất đối với tất cả mọi người là sức khỏe. Hãy hình dung, khi bạn đau răng, hay nhức mắt, có thể mất đi vài ngày nghỉ bệnh, đau đớn, và tốn tiền bác sĩ. Đơn giản là đau răng, nhức

mắt mà còn hành hạ mình như thế, vậy thì các bệnh nan y sẽ còn làm đau đớn hơn, tốn kém hơn. Thậm chí, làm phiền gia đình phải chăm sóc mình nữa. Tốt nhất, hãy giữ gìn sức khỏe và giúp người khác về các phương pháp hữu dụng.

Bạn đã từng nghe có những vị thầy dạy pháp khi công này hay kia, và nghe họ chỉ trích pháp khi công khác. Như thế không nên. Bạn hãy nghĩ rằng, bất kỳ vô phật nào cũng hữu dụng, thừa sự để tự vệ và ủng hộ khi khẩn cấp. Thậm chí, chỉ cần đi bái, chắp bộ... đúng phương pháp, cũng còn tốt hơn rất nhiều môn khi công hiện nay.

Điều quan trọng là, hãy tìm những gì đơn giản để tự mình giữ gìn sức khỏe, và giúp người khác. Đừng tìm những gì phức tạp với quá nhiều chiều thế phải nhớ,

vừa mệt trí vừa mất thì giờ đã quá ngắn ngủi của đời người. Giữ sức khỏe, cũng không cần phải khổ công học vô, không cần tìm mua thuốc thần dược thảo nào. Thậm chí, một số bài quyền của võ vô phật Trung Quốc, thí dụ Ngũ Hình Quyền, lại yêu cầu bạn phải tự quan thân mình ở các tư thế như còp, như trâu, như rắn... điều đó lại không thích nghi với giáo pháp nhà Phật. Đức Phật đã dạy rằng, người nào huấn tập chúng từ giả như làm loại thú, tập làm giống như bò, kiếp sau có thể sẽ đầu thai làm bò, vãn vãn... Đó cũng là một phản lý do sau này chúng ta đã thấy. Pháp Tinh Độ dạy quan tâm mình như Phật A Di Đà, và Mật Tông dạy quan tâm tâm mình như thần tâm Quán Thế Âm Bồ Tát, Phật Chuẩn Đề, Kim Cương Hộ Pháp Bồ Tát...

tiếp theo trang 20

THUA MẸ, MÙA THU!

Là đã rơi nhiều, thưa Mẹ, mùa thu!
Con tìm nhặt kết nên bài thơ lạ
Chợt nhói lòng thấy thương mẹ mình quá
Có là nào rụng xuống một tiếng ru?

Là của Mẹ con treo đỉnh đông mùa
Đông lạnh giá, ngủ vui quên câu hát
"Gió mùa thu..." đau a... còn vô mắt
Con quên rồi - thơ cho Mẹ đời cầu

Và thu này, thưa Mẹ, con nguyện cầu
Cho tuổi Mẹ nhiều hơn lần là đỏ
Cho đời con đừng nghe lời kinh khổ
Khi một ngày đông rụng là nào rơi ...

Thu đã về, đã diết lắm, Mẹ ơi!
Là đẹp thế mà thơ thì rầy rục
Ở nơi xa chắc Mẹ còn thao thức?
Con nghe mưa vọng khúc gió thu xưa.

ĐIỀU LINH



THE WORLD IN ACTION

MAKING THE INVISIBLE VISIBLE

Violence and abuse, troubled family relationships and bullying top the list of reasons why children and young people go to helplines, according to a new report released today from Child Helpline International. Make the invisible visible. Find out what YOU can do to #ENDviolence against children: <http://uni.cf/endviolence>



Children are affected by violence in every country and at all levels of society. But it is often an invisible problem, occurring behind closed doors, or shrouded in silence born of social tolerance, stigma or taboo. UNICEF calls for global support in making the invisible visible, in filling silences with voices to end childhood violence.

"DỤNG TĂNG"

LÊ NGUYỄN
www.phucainfo



ĐẠI TÁM THƯỜNG ĐINH/Đoàn Sơn

Thân chào các bạn,
Có một Ni sư nói
với tôi rằng: "Dụng
Tăng là một nghệ thuật,
một đam mê, một ước
muốn cháy bỏng, và trên
hết là một tình thương lớn.
Không có ai, dù người đó
có thông minh cách mấy
đi nữa cũng không thể
nào khái quát thành một
công thức, một hệ thống,
hay một cẩm nang, một
bài học khả dĩ áp dụng
chung được cho mọi hoàn
cảnh, mọi địa phương."
Sau hơn ba năm chung
sống với Tăng thân, tôi
chúng nghiệm được điều
đó. Ngược lại, nó (Dụng
Tăng) sẽ không khó nếu
ta có đủ những đức hạnh
như: "một tình thương
lớn; một đam mê (pas-
sion) cháy bỏng..." như
Ni sư đã nói thì việc lại
trở nên trơn tru và dễ như
nước chảy theo dòng, và
không cần phải theo một
công thức định sẵn nào
cả. Và đây là câu chuyện
"Dụng Tăng" mà tôi đã
trải nghiệm trong ba năm
qua.

Chuyện hơi dài. Số là một
hôm tôi được yêu cầu tiếp
tạ cùng cố lại một Tăng
thân (Sangha) tu học đã

có trên 20 năm rồi, nhưng
đang trong tình trạng
đứng bên bờ vực. Một yêu
cầu ngắn gọn, không cho
biết lý do vì sao có khó
khăn. Tình hình hiện tại
ra sao...? Tuy đột ngột,
mình lại không có dư thì
giờ. Nhưng trước sự tha
thiết của người đề nghị,
và trên hết là đạo Hiếu và
Thương nên mình không
thể từ chối. Thế là tôi
đánh hý sinh một số việc
dành thì giờ có mặt với
Tăng thân.

Sau ba lần sinh hoạt
chung, xem xét mọi mặt
tôi nhận ra rằng: Tất cả
thành viên (tế bào) còn ở
lại (một số đã ra đi) trong
Tăng thân ai cũng có tình
thương, ai cũng muốn
phục vụ, cùng đường Tam
Báo. Nhưng dường như
trong họ còn thiếu một
chút gì đó giống như "nội
lực" mà mình có thể tạm
gọi là tri tuệ, hay là hiểu
biết. Đứng rồi, có hiểu mới
có thương (lời một bài hát
của một vị thầy ở Làng
Mai), ngược lại có thương
mà không có hiểu thì khó
mà tránh khỏi hệ lụy và
đổ vỡ. Vì thiếu hiểu biết
nên người ta có khuynh
hướng bám vào hình

tượng, và tự nga nhiều
hơn. Trong khi nga tượng
là thù phạm của một vô
minh, có nhien đó vô là
điều tất yếu phải xảy ra.
Hôm ấy tôi thiên hành khá
lâu dọc theo bờ sông và
đã thấy ra những điều đó
trong Tăng thân "XYZ".

Thầy vì một một người
cùng ngồi lại với nhau,
phân tích cho họ thấy
nhưng khiếm khuyết cũng
như phẩm hạnh mà Tăng
thân đang có. Tôi không
làm như vậy. Tôi chỉ đề
nghị kỳ tôi chúng ta tổ
chức Tụng 5 Giới Quý Báu
(5 Giới Tân Tu do Làng
Mai biên soạn). Tăng thân
lúc đó còn lại khoảng 25
người, trong mắt ai cũng
ánh lên niềm vui và hy
vọng.

Tối ngày tụng giới tôi tự
thầy đối một chút nghi
thức, giản hóa hình thức,
và tăng cường nội dung.
Mục đích là thân tâm
phải đạt được sự thanh
tịnh tuyệt đối, vì đó là
cơ hội duy nhất để giới
pháp thấm sâu vào tâm
thức. Thân và tâm của
mọi người phải nhất như,
phải có mặt 100% với
nhau suốt thời khóa. Để

đạt được mục đích này,
cần phải áp dụng các
pháp môn Thiền đi, Thiền
ngồi,... sau đó mới vào
khoa lễ. Và thầy vì chỉ có
một người được chỉ định
tuyên đọc giới luật, tôi
lại chia cho năm người,
mỗi người tuyên đọc một
giới. Kỳ sau tôi năm người
khác.

Chỉ cần một vài khoa lễ
(Sám hối và Tụng giới)
giữ nội dung như thế là
đủ giúp cho mọi người có
dịp nhìn lại chính mình,
và tự thấy được những
khiếm khuyết trong quá
khứ do đâu mà có. Sau đó
tôi đề nghị dành trọn một
ngày (24 giờ) cho thực tập
đời sống Chánh niệm, và
có thêm thời giờ học áp
dụng giới-pháp vào đời
sống cá nhân, gia đình,
và ngay trong số làm. Một
tháng Tăng thân phải có
hai lần tu tập như thế. Và
chỉ sau ba tháng Tăng
thân "XYZ" đã lấy lại
được sức khỏe, trẻ trung
ra rất nhiều. Tiếng lành
đón xa, Tăng thân ngày
càng sản sinh thêm nhiều
tế bào (thành viên) mới,
nhưng tế bào ra đi trước
kia cũng dần trở về đông
đủ. Đặc biệt, lúc đặc một

vài châu sinh viên (du
học) bắt đầu lần la rút về
bước tới.

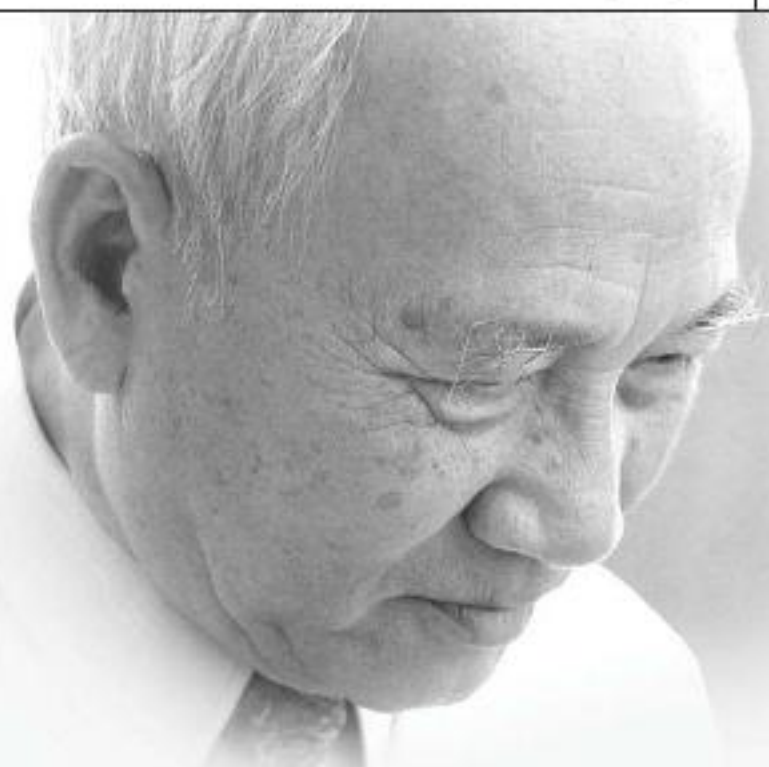
Các châu hồn nhiên,
trong trắng, rất dễ thương.
Đa số đến từ miền Bắc,
đông nhất là dân Hà Nội.
Các châu tới làm quen.
Được các thầy cô trẻ chào
đón niềm nở thân cận
như anh chị em một nhà.
Thế rồi mùa hè tới, Tăng
thân chuẩn bị về Làng
Mai tu học, kể một tuần,
người hai tuần, có người
ghi danh tới ba tuần hoặc
trộn khoa. Chợt nhìn lại
bỗng thương các châu vô
hạn. Nhớ lại ngày mình
bỏ nước ra đi cũng không
xa mấy cái tuổi của các
châu bây giờ. Một mình
lạc lõng xu lạ quê người.
Nhớ quê hương đất nước,
cái gì cũng nhớ, tất cả
hình ảnh từ lớn tới nhỏ
đều chọn vẹn bư bối như
quả bom sắp nổ tung
trong tiềm thức. Các châu
bây giờ cũng vậy. Nghe có
chủ kể về Làng Mai giống
như một Việt Nam thu nhỏ
ở tận Tây Nam nước Pháp
với tâm trạng nhớ nhà như
thế ấy ai mà không muốn
"về" một lần cho biết, nhất
là mình còn có thể gặp

xem tiếp trang 15

NHỜ ĐÂU DÂN TỘC VIỆT VẪN CÒN
SAU NGÀN NĂM BẮC THUỘC?

ĐỨNG VỮNG NGÀN NĂM

tác giả NGÔ NHÂN DUNG



NOT ONLY "GREAT BOOKS"

NGƯỜI VIỆTshop

www.nguoivietshop.com

LET'S ORDER NOW



[tiếp theo kỳ trước]

LƯỢC SỬ GIÁ ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

1.4. LỄ PHÁT ĐẢN 1935 và BAN ĐỒNG ẦU tại HUẾ: (Trong các tư liệu đặc biệt tập chí Viên Âm không có chỗ nào ghi nhận rõ Ban Đồng Ấu này được manh nha, thanh hình thế nào và lúc nào và đã được lan rộng đến những tỉnh nào trong nước, và đặc biệt hơn nữa là không nêu rõ tên của vị sáng lập; nhưng ta có thể hiểu, không ai ngoài cư sĩ Tâm Minh LÊ ĐÌNH THẨM. (Xin xem đoạn "PHẬT ĐẢN 1935" sau đây và phần nhận định về Ban Đồng Ấu Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục ở chương sau, sẽ sang tờ học)

Lê PHẬT ĐẢN (1935) đầu tiên của Phật Giáo, mà cũng được xem là đầu tiên của thế kỷ 20 này, tại Việt Nam, đã được tổ chức rất long trọng vào ngày 10.05.1935 (tức là thứ sáu, mùng 8 tháng 4 năm Ất Hợi - Phật lịch 2479)

Hội An Nam Phật Học, Huế - tại miền Trung, đã tổ chức được, lần đầu tiên một ngày lễ PHẬT ĐẢN, tại đất thần kinh, không tiền khoáng hậu, vào ngày 10.05.1935. Đây là một cơ hội để lực lượng quần chúng Phật tử phổ biến tinh thần "DỪNG" của mình và nó đã tạo được tiếng vang lớn nhất trong quá trình phong trào chấn hưng Phật Giáo, Phật Học trong cả nước, lần đầu tiên dưới thời kỳ Pháp thuộc.

Tất cả chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni các chùa tại Huế, cũng như vùng lân cận, tỉnh Thừa Thiên và một vài tỉnh khác đều có về tham dự. Số đông là từ các chùa Thiên Mụ, Từ Hiếu, Báo Quốc, Trúc Lâm, Tuy Ba, Tây Thiên, Linh Quang, Tường Vân, Vạn Phước, Từ Quang, Quốc Ân v.v...

Hội Trường Hội An Nam Phật Học, Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thẩm (năm 1932) và Cư sĩ Nguyễn Khoa Tân (năm 1935) cùng các vị tôn túc đã vận động được Vua Bảo Đại và Tam Tôn Cung nhận chức Hội Chủ Vinh Dự của Hội. (qua văn thư của Ngự Tiền văn phòng số 97 BE ngày 20.04.1935, Vua cũng được, 150 đồng, và Khôn Nghi Xương Đức Thái Hoàng Thái Hậu cũng được 100 đồng.)

Tổng thư ký của Sơn Môn là Thiền sư Thích Mật Khê đã triệu tập một ủy ban tăng ni yểm trợ cho cuộc lễ gồm có các vị trụ trì chùa Diệu Đế, Quan Công, các vị Thích Mật Nguyễn, Đôn Hậu, Diệu Hương và Diệu Viên Từ cũng có tham dự. Trước đó Nhạc sĩ Bưu Bặc đã lo tập cho các em học hát và hướng dẫn cách đi đứng khi hành lễ; quý tử được 52 em Nam và Nữ.

Chiều mồng 7 tháng 4 âm lịch (trước ngày 08.06.1950, ngày Việt Nam được chính thức nhận làm hội viên Hội Phật Giáo Quốc Tế, thì tại Việt Nam, Phật tử lấy ngày mồng 8 tháng 4 làm ngày Phật Đản; sau này mới đổi lại theo Phật Giáo Quốc Tế là ngày rằm (15.4 âm lịch), hội tổ chức rước Phật, bắt đầu đi từ chùa Báo Quốc. (Chùa Báo Quốc, ở gần Ga Huế, bên này tả ngạn Sông Hương; đám rước đi qua cầu Tràng Tiền, dọc theo hữu ngạn Sông Hương, ngang qua chợ Đông Ba, qua cầu Gia Hội, đi dọc theo sông Đông Ba để về chùa Diệu Đế, tận gần cầu Đông Ba. Đường dài có đến 4.5 cây số ngắn.)

Suốt hai bên đường quần chúng đổ ra xem rất đông đảo. Ngày xưa, nhất là trong thời kỳ Pháp thuộc, bất kỳ tổ chức một việc gì mà lôi cuốn, tập học quần

chúng, chỉ 2,3 chục người, cũng đã là việc khó; đám rước này lại tổ chức vào lúc chiều tối, có trẻ em (ban Đồng Ấu) dẫn đầu, có cầm đèn, lồng đèn hoa sen thấp nến (đèn sập, đèn cầy) là một việc hi huu, chưa từng có. Cứ mỗi đoạn đám rước vừa đi qua thì hàng trăm người tập nới, gia nhập tháp tùng theo sau đám rước. Về đến chùa Diệu Đế là 9 giờ 30 tối. Quần chúng quý tử hàng ngàn người, đứng đầy đặc từ trong sân chùa ra đến ngoài đường, dọc bờ sông Đông Ba. Người dân đứng xem bên kia sông cũng có, dưới đó, ghe cũng có. Mặc dù đông như vậy, nhưng dường như mỗi người tự thức cần phải tự giác, tự giữ trật tự, nhờ đó không khi và quang cảnh tự nhiên trở nên an lạc, thái bình lạ thường.

Sau đám rước là buổi

xem tiếp trang 26

tiếp theo trang 14

DUNG TĂNG

được tác giả nhưng quyền sách đang gói đầu giường của mình. Nhưng là sinh viên du học nghèo rớt mồng tơi, nội cái về tàu đi và về cũng phải tiết kiệm ăn tiêu cả năm không biết có đủ chưa, đã vậy còn thêm khoản chi phí ăn ở cả tuần lễ. Nhưng đầu chỉ có vài ba châu. Chúng nó khá đông, các cô, các chú dù có thương mấy đi nữa cũng chỉ có thể giúp được vài ba châu là cùng, đang này tới hàng mấy chục đưa hơn làm sao trang trải hết được, có chú cũng phải lo phần của cô chú nữa chứ.

Nhưng chẳng lẽ không làm gì thì tội quá đi thôi! Thế là tôi đề nghị tổ chức một trại hè cho tất cả các châu sau khi Lang đông của. Ôi còn vui sướng nào hơn. Các châu nhẩy tung lên, cuối hết có như lầu lăm mới được bố mẹ cho ăn quà. Bao nhiêu nét hồn nhiên các châu đều biểu lộ ra hết, mặc dù có châu cũng đã ngoài 25 và đang theo các chương trình sau cử nhân.

Nhưng tổ chức sao bây giờ đây, trong khi thì giờ mình cũng không có bao nhiêu. Thế là tôi họp khoản tám châu chủ chốt tại nhà một anh chị trong Tăng thân quanh bát phở chay. Tôi giao hết khâu tổ chức cho các châu tự lo tự quản. Các con phải thực tập lãnh đạo ngay bây giờ, đừng có lo sợ, có chu lúc nào cũng có mặt bên cạnh. Thế là các châu tự lo hết mọi khâu từ: Thông tin quảng bá trại; Đặt tên trại; Đặt chủ đề cho trại; Lập chương trình; Liên lạc; Ghi danh; Ấn định trại phí; v.v... Riêng phần ẩm thực, bếp núc do các cô chủ đảm trách cùng sự hỗ trợ của một số sư cô. Nội dung chính là Trao truyền cho các châu kỹ năng làm chủ thân tâm, xử lý cảm xúc (Cảm thọ)...

do quý thầy, sư cô và cư sĩ đảm trách. Thảo luận (Pháp đàm): Quan điểm của người trẻ về tình yêu (khuyến khích, tạo cảm hứng để các châu tự chia sẻ trải nghiệm của mình). Chủ trì cho các châu thuyết trình 5 Giới, tiếp theo là trả lời thắc mắc chung quanh nội dung Giới luật và cách áp dụng Giới vào đời sống hàng ngày. Cuối cùng là một buổi lễ truyền 5 Giới cho các châu phát tâm. Tuy nói là Trại Hè, nhưng thực chất đó là một khóa tu ba ngày cho người trẻ.

Một "Trại hè" (khóa tu) cho người trẻ đã thành công ngoài mong đợi. 150 châu (và hết chỗ nên khá đông các châu bị từ chối vào giới chót) gồm cả Việt và Pháp, trong đó sinh viên Việt nhiều hơn. Đặc biệt, đa số đều là các châu sinh viên du học, một số ít đã ra trường và đang làm việc tại Paris, rất ít con em cựu tị nạn tham dự. Thiền đường đã phải tận dụng toàn bộ không gian của mình. Trong những giờ chia sẻ BTC đã không cảm được lòng trước xúc cảm và những sự thật không ngờ, có khi trào ngoe với những gì mình đã từng nghĩ tưởng về các châu trước đây. Có châu nói: "Con đã ở Paris được sáu năm, ba năm đầu con còn đi học, suốt ba năm đó con chỉ đi chợ 13 (Quận 13 Paris, khu Ả đông) được có ba lần, cả ba lần đều là tại họa cho con. Hồi đó mới tới Pháp con rất nhỏ, rất thêm hương vị Việt Nam nhưng mỗi lần tới đó mua sắm con đều bị các bác tị nạn nĩa mai dè bâu khi nghe con nói giọng Hà Nội và biết con là sinh viên du học. Lần đầu con thực tình trả lời câu hỏi của một bác là con đang học ban tiến sĩ kinh tế. Bác bâu mới khinh bỉ và nói rằng: "Đỉnh cao tri tuệ XHCN mà cũng học một kinh tế tư bản à?" ... Rút kinh nghiệm, lần thứ hai con nói là con học

ngành Thể thao. Nhưng cũng không thoát khỏi sự dè bâu của các bác. Lần thứ ba con không nói đi học nữa mà nói là con đi làm. Nhưng cũng không thoát được sự chề trách của các bác. Từ đó con rất sợ và suốt ba năm liền con không dám đi chợ ở đó nữa cho dù con rất nhớ món ăn quê hương. Con có cảm giác chúng con là đối tượng cho các bác ấy trả thù". Một châu khác chia sẻ trong nước mắt: "Quê con ở Hà Nội, con đang theo học năm cuối của chương trình tiến sĩ tin học. Như bao người trẻ khác lớn lên ở quê hương chúng con đã không được ai dạy cho biết thế nào là một tình yêu đúng nghĩa như con vừa mới được quý thầy cô, và các cô chú trao truyền trong hai ngày qua. Con đã từng yêu, nhưng không tự phân biệt được tình dục và tình yêu. Chúng con cũng không được giáo dục về giới tính cho nên ngày khi vào tuổi dậy thì con đã đáp ứng theo sự đòi hỏi của cơ thể ... hậu quả (khóc) ... Hôm nay học được 5 giới con mới biết được thế nào là tình thương, cũng như cách bảo vệ sự sống (giới thứ nhất). Thế nào là tình yêu và cách giữ gìn phẩm hạnh của mình và người mình yêu ... (giới thứ ba). Con nguyện mai đây ra trường, con sẽ không ở lại mà con phải về nước lập Tăng thân chia sẻ yêu thương, cụ thể là 5 giới quý báu cho thế hệ sau con." v.v...

Ngay trước giờ chia tay, các châu đã tự hẹn nhau và định ngày tổ chức sinh hoạt định kỳ với nhau. Thế là thêm một Tăng thân trẻ vừa ra đời ngay sau khóa tu 3 ngày đó. Các châu đã sáng tạo thêm nhiều pháp môn thực tập tình thương đáp ứng được nhu yếu hàng ngày cho lứa tuổi và điều kiện xã hội khách quan. Áp dụng 5 giới một cách thông minh và hiệu quả vào cuộc sống và châu nào cũng có hạnh

phúc. Các châu đã chia sẻ trải nghiệm và hạnh phúc ấy với gia đình, anh chị em và bố mẹ ở bên nhà. Có nhiều bố mẹ chưa bao giờ nghe ai nói tới hai chữ "chánh niệm", "tâm linh" đã không ít hoang mang và lo lắng cho con mình bị người ta dụ dỗ lừa gạt nên đã dùng mọi cách ngăn cản, có nhiên là qua điện đàm hoặc thư tin. Cũng có nhiều cặp bố mẹ không tiếc công, tiếc việc, tiếc tiền bày bữa

vong trái đất qua đây xem xét. Nhưng khi giáp mặt thấy con mình sao mà nhiều tiến bộ và dễ thương đến nhường ấy. Các vị đã cùng các châu đến tận thiền đường, âm thầm quan sát. Từ quan sát đến tham gia chẳng xa mấy bước, thế là họ đã tự nếm được mùi vị của tình thương, của chính niệm nó chưa ngọt ngào sao. Chỉ đến khi đó họ mới thổ lộ hết những toan tính bị

xem tiếp trang 17



Bà. TÂM THƯỜNG ĐỊNH/ Hoa Kỳ

MUỖI HAI NĂM TRỞ LẠI

Kính tặng Thầy và Tăng Thân Lang Mai

Mùa Thu chín, núi đồi xanh yên tĩnh
Thầy lại về chốn trăm mấc Kim Sơn
Nhìn sương bay, dòng đạo đời trôi chảy
Giữa tang bóng vắng là khe lung lay

Chút tình xưa... hơi hoa như sóng lặng
Chiều đôi bờ, ngời sáng một lối đi
Giúp nhàn gian, sống đời không mộng mị
Tình Đạo nào trong một bước chân đi

Sỏi và đá vụn mặt thiên nhiên định
Hiện tại này thanh thoát coi nhàn sinh
Trong sương mù đang có ánh bình minh
Trong hơi thở có vạn ngàn kiếp sống

Tăng Thân kia, như dòng sông thuở mộng
Tám ban đầu vung chài nhưng bước đi
Đạo giới thoát: Giới định tuệ - tự bi
Đang bang lang như hư không tĩnh mịch.

Ta Viện Kim Sơn,
Watsonville, CA - October, 2013.

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG

xây dựng trên sự khoan dung, lòng nhân ái, sự ý thức được trách nhiệm của mình đối với người khác trong cộng đồng xã hội; và kế đó là sự tập luyện về thiền định như là một nghệ thuật sống, giúp làm hiển lộ được bản chất đích thật nơi con người của mỗi chúng ta trong bất cứ một bối cảnh nào trong cuộc sống.

Các nguồn tài nguyên thiên nhiên bị tàn phá triệt để khiến cho tương lai của hành tinh này đang bị hăm dọa một cách trầm trọng, và nếu nhìn trên một bình diện rộng hơn nữa thì có thể nói rằng bất cứ thứ gì trên hành tinh này cũng đều đang bị khai thác một cách tận cùng - trong đó kể cả con người. Trong bối cảnh đó đối với nhiều người thì Phật Giáo đã xuất hiện như là một giải pháp cứu tinh mạnh mẽ, mạch lạc và thật cần thiết.

Đối với người Tây Phương muốn trở thành một Phật tử thì phải như thế nào?

Đấy là ước vọng được bước theo bước chân của Đức Phật, thế nhưng đấy không phải là cách thấu đạt cho mình một thứ gì ngoài kia, mà thật ra là để noi theo tấm gương của một Con Người

cách này hơn hai ngàn năm trăm năm đã khám phá ra một con đường cho chúng ta bước theo, hầu giúp cho mình trở thành những con người xứng đáng hơn.

Nếu bắt buộc phải định nghĩa Phật Giáo bằng một câu duy nhất thì tôi sẽ nói rằng đấy là một phương pháp giúp chúng ta sống thật trọn vẹn từng giây phút một trong cuộc đời này.

Tất cả chúng ta đều trải qua những giây phút khó nhọc và đau buồn, và cả một thứ khó khăn khác mang ít nhiều gay gắt. Thế nhưng Phật Giáo cho thấy là chúng ta có thể triệt tiêu được những thứ ấy một cách hữu hiệu, và còn nhấn bảo với chúng ta không nên đổ lỗi cho hoàn cảnh bên ngoài hay cho người khác, vì đấy chỉ là cách ngăn chặn không giúp chúng ta trưởng thành một cách đúng đắn được.

Phật Giáo khuyến khích chúng ta phải luôn giữ sự chính xác và phải chú tâm đến từng cảm nhận của mình trong cuộc sống, trong mỗi tư duy, trong từng xúc cảm, và mỗi hành động của mình. Nếu nhìn theo chiều hướng đó thì Phật Giáo không phải là một

tôn giáo. Phật Giáo không bắt nguồn từ một thư đức tin nào cả, và cũng chẳng cần phải chấp nhận một thư hiệu biết nào mang tính cách giáo điều. Kể cả một Đấng Tối Cao cũng không có trong tín ngưỡng ấy.

Giáo huấn của Đức Phật là những lời chỉ dạy giúp chúng ta tiếp cận trực tiếp với những kinh nghiệm sống thật mà chúng ta cảm nhận được. Dấu sao thì chưa kinh nghiệm (experience) không hàm chứa đầy đủ được ý nghĩa cần thiết để diễn đạt được những gì nói đến trên đấy, bởi vì ngày nay chưa kinh nghiệm đã quen được sử dụng trong khoa học và mang ý nghĩa như là một sự thử nghiệm, không còn là một sự lắng nghe với tất cả sự cảnh giác nữa.

Bước theo vết chân của Đức Phật trước hết có nghĩa là khám phá ra rằng thực tại không hề hiển hiện ra đúng thật của nó, thế nhưng chúng ta thì lại không sẵn sàng để chấp nhận điều ấy. Vì thế phải cần đến một sự tập luyện cần thiết nào đó để giúp chúng ta tiếp cận thật gần, đúng thật với những gì đang hiển hiện ra. Thí dụ như khi viếng thăm một thành phố nào

xem tiếp trang 18



XÂY NHÀ,
NHÀ HÀNG,
PHÒNG MẠCH BẮC SĨ,
NHA SĨ,
VĂN PHÒNG,
REMODEL
VÀ CÔNG THÈM PHÒNG

...

HUY LE

Lic.#877698

714.209.8180



PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

nhưng quyền lợi làm người và làm dân, không có điều hạn chế.

Điều 3 tới điều 21 nói về quyền công dân và quyền chính trị, như là: Điều (3) quyền sống, quyền tự do và quyền an sinh; (4) không ai phải làm nô lệ và nô dịch; (5) không ai bị tra tấn, hành hạ; không bị đối xử và áp dụng hình phạt một cách độc ác, phi nhân; (6) quyền có tư cách pháp nhân trước luật pháp; (7) quyền được đối xử bình đẳng trước pháp luật; (8) quyền tố cáo những hành động phạm nhân quyền; (9) không được bắt người trái phép, giam giữ và lưu đày; (10) quốc gia phải lập tòa án xét xử công bằng và công khai khi cá nhân phạm tội; (11) trước khi tội trạng được minh chứng, bị cáo phải được xem là vô tội; không thể kết tội nếu hành vi không phạm pháp đối với luật lệ hiện hành; (12) quyền phải tôn trọng đời sống riêng tư, đời sống gia đình; không được xâm phạm gia cư và thư tín; (14) quyền tự nạn; (15) quyền quốc tịch; (16) quyền cưới hỏi và lập gia đình; (17) quyền tự hưu; (18) quyền tự do và phát biểu ý kiến; (20) quyền tự do hội họp và lập hội; quyền không gia nhập bất cứ hội đoàn nào; (21) quyền tự do tham gia chính sự, và bình đẳng để tìm việc làm trong cơ quan chính phủ; quyền tham gia bầu cử và ứng cử.

Các điều khoản 22 đến 27 liên hệ tới các quyền lợi kinh tế, xã hội và văn hóa của con người, được chi tiết ra như sau: (22) quyền được hưởng an sinh xã

hội; (23) quyền làm việc và được tự do lựa chọn việc làm; quyền đồng lao đồng đại; quyền được hưởng thu lao công bằng và hợp lý, được hưởng bảo hiểm xã hội; quyền thành lập và tham gia nghiệp đoàn; quyền nghỉ ngơi và giải trí; (25) quyền được hưởng tiền nghỉ đời sống vật chất (ăn, mặc, nhà ở) ý tế và hạnh phúc tinh thần; quyền được đảm bảo khi thai nghén và khi dương nhi; (26) quyền giao dục như là cha mẹ được ưu tiên chọn lựa phương thức giáo dục cho con cái; (27) quyền được tham gia vào đời sống văn hóa của cộng đồng, quyền được bảo vệ chủ quyền sáng tác khoa học, văn hóa và nghệ thuật.

Điều khoản 28 nhấn mạnh là mỗi cá nhân có quyền tham gia mọi hoạt động cộng đồng xã hội và cộng đồng quốc tế nhằm thực hiện cho bằng được những điều ghi trong bản Tuyên ngôn. Điều khoản 29 nói về bốn phần của cá nhân đối với cộng đồng, và ranh giới quyền hạn và tự do của mỗi cá nhân. Quyền hạn và tự do này không thể sử dụng ngược lại với mục đích và tôn chỉ của Liên Hiệp Quốc. Điều thứ 30 nhắc lại mục tiêu và quyền hạn cao cả của Bản Tuyên ngôn Quốc tế. Không một điểm nào trong bản Tuyên ngôn được phép giải thích để cho phép bất cứ quốc gia, cộng đồng hay cá nhân nào được hành động nhằm hủy hoại các điều quyền hạn và tự do đã được tuyên bố trong Bản tuyên ngôn. Điều cuối này ta thấy rõ có tính cách dự phòng, vì cộng đồng nhân

loại bao gồm muôn nghìn sắc tộc, hàng trăm ngành văn hóa, cho nên việc ngộ nhận các ngôn từ trong bản Tuyên là điều có thể xảy ra rất dễ dàng.

Nhìn vào đại thể, ta nhận rõ là cấu trúc của bản tuyên ngôn (phần liệt kê điều khoản) gồm có ba phần. Điều khoản 1 và 2 là tiền đề xuống lên nguyên tắc nhân quyền để cho các điều khoản theo sau khai triển. Điều khoản 6 nêu lên tiền đề quyền hạn chính trị và công dân được 21 điều khoản theo sau nêu rõ từng chi tiết để mục. Điều khoản 22 khởi đầu mục quyền hạn "mới" (đối chiếu với "cổ điển" ta đã nói ở trên) về kinh tế, xã hội và văn hóa cho mỗi công dân vào thời bấy giờ. Ta hãy để cho các nhà làm luật đủ khả năng chuyển môn nghiên cứu các ưu khuyết điểm toàn thiện hay bất toàn của bản tuyên ngôn; nơi đấy ta giới hạn việc khảo sát và phạm vi đối chiếu với quan điểm của giáo lý nhà Phật. Ta cũng sẽ tránh việc thảo luận từng đề mục trong mỗi điều khoản, mà chỉ nhìn vào đại cương của mỗi phần trong cấu trúc để tìm các mối tương đồng hay dị biệt với lời dạy của Thích Ca.

Nhân quyền trong Phật giáo

Điều khoản 1, như đã nói ở trên, đề xuống địa vị của con người trong hoàn vũ, quyền hạn tối thượng ý được hưởng và bốn phần của ý, đặc biệt là bốn phần đối với tha nhân.

Cần bản giáo lý nhà Phật phù hợp hoàn toàn với quan điểm của những nhà lãnh đạo nhân loại ngày nay đã sáng tạo bản Tuyên ngôn.

Thích Ca nhìn vào hai lĩnh vực để khảo sát các hiện tượng trong đời sống con người: lĩnh vực triết học và lĩnh vực đạo đức. Trong phạm trù triết học, giáo lý đạo Phật khẳng định là con người được hoàn toàn khai phóng và hoàn toàn nhận lãnh trách nhiệm về đời sống của mình. Đạo Phật không chấp nhận có một đấng Thượng Đế khai sáng ra muôn vật và khai sáng ra cá nhân chúng ta. Bởi lẽ đó Phật dạy là số phận của mỗi chúng ta nằm ngay gọn trong tay ta. Trong bộ kinh dài Trường bộ (Dīgha - nikāya) có quyển kinh Sampasadanīya Sutta giảng dạy sự kiện này. Tưởng cần mở một dấu ngoặc lớn nơi đấy để nhắc lại cho các bạn chưa quen kinh Phật là, nói chung, kinh điển do người đời sau chép lại dạy của đức Phật, Kinh điển nhà Phật vô cùng phong phú (hơn 6,500 bộ), chia làm hai hệ thống, Nam tông và Bắc tông. Kinh Nam tông được ghi lại bằng văn tự Pali, hệ thống rất chặt chẽ, và hầu hết nhưng bộ kinh quan trọng đã được Hội The Pali Text Society dịch ra tiếng Anh. Kinh Bắc tông được ghi lại bằng văn tự Sanskrit, phong phú hơn kinh Pali, nhưng cho đến bây giờ vẫn chưa được hoàn toàn quy luật hóa và diễn dịch qua Tây ngữ. Kinh Pali gồm có năm sưu tập lớn: 1. Trường bộ kinh, gồm những bài thuyết pháp dài; 2. Trung bộ kinh (Majjhima nikāya) nhưng bài thuyết pháp trung

bình; 3. Tương ưng bộ kinh (Samyutta nikāya) các bài thuyết pháp sắp theo đề tài; 4. Tăng chi bộ kinh (Anguttara nikāya) sắp xếp theo pháp số 1, pháp số 2...; và 5. Tiểu bộ kinh (Khuddaka nikāya) gồm các bài thuyết pháp ngắn. (Thích Minh Châu, đã dẫn.)

Ta trở lại Kinh Sampasadanīya Sutta. Đức Phật kể ra sáu đức tính của con người khác loại vật: người là sinh vật độc nhất biết nỗ lực hướng thiện (attakara) biết cố gắng trong đời sống hằng ngày (purasakra) biết gìn giữ và tăng cường sức mạnh (purasathama) biết tăng cường nghị lực (purasaviriya) biết tăng cường giá trị cá nhân (purasaparakama) và quan trọng hơn hết, biết tăng cường trách nhiệm bốn phần của mình (purasadhoraya) Phật dạy nếu biết trau dồi các đức tính đó (chỉ con người mới có) con người dễ đi tới toàn thiện, làm chủ được số phận của chính mình. Và lại, đức Phật há chẳng nói là trong mỗi con người có sẵn một vị Phật sẽ thành, tức là công bố lên cái bằng chứng bình đẳng trong vịnh dự làm người giữa mỗi cá nhân chúng ta hay sao?

Một cuốn kinh khác, kinh Kalama Sutta trong Tăng Chi bộ kinh giải thích thêm là con người được hưởng quyền lợi bình đẳng giữa thế gian là vì chỉ riêng con người là sinh vật có lý trí (dhammavivāka) và có lương tri (attadhipatiya) khiến cho ý phân biệt được điều thiện (kusala) và điều ác (akusala) Phân biệt được thiện, ác trong tư tưởng và hành động, tức là có được

xem tiếp trang 17

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

cái phương châm xử thế, gắn đối với tha nhân, rộng đối với cộng đồng, để thành người chính nhân quân tử (chứ đừng trong tôn giáo là upasaka, thiện nam, thanh tịnh sĩ.)

Đoạn cuối của điều 1, "con người phải đối xử với nhau trong tinh huynh đệ" (act towards one other in a spirit of "brotherhood") có thể đem ra đối chiếu với lời dạy của đức Phật về cách xử thế giữa người với người. Kinh Kalma Sutta dạy là việc giao dịch giữa người với người phải đặt trên nền tảng metta (maitri) có nghĩa là ưu ái, yêu thương trong tinh huynh đệ (love, loving fraternity/fraternal agnate.) Kinh dạy là như vậy cũng chưa đủ, vì nghĩa chữ huynh đệ gò bó trong vòng gia đình, trong lúc tinh thương tha nhân metta khai phóng giới hạn khỏi gia đình ra khắp nhân loại, bao gồm cả mọi sinh vật (Narada Mahathera: Metta (maitri) or Loving Kindness, Buddhist Annual, 19710.)

Điều khoản 2. ta thù địch nguyên bản. "Mọi người đều có những quyền hạn và tự do được công bố trong bản Tuyên ngôn này mà không bị kỳ thị vì bất cứ lý do nào như là lý do chủng tộc, màu da, nam nữ, ngôn ngữ, tôn giáo, ý kiến về chính trị hay vấn đề nào khác, xuất sinh, gia sản, hoàn cảnh sang hay hèn hay bất cứ hoàn cảnh nào.

Lại nữa, (lấy trường hợp của) một cá nhân thuộc thuộc vào một quốc gia hay lãnh thổ được độc lập hay bị thống thuộc không quyền tự chủ hay được quyền tự chủ giới hạn, (ý) cũng sẽ không bị kỳ thị căn cứ trên quy chế chính trị pháp lý và quốc tế của quốc gia hay lãnh thổ chánh quan (của ý)."

Điều 2 này khai triển rõ ràng ý kiến phát biểu trong điều 1, và sẽ cung cấp nguyên liệu cho các điều khoản theo sau khai thác. Nguyên liệu này phức tạp vì tình trạng bất đồng và đa nguyên của đời sống con người. Vì bất đồng và đa nguyên nên cấu trúc của mỗi thứ quyền hạn, của mỗi thứ tự do hiện ra dưới nhiều hình thức khác biệt. Bản Tuyên ngôn, vì vậy, không thể thấu triệt mọi trường hợp. Triết lý nhà Phật nhìn vào vấn đề và giải thích giản dị hơn. Đức Phật dạy là gốc con người ta một. Vì hành động (nghiệp) mà sinh ra khác biệt. Nghiệp do ba yếu tố ý, thân, khẩu gây nên. Nghiệp khởi đầu bằng ý, chuyển qua việc làm cụ thể (thân) hoặc là phát triển bằng lời (khẩu.) Người nào cũng tạo nghiệp bằng cách duy nhất là vậy. Thế, vì sao lại đem các điều khác như màu da, sắc tộc, sang hèn, giàu, nghèo... để đo lường nghiệp? Mà đo lường nghiệp và ước lượng được bằng yếu tố đo, thì chỉ còn cách nhìn nhận người là người, người bằng người. (L. P. N. Perara: Buddhism and Human Rights, Colombo, 1991.) Đức Phật nếu con sống, sẽ gạt đầu tâm thành mọi điều khoản đại cương của bản Tuyên ngôn, nhưng có lẽ đáng thời Ngài sẽ mỉm cười chỉ cho các luật gia nhân quyền một cách thức thuyết phục... giản dị hơn!

Điều khoản 6. "Mỗi người bất cứ ở nơi nào, có quyền được nhìn nhận nhân cách của mình trước luật pháp." Nhân cách: chữ "person" trong nguyên tác Anh ngữ, Nguyên Đình Tuyên dịch là "tư cách pháp nhân", thông suốt và đủ nghĩa. Chữ Pali nhà Phật gọi là "munassat-tan," thường gặp trong

Lược kinh Vinaya ấn định thế thức sinh hoạt trong đời sống của cộng đồng tăng đoàn.

Ở trên ta đã nói là đức Phật khảo sát đời sống con người nhìn vào hai phạm trù triết học và đạo đức. Phạm trù triết học chứng minh là con người sinh ra tự do, và có bốn phạm hướng thiện để xứng đáng với tự do. Phạm trù đạo đức sẽ giải thích các quyền hạn và tự do cá nhân được hưởng trong đời sống xã hội hàng ngày. Đạo Phật không tin là có một đấng Thượng Đế tạo ra sinh vật, nên việc con người đi tìm kiếm hạnh phúc của một bốn tánh thiên nhiên, nội tại. Vì thế mà giáo lý nhà Phật bàn đến nhân quyền qua phương diện nhân văn (humanistic) hơn là tranh luận bằng pháp lý (legalistic.) Đạo Phật quan niệm luật pháp "như là một dụng cụ để thực hiện một số cứu cánh, và cứu cánh này có lợi ích cho đời sống xã hội." Hai điểm cứu cánh căn bản nêu ra là 1. Luật chánh đạo, được tượng trưng bằng bánh xe chánh đạo (Dham-makakka) tức là Pháp, là phát triển đời, và bánh xe luôn luôn quay hướng về tiến hóa, 2. ý niệm thực hiện hạnh phúc và an sinh cho con người, cho toàn nhân loại, cho mọi sinh vật, chữ Pali là bahujana sukha. (K.N. Jayatilleke: The Principles of International Law in Buddhist Doctrine, Leiden 1967.) Ngoài ra còn phải kể điểm cứu cánh then chốt, căn bản của mọi căn bản là luật Nhân quả. Nơi nào và trường hợp nào xảy ra việc bất công mà luật pháp con người không lý xử được, thì đã có Luật Nhân quả của nhà Phật, "sơ nhi bất lậu," xưa mà không lọt, giải quyết tới hạn.

xem tiếp trang 18

TÂM DUONG OÍ HỒI BẾN TÂM DUONG

TRẦN TRUNG TÀ

Trời đất đây mà Non Nước đâu?
Nhớ ơi nhớ quá Ngọaị vườn cau...
Vườn cau Nam Phố, kia ai hái
Tóc gió bay mờ cái bụi đầu?

Trời đất đây mà mắt lạnh tanh
Ai đen, ai trắng, chẳng dân mình
Người ta vui vẻ cười như hát
Mình ngậm bó hơn, một chác xanh?

Trời đất đây mà ta dùng dùng
Hình như ta lạc bước trong rừng?
Bầy chim sẽ giống quê nhà quá
Sao chúng bay về bên kia sông?

Trời đất đây mà...ta vẫn thơ
Hình như ta biết mình bơ vơ
Cho nên có niu từng con chữ
Mong gặp ai quen hỏi bến đò....

Cung muốn quay về thăm Ngọaị lâm
Biết rồi Ngọaị mất và người ta
Năm mươi bảy tuổi đi ra Huế
Tự do, mơ hồ? Chắc đã xa?

Nam Phố ta về...chắc ta buồn
Ai chờ, ta ngỡ chỉ làn sương...
Năm mươi bảy tuổi em đứng...lớn
Anh chẳng môn chán ở chiến trường...

Anh chẳng...cuối đời nơi đất Trích
Tâm Dương ơi hỏi bến Tâm Dương!



DỤNG TĂNG

mắt, nhưng lo âu trước đây đối với con cái cũng như những dự tưởng sai lầm về Tăng thân. Và câu chuyện nào cũng được kết thúc bằng nước mắt, nước mắt của hiếu-thương và hạnh phúc. Điều đáng quý khác là cháu nào cũng muốn có một Tăng thân như thế để nương tựa ở quê nhà một khi các cháu học xong về nước. Ngay khi còn đang theo học ở bên đây các cháu cũng ước mơ có loại Tăng thân như thế ở nơi quê mình để cho các bạn không có diễm phúc du học như mình thừa hưởng. Đó là một trong những ước mơ cháy bỏng của các cháu.

Po rằng đó là nhu yếu của các cháu, của đất nước hiện tại, và bốn phạm của người trao truyền. Nhưng sự trao truyền chỉ thành công, chỉ hiện thực khi mình có cái để trao. Cái đó là Hiếu và Thương. Nếu cái ta có không phải là tình thương và hiếu biết, mà là tham vọng, hận thù thì con cháu ta bị buộc phải nhận những cái sản phẩm tiêu cực ấy mặc dù nó không phải là nhu yếu của chúng. Đó là

nhưng cái mà chúng ta đã bị buộc phải tiếp nhận từ thế hệ trước của chúng ta. Nếu chúng ta không can đảm khước từ và thay đổi ngay bây giờ thì nó sẽ tiếp tục hôm nay, tiếp tục ngày mai. Và rồi đất nước sẽ đi về đâu, dân tộc sẽ như thế nào khi chúng ta không còn hiện hữu? Theo tôi đó là một tội ác trong các tội ác do vô minh mà ra. Tại sao mình bắt con em của mình phải chuốc lấy hận thù của riêng mình tạo ra? Cái đó đâu phải là thương. Đa nói thương con sao bắt con phải khổ, bắt con phải gánh lấy cái nợ của mình? Tại sao không cho chúng một ngọt, trái lành sẵn có của quê hương?

Lần lượt trong ba năm qua, đã có nhiều lượt các cháu về lại quê hương, đem hiếu thương, giá trị đạo đức thể hiện qua 5 Giới và ít nhiều văn minh, văn hóa, bản sắc đức đạo của dân tộc mà các em đã học được trong quá trình sinh hoạt với Tăng thân; Bên cạnh kiến thức khoa học (do nhà trường của Pháp đạo tạo) phục vụ nơi quê nhà.

Từ đó ta có thể rút ra được nhiều bài học:

1. Hiếu và Thương (Bi và Trí) là nhu yếu sống của

con người. Đó là sự thật như thật.

- Muốn trao truyền thì phải có cái để trao truyền. Ở đây là Hiếu và Thương, là thân giáo.
- Phải có một Tăng thân để nương tựa (lý tưởng như là từ 4 chúng).
- Phải có một không gian (chùa, tu viện, thiền đường). Có nhiều Tăng thân ở Châu Âu tổ chức tại tư gia (vì ở xa chùa, hoặc có chùa nhưng các thầy bên truyền thống chưa sẵn sàng) và chỉ có hai chúng Cư sĩ nhưng cũng khá thành công.
- Chùa trong vai trò dung thực tập, gián tiếp một hình thức nhiều chúng nào mình càng đo một, và càng có nhiều thì giờ cho thực tập.
- Tránh mọi lời nói, biểu tượng chính trị, phe phái. Chỉ nói lời ái ngữ, và nuôi dưỡng tín yếu.
- Phải có một số kỳ năng về tâm lý (nếu ai đã học Duy thức và biết cách áp dụng sẽ như hổ thêm cánh).

Thưa các bạn,

Đọc con số: 16.098 sinh viên VN du học tại Mỹ trong năm nay, tôi bỗng có một giấc mơ và nói ngay rằng đây là của quý trời cho. Tại sao ta không

phát động phong trào "Dụng Tăng", không đem Hiếu và Thương đến với các cháu, trao truyền cho các cháu những giá trị muôn đời của giống nòi. Các cháu là người chủ tương lai của đất nước, có phải vậy không? Đa vậy, tại sao chúng ta còn kỳ thị, nuôi dưỡng hận thù đối các cháu xuống vực sâu đáy máu lửa. Bối đây học xong các cháu sẽ về nước. Các cháu sẽ nắm được vị trí lãnh đạo quốc gia các cháu sẽ là một Trần Nhân Tông, một Lý Công Uẩn, một Trần Hưng Đạo, một Lý Thường Kiệt, một Nguyễn Trãi, hay một Trần Ích Tắc, một Lê Chiêu Thống,... đều do thái độ và cách nhìn của chúng ta ngay bây giờ và tại đây.

Ở đâu chúng ta cũng có chùa. Chúng ta (Cư sĩ) đã ý thức được điều đó chưa? Đa sẵn sàng chưa? Quý thấy truyền thông có ý thức được vai trò Vạn Hạnh, Lý Khánh Vân, Khuôn Việt (ngay nay) của mình chưa? Hay mở rộng lòng ra, bỏ bớt câu nệ nhanh chóng làm một giáo pháp. Áp dụng các pháp môn mà Sư Ông và hội đồng Giáo thọ Làng Mai đã dạy công thủ nghiệm hơn 30 năm qua, và đã thành công ở khắp

mọi miền văn hóa khác nhau.

Tôi nghĩ đây là cơ hội vàng. Hoa Kỳ lại là nước có nhiều sinh viên Việt Nam du học nhất. Họ có cả một chủ trương và sách lược "trồng người". Là kẻ thực thà, nặng lòng với dân tộc và đạo pháp ta không thể để cho cơ hội trôi qua một cách oan uổng, và càng không thể để lọt hơn lễ ngàn Trần Quốc Toản tương lai ấy vào tay của những thế lực đen tối vốn chưa bao giờ từ bỏ tham vọng nô lệ hóa hồn nước, hồn người Việt Nam. Hiện tượng này đa và đang xảy ra trên quê hương cũng như trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Có lẽ đây cũng là hy vọng, và là cơ hội cuối cùng của thế hệ chúng ta đối với con em và đất nước.

Cảm ơn quý anh em đã lắng nghe. Tôi sẵn sàng cung cấp thêm thông tin cũng như từng kinh nghiệm cụ thể từng giai đoạn từ khởi đầu khó khăn cho tới lúc điều hành nếu được yêu cầu. Đó là niềm vui của tôi.

Bất kỳ vọng,

LÊ NGUYỄN

NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG

đo mà trước đây ta chưa hề biết, thì trong trường hợp ấy ta cũng cần phải có một thời gian để cảm nhận được các đặc điểm của nơi ấy, và khung cảnh sinh hoạt của nơi ấy. Thế nhưng vẫn có thể là ta không thể nào quá quyết là mình đã cảm nhận được một cách đích thật tất cả những gì trong bối cảnh cụ thể ấy hay không, do đó ta cần phải có thêm thời gian để kiểm chứng lại. Nếu nhìn theo khía cạnh ấy thì sẽ hiểu rằng Phật Giáo khuyến chúng ta phải tập luyện thiền định. Đức Phật ngồi xuống để thiền định và đã tiếp cận trực tiếp và thật sát với tất cả mọi sự vật đang với những gì chúng hiển hiện ra, đồng thời thì Ngài cũng đã nhìn thẳng vào những kinh nghiệm cảm nhận của chính Ngài với một sự sắc bén thật cao độ. Trở thành một người Phật tử chỉ đơn giản có thể, tức có nghĩa là biết hành xử như thế.

Tuy nhiên không phải dễ để thực hiện được điều ấy. Nếu nhiều người cùng tập luyện chung với nhau thì có thể sẽ dễ dàng hơn, nhất là biết tuân theo một số quy tắc được thiết đặt rõ rệt và biết cố gắng giữ sự thanh tịnh mang tính cách "tôn giáo" trong lòng mình, phải tự tin rằng mình là một người tốt và mình có lý - không nên đổ lỗi cho người khác về các

kho khăn của chính mình. Con người luôn bị thúc đẩy thật mạnh bởi một niềm mong muốn tạo lập được một cơ sở nào đó và đón tất cả tri thông minh của mình vào đấy, và sau đó thì họ sinh tất cả cho lý tưởng ấy - thì dụ như thành lập một xi nghiệp, một hội đoàn, một cơ sở hành chánh, hay theo một Giáo Phái nào đó mà vì hoàn cảnh đưa đẩy đã trôi buộc mình vào với nó. Tất cả những thứ ấy thật vô cùng khủng khiếp.

Đức Phật khuyến chúng ta phải biết tận hưởng, biết cảm nhận và biết sống trong từng giây phút một qua sự hiện hữu của chính mình, thế nhưng không phải vì thế mà phải loại bỏ tri thông minh của chính mình, và bắt buộc mình phải giao sự tự do của chính mình vào trong tay của bất cứ ai khác.

Các điều ấy có khác với những gì đang xảy ra ở các nước Tây Phương hay không?

Đúng là có, bởi vì tại Ấn Độ thông thường thiền định không được xem là tâm điểm của Phật Giáo. Thiền định chỉ được thực thi bởi một số người đặc biệt quan tâm đến nó mà thôi. Phật Giáo tại những nơi này đã hòa nhập một cách tự nhiên với cuộc sống thường nhật. Tại Tây

Phương, chúng ta cũng thấy một hiện tượng tương tự như thế đối với Thiên Chúa Giáo, và cũng nên hiểu rằng nhiều người xem tất cả những thứ ấy chỉ là một khung trời thẩm được văn hóa và các tập quán lâu đời mà thôi, không phải là một con đường tâm linh đích thật.

Phật giáo tại Tây Phương trước hết phải được xem là một sự truyền thụ tâm linh. Phật Giáo không phải là một thứ tổng hợp gồm các tín điều, nghi lễ và các thái độ hành xử. Quả thật tất cả là nhờ vào những vị "anh hùng" (đấy là cách "mượn chữ" trong kinh sách Phật Giáo, nhất là kinh sách Phật Giáo Tây Tạng, chữ "anh hùng" dùng để chỉ những vị Bồ-tát và thần cho lý tưởng của mình, và trong trường hợp này là những nhà sư Tây Tạng đã trốn thoát khỏi quê hương của họ để sống lưu vong tại Âu Châu) đã mang Phật Giáo vào Tây Phương cho chúng ta vào hậu bán thế kỷ XX, đấy là những người bị gạt ra khỏi các thế chế xã hội trên chính quê hương của họ. Họ ỹ thực được Phật Giáo đang trở thành một thứ hoa thạch (địa khai - fossil) trên quê hương họ, và khi đã đến được mảnh đất phương Tây thì họ cũng hiểu được rằng đấy cũng là một

xem tiếp trang 21

GOI

mưa lý vọng
lời chào chào gọi tên
cánh cửa đời chưa mở!

Thiên di bằng giá
kéo mây trời thành vung
che ngang nỗi nhớ
quê xa

Niu bán tay bằng thanh âm
mười hai ngàn dặm
Xat xao tiếng vắng bên trời
tro truội cánh khô
con chim đứng ngơ ngơ

Bai năm cu đi qua
nốt nhạc ngân rồi
mà ca từ chưa đặt
melody chưa một mình
lẻ bóng trượt chân

Đi qua đi qua
mỗi bước tron
con đường dài
bàn chân ngân
nên vẫn mặt mờ xa

Gom nhưng mảnh than hồng thấp lù
làn la chạm rồi phủ kín
bên vào những ôa vô
chợt bùng lên
gào tiếng gọi
quê nhà!

14.02.2013
ĐÌNH NGUYỄN



PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

Các quyền kinh tế, xã hội

Hai điểm cưu cưu căn bản và Luật Nhân quả nói trên buộc người chủ, người lưu sản, và rộng hơn, buộc cộng đồng quốc gia phải lập "tư cách pháp nhân" cho kẻ yếu hèn, nhưng người có thế, có đơn cưu cứu giúp. Như vậy, đạo Phật không những đã hoàn toàn hỗ trợ các điều khoản quyền lợi và tự do "cổ điển" của bản Tuyên ngôn, mà còn đi xa hơn - với luật Nhân quả báo ứng - bổ túc những điều bất toàn không thể tránh được của bản Tuyên ngôn.

Bây giờ ta so sánh giáo lý nhà Phật với các điều khoản gọi là "tân tiến" của bản Tuyên ngôn, từ điều 22 đến điều 27, liên hệ đến nhân quyền thuộc lãnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa.

Lúc Thích Ca khai sáng ra đạo Phật, xã hội Ấn Độ và rộng hơn, thế giới ngày đó, đang sống trong kỷ nguyên binh dị. Đời sống kinh tế dựa trên cây cấy và chăn nuôi, đang có khuynh hướng chuyển sang thêm một hoạt động mới là thương mại. Giai cấp quý tộc vẫn giữ quyền hành cai trị và làm chủ đất, nhưng dân số gia tăng, tập trung tại đô thị, tạo việc thanh bình của nền kinh tế buồn chán. Dân chúng bắt đầu dựng vốn liếng, và một lớp người mới dựng vốn liếng tích lũy để chi phối người đi buôn và nông dân.

Tiếng Ấn Độ gọi lớp người này là setthi, cụ Nguyễn Văn Vĩnh dịch tiếng ta là set-ti. Người bình dân nghèo trở thành công cụ của ba lớp người bóc lột: quý tộc, chủ điền và set-ti.

Đức Phật hiểu rõ hơn ai hết tổ chức bóc lột thành hình trong môi trường sinh sống của Ngài, và Ngài mô tả trong cuốn kinh Kutadanta Sutta, trong đại tập Tăng Chi bộ kinh, thuộc hệ Pali. Bởi lý do vừa nói, đức Phật nhắc lại mối ưu lo và điều răn dạy của Ngài trong một cuốn kinh khác Sigalovada Sutta, cuốn kinh căn bản của người tu sĩ tại gia, có đủ trong hai hệ thống Sanskrit và Pali, được dịch qua Hán tạng gọi là Kinh thi-ca-la-việt. Học giả Phật giáo L.P.N. Perera, trong sách Buddhism and Human Rights (đã dẫn) sưu khảo và dịch giảng các điểm liên hệ về kinh tế, xã hội và văn hóa trong kinh, đem ghép vào với các điểm suy luận (commentary) trong đại tập Trường bộ, để ra năm khoản chính của lời Phật dạy về "những điều kiện công bình và thuận lợi cho việc làm, công bình và thuận lợi cho việc trả thu lao nhàn công, xem như là năm khoản bốn phần của người chủ."

Kinh Phật được ghi lại từ lời truyền tụng, nặng âm điệu và dài lê thê. Bản dịch từ nguyên tác cũng như vậy. Ta thử cố gắng thu gọn, nhằm làm được rõ.

a) Thứ nhất, Kinh viết người chủ lựa chọn việc làm tương xứng với khả năng người làm. Phần Luận đi theo kinh (sastra, do các đệ tử Phật tạo ra, nhằm giới thiệu và giải thích có hệ thống) ghi thêm là không được bắt người già yếu làm công việc nặng của người trẻ, người phải nữ làm việc của người nam. Chủ phải biết đắn đo ước lượng trước khi giao việc cho công nhân, tìm hiểu khả năng căn cứ trên tuổi tác, giới tính; phải tránh việc nặng nhọc cho phải nữ, tránh cho phải nữ làm xuất đêm. Kinh cấm đoán trẻ con lao động.

b) Thứ hai, Kinh viết về tiền công và thực phẩm cấp dưỡng theo một số huấn thị đồng nhất. Phần luận ghi thêm là mỗi công nhân đều có hoàn cảnh gia đình riêng, và đồng lương phải xét theo số người phải nuôi trong nhà. Vì thế cùng một việc làm nhưng thù lao của người nặng gánh gia đình phải cao hơn người độc thân. Điều này chính là "phụ cấp gia đình" và "phụ cấp đắt đỏ" ta thường nói tới ngày nay. Thi ra bản Tuyên ngôn Nhân quyền 1948 nói lại đúng một chi tiết đức Phật dạy 25 thế kỷ trước!

c) Thứ ba, Kinh viết về sức khỏe của người làm công. Phần Luận khai triển là khi bệnh hoạn hay tai nạn xảy ra, người làm công được phép nghỉ, được chu cấp lương thực đầy đủ, chẩn bệnh, cấp thuốc men

để điều trị cho lành bệnh.

Cách mệnh Kỹ nghệ tại Châu Âu bắt đầu từ giữa Thế kỷ mười tám, trải qua bao nhiêu biến cố đổ máu, đến hai trăm năm sau mới thấy được những điều thỏa thuận quốc tế về lao động và ý để đảm bảo sức khỏe cho người làm công. Thích Ca đã dạy những điều này hơn hai nghìn năm trước.

d) Thứ bốn, Kinh dạy phải làm sao tránh tranh chấp giữa người có tiền đi thuê và người đi làm mướn. Kinh viết phải tạo ra "tình huynh đệ" giữa hai lớp người mà quyền lợi bao giờ cũng xung phản. Người chủ phải "biết chia sẻ món ngọt món bùi" với người làm công.

Nếu quan hệ giữa người chủ và người thợ thực hiện được tới mức đó, thử hỏi làm sao có tranh chấp lao động xã hội?

e) Thứ năm, Kinh viết phải ấn định giờ giấc làm việc; nghỉ ngơi theo hạn kỳ; trả thù lao khi làm việc ngoài giờ giấc, cho quá cấp khi công tác hoãn mãn; cho công nhân tham gia các cuộc giải trí đình đám. Ta còn tìm được nhưng chi tiết như thời khóa biểu làm việc và nghỉ giải lao sau buổi làm việc (niccasamaye vossajjiana, breacktime) và nghỉ hạn kỳ (kalasamaye, vacation.)

Đến đây, ta có đủ hai bản văn để so sánh: các điều khoản 22 đến 27 của bản Tuyên ngôn và năm khoản giáo lý về nhân dụng trong kinh. Điều 22 của bản Tuyên ngôn nói về "an sinh xã hội" là một

ý niệm mới chưa có dưới thời đức Phật. Nhưng giáo lý đạo Phật, cụ thể hóa qua năm khoản vừa nhắc trong kinh cho phép ta khẳng định là quan niệm an sinh xã hội đã nằm sẵn trong tinh thần nhân ái của đạo Phật. Điều 23 đoạn 1 nói về quyền làm việc và quyền tự do chọn việc làm: tuy không viết thành lời, nhưng hiển nhiên đã hàm ý trong kinh. Điều 23 đoạn 2 và 3 nói về đồng lương phải tương xứng với việc làm. Không ai nói rõ hơn đức Phật trong giáo lý khoảng (b) là thù lao phải căn cứ trên giá trị việc làm, không phụ thuộc vào các yếu tố khác như màu da, sắc tộc, giới tính, xuất sinh... cũng trong điều 23, các điểm đảm bảo đời sống gia đình và xã hội của người làm công đều tìm thấy trong từng mục các khoản giáo lý. Điều 23 đoạn 4 nói về quyền tham gia công nghiệp đoàn: xã hội bình dị thời đức Phật chưa có nhưng ý niệm "chuyên chế vô sản," "thặng dư giá trị," "giải cấp đấu tranh"... bao nhiêu lý lẽ thuộc đọc đã tàn sát cả trăm triệu sinh linh, nên không thấy nói tới trong kinh. Nhưng đức Phật cũng đã tiên liệu được trước khi Ngài dạy những điểm chủ thợ "chia ngọt sẻ bùi," tránh trước tranh chấp quyền lợi. Điều 25 nói tới quyền nghỉ ngơi và giải trí, được ghi rõ trong khoản (e) giáo lý. Điều 25 nói về các tiện nghi đời sống công nhân, được bao hàm trong các khoản (b) và (c.)

Điều 26 và 27 mở đề mục

xem tiếp trang 19

MỘT CỘNG ĐỒNG VIỆT, BA HỘI CHO TẾT!

tôi không nói đến các "tổ chức" cộng đồng, được bầu ban hay không bầu ban, "đại diện" cho người Việt ở một vài khu vực ở đây.

Đám cưới lang què, một tập tục văn hóa Việt Nam, tại Hội Chợ Tết Sinh Viên ở Garden Grove Park.

Nếu dùng tiếng "cộng đồng" theo nghĩa sau này thì hiện nay tại vùng Little Saigon chúng ta không chỉ có một, mà có đến ba tổ chức, một của ông Nguyễn Xuân Nghĩa, một của ông Lê Khắc Lý và một của ông Nguyễn Tấn Lạc, và chưa chúng có thêm một tổ chức cộng đồng thứ tư mà chúng tôi chưa hân hạnh được biết đến.

Nói rõ hơn cho câu chuyện hôm nay, là dưới con mắt của một người ngoại quốc, người Việt vùng này, năm nay có đến ba hay thậm chí đến bốn hội chợ Tết, một loại "trăm hoa đua nở" mà từ trước đến nay không hề có. Có bốn tổ chức đang nỗ lực tiến đến việc tổ chức hội chợ Tết "để tiếp tục phát huy truyền thống văn hóa Việt Nam".

Thứ nhất là Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Nam California (THSV), thứ hai là Cộng Đồng Việt Nam Nam California do ông Lê Khắc Lý làm chủ tịch lâm thời, thứ ba là Hội Cộng Đồng Việt Mỹ do ông Nguyễn Tấn Lạc làm chủ tịch, và thứ tư là Trung Tâm Văn Hóa Hồng Bàng.

Người Việt từ ngày 30 Tháng Tư, 1975 phải bỏ nước ra đi, "tan đàn, sẻ nghè," dù là ở Hoa Kỳ, hay tận bên trời Bắc Âu, hay nước Úc, mỗi năm vào ngày Tết Nguyên Đán, đều tìm cách tổ chức những buổi gặp gỡ đồng hương cùng hoàn cảnh xa nhà, nhớ nước, trước là tìm niềm vui trong sự sum họp để tránh nỗi cô đơn và nhất là để con cháu cùng nhớ lại những phong tục, nghi lễ hay món ăn của đất nước mình. Nhưng ngày đầu khi cộng đồng người Việt chưa đông, sống xa nhau trong những vùng dân cư thưa thớt, người Việt xa xứ tổ chức đơn giản nhưng cuộc họp mặt tại nhà riêng, trong một nhà hàng nhỏ. Dần dà với sự thành hình các cộng đồng cư dân, quần tụ gần gũi với nhau, các buổi lễ Tết tiến đến tổ chức hội chợ ngày Tết qui mô có đông đảo người tham gia.

Từ năm 2001 trở về trước, tại Nam California, hàng năm vẫn có hội chợ Tết, do các tổ chức cộng đồng Việt Nam tổ chức, nhưng năm nào, sau khi kết toán tài chánh, ban tổ chức cũng tuyên bố lỗ. Từ năm 2002 khi giới trẻ, đặc biệt là THSV dần thân vào sinh hoạt cộng đồng, đảm nhận tổ chức hội chợ Tết hàng năm, cũng tại Garden Grove Park, thì không những đã gây được một không khí làm việc mới mẻ, năng động, đoàn kết mà còn đem lại một số tiền lời để giúp vào các việc công ích trong cộng đồng Nam California.

Trong khi toàn thể sinh viên Việt Nam tại Nam California đã đoàn kết thành một khối thống nhất, có tổ chức thì lớp người lớn tuổi của chúng ta còn chia rẽ, chúng tôi lớn nhất là tại miền đất này hiện có nhiều tổ chức cộng đồng đều mệnh danh là Cộng Đồng Nam California hoạt động riêng rẽ chưa bao giờ chịu ngồi lại với nhau. Nhưng cuộc hòa giải trước đây của những người có thành tâm thiện chí đưa ra đều thất bại. Vậy thì chúng ta làm gương hay đòi lãnh đạo, hướng dẫn gì được cho lớp trẻ, con cháu của chúng ta.

Công việc phục vụ cộng đồng Việt Nam của thế hệ thứ hai, của những người trẻ đầy sinh lực được thể hiện trong những năm qua đã chứng minh khả năng đang vươn lên của thế hệ này. Chỉ lấy thí dụ điển hình việc tổ chức hội chợ Tết trong vài ba năm qua, khi THSV đứng ra tổ chức, thì năm nào cũng có lời, thường là trên con số \$200,000. Con số này cũng lên xuống tùy theo từng năm và năm 2007, số tiền lời cao nhất mà Hội Chợ Tết Sinh Viên đem về là \$253,971.

Số tiền này công khai gây dựng cho một tổ chức sinh viên Việt Nam chống Cộng tại hải ngoại và sau sẽ cho những hội đoàn làm việc công ích, trong số đó Hội H.O. Cứu Trợ TPB-QP/VNCH cũng đã có một số tiền nhỏ để góp vào giúp cho các cựu chiến binh bất hạnh ở quê nhà.

Chúng ta giải thích làm sao giữa việc chênh lệch, lỗ từ năm đến mười nghìn đồng so với tiền lời mỗi năm lên đến hàng trăm nghìn, từ khi việc tổ chức hội chợ giao lại cho THSV. Phải chăng đó là kết quả của một sự hợp tác làm



việc có đoàn kết, tận tâm, sống có lý tưởng và nhất là lòng tự trọng, trong sạch của lớp người trẻ tuổi này.

Ba mươi mấy năm qua, việc trao ngọn đuốc dẫn đường cho thế hệ trẻ được coi như đã quá chậm, vì trong đầu óc chúng ta, vẫn coi thư con cháu này như những đứa trẻ ngu ngơ trong vòng tay cha mẹ, chưa biết việc đời, phải luôn luôn ở dưới sự hướng dẫn, chỉ dạy của các bậc trưởng thành, thế hệ cha anh. Bây giờ chúng ta đã thấy, có những việc chúng ta làm dở hay không làm được mà các em có khả năng làm được, giỏi giang hơn chúng ta. Không có gì chúng ta phải mặc cảm thua thiệt hay cho việc nhường bước, trao lại công việc cho con cháu là điều không thể chấp nhận.

Nếu như THSV đang gặp khó khăn trong sự đi

đình với Garden Grove thì những tổ chức khác không nên tranh chỗ và tạo cơ hội để bày ra thêm một hay hai hội chợ Tết khác. Điều này cho ta thấy rõ một sự ganh đua, tranh giành khách hàng như những nhà làm thương mại. Nếu năm nay thật sự có ba hội chợ Tết tổ chức vào những ngày giờ khác nhau thì đây sẽ là một chuyện chia rẽ đáng hổ thẹn của người Việt ở vùng Little Saigon. Và nếu chuyện này xảy ra, chắc chắn đồng bào chỉ có thể đủ thời gian và phương tiện tham dự một hội chợ mà thôi, như vậy số người tham dự mỗi hội chợ sẽ rất khiêm nhường, không khi nào nức, đông đảo của những hội chợ Tết trong những năm qua sẽ còn là chuyện dĩ vãng. Nếu có một chuyến xe duy nhất hôm nay đi San Jose với một số người cố định, thì chuyến xe này đầy khách, nhưng nếu có ba chiếc xe chạy cùng giờ đến cùng một địa điểm,

thì khách này sẽ phải chia làm ba. Kinh nghiệm những lần bầu cử vào các cơ quan thuộc dòng chính Hoa Kỳ, người Việt không tự lượng sức, chia rẽ, tranh giành nhau đưa đến chỗ chia phe u của cử tri người Việt, khiến cho ứng cử viên khác nắm được thế "ngư ông đắc lợi".

Độc giả của chúng tôi nghĩ gì, nếu năm nay, trong vùng Little Saigon, có ba thành phố khác nhau, có ba hội chợ Tết và ba cuộc diễu hành Tết khác nhau, để chúng ta cùng "thi đua phát huy truyền thống văn hóa Việt Nam" cho dân bản xứ ngả nón khâm phục.

Riêng chuyện diễu hành Tết chỉ có một, cũng dễ hiểu, vì diễu hành không bao giờ đem lại lợi nhuận cho bất cứ ai.

HUY PHUONG

PHẬT GIÁO VÀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

quyền hạn và tự do về giáo dục và văn hóa của con người. Tưởng cần nhắc lại trong lịch sử của các quốc gia theo đạo Phật ở Đông Nam Á, cho đến khi người phương Tây đến, đạo Phật là phương tiện độc nhất truyền bá văn hóa; chùa là nơi duy nhất cho con em được thụ hưởng giáo dục. Nhưng đôi hời mốt trong việc tổ chức và điều hành nền giáo dục ghi trong bản Tuyên ngôn đều đã được đạo Phật, khi con giữ trách nhiệm giáo dục quần chúng, giải quyết trọn vẹn. Từ thời đại đế Asoka (300 năm trước TN) mỗi đơn vị chùa là một trung tâm giáo dục, một số trung tâm này sau đã trở thành các trường Đại học Nalanda, Takila, Vikramashila, ngày nay còn tồn tại. Đạo Phật đã đem văn minh đến các quốc gia Á Châu và Đông Nam Á; đức Phật đã làm chất men phát triển nghệ thuật trong mọi ngành, kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc... tại Ấn Độ.

Ba điều khoản cuối cùng 28, 29 và đặc biệt là 30 của bản Tuyên ngôn nhắc lại mục tiêu cao cả và quyết tâm thực hiện quyền làm người của Tổ chức Cộng đồng Nhân loại. Thông tin nền mầu cơ format đo lường mẫu để chúng kết phần Nhân quyền trong giáo lý nhà Phật. Đức Phật dạy con người hướng thiện về hai mặt xã hội và tinh thần. Mỗi chúng sinh phải yêu thương phục vụ tha nhân, và thực hiện bằng cách lành mà không đi vào tham sân si. Phật chủ trương

công bình tuyệt đối, và dĩ nhiên ta đã thấy giáo lý nhà Phật bao gồm mọi điểm trong bản Tuyên ngôn.

Con người ngày xưa xa cách nhau bằng giai cấp và giai cấp do Thượng đế an bài; đừng chạm một người cui, tám rửa sạch thì tránh được nhiễm bệnh; đừng chạm một người hạ tiện pariah, phát tế lễ hàng năm chưa hết tội. Đức Phật xóa bỏ ý niệm giai cấp, gây lại vốn người.

Người phụ nữ ngày xưa sinh ra làm tôi đòi; đức Phật tái tạo địa vị người đàn bà tương xứng với chỗ đứng của người vợ và bà mẹ.

Ngày xưa dùng quyền và tiền bắt người làm nô lệ như trâu cho cho người. Đức Phật xóa bỏ chế độ nô lệ trước Abraham Lincoln gần ba thiên niên. Trong mắt đức Phật, không có người làm công. Người dạy trong kinh Thic-ca-la-việt là một sáng dạy, người tu đạo phải lấy cha mẹ, lấy thầy và lấy người giúp việc trong nhà, vì suốt ngày chịu ơn họ. Đức Phật đã dạy bốn "đạo đức việc làm" (work ethic) trước bản "đạo đức Tin lành" (The Protestant ethic) hai nghìn năm, và ngày nay đem áp dụng vào xã hội hậu kỳ nghệ văn còn thích ứng (xem "Giáo lý Nhà Phật và Phát triển Kinh tế," Nguyễn Phúc Bửu Tập, 1995.)

Đức Phật đề cao nghệ thuật và giáo dục. Người không tin có phép lạ, tru

phép lạ duy nhất của Thục (Duy thức.) Ủy linh của đức Phật đã khiến bạn tay nhỏ bé của con người tạo nên những công trình mỹ thuật vĩ đại như Peshwar, Sanchi, Đền Hoàng, Angkor, Borobudur... mai mai sẽ là vĩnh dự của giống người.

Đức Phật cũng không hướng về tinh thần mà quên thế xác. Trước tất cả các vị giáo chủ khác, Người dạy bảo về sức khỏe. Đệ tử của Người, đại đế Asoka, ba trăm năm sau niết bàn, là vị vua đầu tiên lập nhà thương chẩn trị bệnh và dựng đền điện trong cây thuốc chữa trị. Tháo náo H.G. Wells gọi Asoka là "vị vua cao cả nhất trong lịch sử loài người." Một vị đệ tử khác, Bồ Đề Đạt Ma, một nghìn năm sau, áp dụng lời dạy của đức Phật "thần thể tráng kiện nuôi dưỡng tinh thần bi, tri, dũng," lập ra nền võ học Thiếu Lâm Trung Hoa.

Hai nghìn năm trăm năm trước bản Tuyên ngôn Nhân quyền Liên Hiệp Quốc, đức Phật đã gióng lên tiếng chuông tự do cho con người nhận chân được danh dự và quyền hạn làm người. "Hãy tự mình thấp được lên mà đi," Phật dạy chính ta làm chủ định mệnh của ta, và không có một uy quyền nào khuất phục được quyền làm người của ta.

NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP

HỘP THU HOA ĐÀM

Hoa Đàm chân thành cảm tạ sự yêu mến và khích lệ của nhiều độc giả cũng như sự đóng góp nhiệt tình của nhiều tác giả cho nội dung tờ báo ngày thêm tươi nhuận. Báo Xuân phát hành ngày 15 tháng 1, 2014 do họa sĩ Nguyễn Đồng-Nguyễn Hợp vẽ bìa vẫn tiếp tục đón nhận bài vở từ bốn phương. Mọi liên lạc, xin gởi về địa chỉ hoadamnewsletter@yahoo.com

SỐNG TỰ DO CHO CHÍNH MÌNH QUA HÀNH TRÌNH THIỀN ĐỊNH.



Ảnh: TAM THUONG DINH/Đạo Đam

Trong Đạo, dục không phải là điều kiêng kỵ. Đạo có Mật tông riêng của nó, năng lượng của dục đã không bị phá hủy hay bị kềm nén, nó không phải là kẻ thù. Cho nên trong Thiên (ở Trung Hoa), cái gì tưởng về vô dục đã bị vứt bỏ. Không có sự kháng kháng về dục, nó là sự lựa chọn của bạn, bởi vì vấn đề là Thiên, nếu bạn có thể thiên và sống cuộc

sống của mình theo cách tự nhiên, thì điều đó chấp nhận được với Đạo.

Và thế thì việc biến đổi khác đã xảy ra: Thiên từ Trung quốc đã đặt tại Nhật Bản, nơi Shinto, tôn giáo bản địa, dục đã là rất tự nhiên, tại đó dục trở thành tuyệt đối kháng định, do đó nó thậm chí còn không được nói tới nữa. Không cần. Bạn

đang hỏi "duyệt như dục đã được một số thiền sư dùng, chẳng hạn Ikkyū, xem như cách biến đổi năng lượng". Tuy nhiên, cho tới ngày nay, không có sự giải thích nào đưa ra bằng chứng về điều duyệt như này.

Điều đó không có nghĩa rằng dục là điều kiêng kỵ. Nó tự nhiên đến mức chẳng cần phải thảo luận về nó. Bạn không thảo luận về đi tiểu không có nghĩa là bạn đã dùng việc đi tiểu. Nếu bạn tự nhiên chấp nhận dục và đã sống trong nó, sẽ có một thời điểm khi bạn đã lớn hơn nó, thế thì chẳng có ích gì cứ tiếp diễn nó mãi, chán nản và chán ghét. Trong khi nó đẹp đẽ thì tận hưởng; còn khi nó trở thành hiện tượng chán chường thế thì bỏ nó cho người khác. Nhưng không có lý do gì để kết án nó cả.

Một người tự nhiên đơn giản vượt ra ngoài các giai đoạn mà không kết án, người đó đã sống cuộc sống, người đó đã biết cuộc sống. Bây giờ người đó muốn biết cái gì đó hơn nữa, muốn biết mình là ai trong cốt lõi bên trong nhất của mình. Thực tế bên ngoài đã được thám hiểm mà không có bất kỳ cấm đoán gì, thế thì một ngày nào đó bạn sẽ quay lại bên trong. Dục được người Hindu chấp nhận, không nhưng chỉ được chấp nhận, còn

có cả một hệ thống biến đổi năng lượng dục. Mật tông, đã được các thánh nhân Hindu phát triển. Nhưng rồi, nếu vị thánh mà sung sướng, vui vẻ, yêu cuộc sống và tận hưởng mọi thứ mà sự tồn tại cho phép ông ấy, thì bạn không thể nào ngu ông ấy là linh thiêng được. Để linh thiêng, người thánh phật (được nhìn) là khôn khéo. Mật tông trở thành điều kiêng kỵ.

Phật Cổ Đam được sinh ra trong một gia đình Hindu, từ thời thơ ấu ngài đã được phép có mọi thứ mà ngài muốn. Ngài được bao quanh bởi nhiều thiếu nữ xinh đẹp, ngài đã lấy vợ. Toàn bộ cuộc sống của ngài cho tới tuổi hai mươi chín đều được bao bọc trong khoái lạc, trong nhây nhây, trong âm nhạc, trong phụ nữ, trong rượu... 29 năm xa hoa liên tục trong dục, trong phóng túng, ngài trở nên chán ngán, kiệt quệ, trở nên già cả... Bỗng đến một ngày, sau khi người đánh xe chở ngài đi lễ hội ngoài thành trả lời cho ngài về cái già, cái bệnh, cái chết và người đi truy tìm đạo vì đã trở nên nhận biết cuộc sống này là tạm thời, được làm cùng chất liệu như làm ra giấc mơ, do đó người này đã bắt đầu tìm kiếm điều vĩnh hằng... "Đưa ta về nhà thôi. Ta đã bị lừa rồi. Trong 29 năm ta đã không được phép biết tới chán lý". Ngài

buồn bã báo người đánh xe như thế. Đem đồ chính ngài trốn khỏi nhà. Việc trốn thoát này cần một cái tên mới. Nó là "trốn vào". Người ta đã sống ở ngoài, bây giờ người ta muốn sống ở trong. Phật Gautam về sau thường lặp đi lặp lại mãi: "Người thực tình chuyển bánh xe pháp trong ngọn lửa của đam cháy".

Năng lượng dục chẳng là gì ngoài chính năng lượng sống của bạn, và nên gọi nó là năng lượng sống, bởi vì đó là thuật ngữ rộng hơn, bao hàm hơn, thấu đáo hơn.

Cuộc sống là để sống. Toàn bộ bầu không khí đều tràn đầy cuộc sống, và nếu bạn hiểu cội nguồn riêng của mình về cuộc sống thì bạn bỗng nhiên sẽ nhận biết rằng chìm chìm sống động, cây cối sống động, bãi cỏ sống động — mọi nơi đều sống động! Và bạn có thể nhây nhây với cuộc sống này, bạn có thể bắt đầu có cuộc đối thoại với bầu không khí. Bạn hãy sống một cách sâu sắc và mãnh liệt nhất có thể được.

Tạm Kết.

Chùa Jesus đã phát biểu một câu rất độc đáo: "Chúng nào các ông chưa được sinh ra lần nữa thì các ông sẽ không hiểu chán lý". Theo Thiên cũng

xem tiếp trang 25

tiếp theo trang 3

GÓP Ý VỀ CÁCH TIẾP CẬN

Hiện nay, có rất nhiều thông tin về cách giữ gìn sức khỏe trên các mạng Internet. Không có gì bí mật trong thời đại cách mạng thông tin này. Tổng hợp lại, giữ sức khỏe chỉ có 3 cách:

- thứ nhất, hàng ngày phải ăn uống đúng cách;
- thứ nhì, hàng ngày phải thể dục, vận động cơ thể;
- và thứ ba, giữ tâm cho an tĩnh, đừng để bị căng thẳng thần kinh (stress); hay nhất là tập Thiền hay các pháp khi công kiểu như Tại Chi (Thiền Cực).

Đã có rất nhiều cuộc nghiên cứu y khoa tại Hoa Kỳ về những cách trên. Bạn nên tìm các thông tin này, phổ biến cho người quen biết và các đơn vị Gia Đình Phật Tử. Cần chú ý rằng, ăn chay không hợp cách vẫn chỉ gây thêm bệnh: nhiều bếp nhà chùa nấu chay, nhưng lại dùng quá nhiều dầu, muối, đường. Thế là hỏng.

Nên ăn nhiều chất xơ, thường có nhiều nhất là ở rau, trái cây, hạt. Tránh hoặc dùng càng ít càng tốt: muối, đường, dầu. Món gắp thường xuyên ở nhiều chùa là mì xào, hủ tiếu xào... Nếu bạn tập pháp Niệm Thân trong Tu Niệm Xứ thường xuyên, bạn sẽ cảm thấy cơ thể mình phản ứng ra sao, chỉ vài phút sau khi ăn các món quá nhiều muối, đường hay dầu. Thử làm

một tiến trình lý thú: Đọc lời khuyên của các bác sĩ, và chúng ta tự cảm nghiệm trên cơ thể mình. Đừng ăn quá no; mỗi lần ăn no, bạn sẽ thấy không ngồi thiền được.

Thứ nhì, cần tập thể dục. Đừng qua sức, nhưng cũng đừng lướt biếng. Chạy bộ hay đi bộ bước nhanh, không cần tập gì phức tạp. Buổi tối về nhà xem TV, chỉ cần đứng chạy một chỗ cũng có lợi hơn là ngồi xem.

Tập Thiền có thể sử dụng cách đơn giản: hít thở đều đặn, và quan sát toàn thân mình đón nhận hơi thở vào và ra tự nhiên. Cứ như thế suốt ngày, sẽ thấy chuyển biến hươu dưng chỉ trong vài ngày thôi. Tôi được nghe kể rằng, Đức Đạt Lai Lạt Ma từng nói trong một khóa tu ở Úc là nếu đời sống của bạn quá bận rộn, không giữ được thời khóa tập Thiền hàng ngày, thì mỗi ngày có thể ngồi Thiền 20 lần, mỗi lần một phút cũng được. Đây là pháp giữ sức khỏe tuyệt vời.

Tất nhiên, bạn có thể chọn pháp môn khác của nhà Phật, tùy nghi. Một trong các pháp khác mà tôi ưa thích là tham thoại đầu về chữ "Ái." Cứ đi đứng nằm ngồi, trong từng niệm khởi, trong từng cảm thọ... hay cứ quan sát xem ai đang cử động, ai đang khởi niệm, ai đang cảm thọ. Tự

nhiên, tâm mình sẽ lặng lẽ dễ dàng. Như thế, pháp Thiền Thoại Đầu này cũng thực sự là Tu Niệm Xứ, và là bạn đang niệm toàn thân, niệm toàn tâm và niệm toàn thọ. Hoặc là bạn niệm Niệm Phật, tập lắng nghe từng danh hiệu ngài.

Một điều cần nói về Thiên, rằng bạn không cần phải ngồi theo pháp kết già hay bán già. Nhiều người ưa cầu toàn, cứ nhất định là phải rằng ngồi thế hoa sen như Phật mới được. Thường các Thiên đường tại Miến Điện và Mỹ chọn cách ngồi ưa chuộng nhất là Thế Ngồi Miến Điện (Burmese posture), với hai chân xếp vào song song nhau, không cần đưa chân này đặt lên chân kia. Bạn vào tìm ở Google.com sẽ thấy hình ảnh thế ngồi này.

Tôi có đọc bản tin và nhìn hình ảnh các thí sinh hoa hậu thế giới thăm một ngôi chùa Việt Nam ở Vung Tàu, và được một sư cô dạy ngồi Thiền — trong đó, nhiều cô thí sinh ngồi thế kết già. Tôi tin chắc rằng, lần đầu ngồi, các cô thí sinh sẽ thấy đau chân, và sẽ không thấy thoải mái gì với chuyện ngồi Thiền nữa. Thánh kiến này, và nếu họ có khởi tâm này, sẽ cản trở nhiều đối với việc họ có thể tìm được pháp hỷ thiên duyệt — có khi tâm này dần đi xa tới cả nhiều kiếp về sau.

Hiếu được, và có kinh nghiệm với ba cách giữ gìn sức khỏe nêu trên, bạn sẽ tự ngừa bệnh cho

mình, và có thể giúp người khác ngừa và trị bệnh. Nhưng kiến thức này tuy là đơn giản, nhưng là kết tập từ nhiều bản nghiên cứu y khoa của thế giới; bạn hãy vào Internet và tìm chữ "healthy living" sẽ thấy các hướng dẫn cụ thể.

Trong cộng đồng người Việt, nhiều người vẫn không để ý tới các kiến thức, hoặc là chưa biết tới. Nếu bạn có vào thăm các nhà dưỡng lão ở Hoa Kỳ, bạn có thể giúp các cụ già gốc Việt bằng cách hướng dẫn pháp dưỡng sinh -- chỉ dẫn cách ăn uống đúng pháp, cách tập thể dục đều đặn, và cách tập Thiền đơn giản — và đó sẽ là món quà tuyệt vời nhất cho các cụ.

Nói tới đây mới nhớ: quý tăng ni và cư sĩ các chùa hải ngoại trong khi hoảng pháp thường chú ý tới tuổi trẻ (tất nhiên, nếu không có thể hệ tiếp nối thì chánh pháp sẽ không còn gì) và nhưng người có cơ hội tiếp cận với chùa (qua các sinh hoạt trong cộng đồng, hội Tết, nhạc hội, hay tang lễ). Nhưng chính các cụ Việt Nam trong các nhà dưỡng lão cũng cần được giúp đỡ đặc biệt, nhất là về kiến thức để chuẩn bị bước qua giai đoạn tư sắc trở về không.

Điều nên suy nghĩ rằng, nhiều cụ Phật Tử người Việt ở nhà dưỡng lão, nếu không có thân nhân, khi từ trần, các viên chức Hoa Kỳ sẽ gọi mục sư tới làm nghi thức tôn giáo. Không phải chuyện kỳ thị gì,

nhưng chỉ vì tiện lợi nhất, vì ban giám đốc các nhà dưỡng lão quen thuộc và tiếp cận thường xuyên với các mục sư. Nếu chúng ta không hướng dẫn Phật Pháp cho các cụ, và nếu các cụ không để lại một di chúc ghi rõ là khi hưu sự hãy gọi điện thoại tới chùa này, chùa kia... để lo việc nghi thức tang lễ, thì hương linh trong thời gian còn ở thân trung ấm có thể sẽ khởi tâm sân hay ưu buồn, hay bất như ý; nếu khởi tâm như thế, sẽ không có lợi cho việc giải thoát.

Một điều nên nói thêm, có khi các cụ theo Đạo Phật, nhưng vợ/con các cụ, hay cháu/rể của các cụ lại theo đạo khác. Nếu các cụ không sửa soạn sẵn các nghi thức như ý mong muốn ở phút lâm đài, các cụ có thể bị các vợ/con hay cháu/rể áp đặt phải theo nghi thức tang lễ của đạo khác. Nhưng chuyện này đã xảy ra ở hải ngoại, tuy không nhiều nhưng vẫn là điều để quan tâm. Bây giờ lại đọc thấy bản tin trên báo viết rằng có cụ ông này, cụ ông kia vốn là Phật Tử thuần thành, nhưng giây phút cuối đời đã xin trở về với đạo Chúa, bạn hãy hình dung những bất ngờ như thế. Nếu cụ ông là một nhà văn nổi tiếng, hay nguyên là một huyện trưởng Gia Đình Phật Tử, thì các tôn giáo khác sẽ làm tang lễ âm i khác thường.

Trường hợp các cụ trong

xem tiếp trang 24

NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG

co hội để giúp cho Phật Giáo tồn tại, và hơn nữa đây cũng là một dịp để phát huy cho mọi người biết đến các tiềm năng quý giá vô ngần của Phật Giáo. Nhưng tiềm năng ấy không nhất thiết để cao một nền luân lý hay quảng bá một thứ giáo điều nào cả, mà đúng hơn đây là những gì giúp chúng ta có thể nhìn thấy được một thể dạng hiện hữu nào đó (thể dạng thanh cao, an vui và giải thoát của một người tu tập).

Đối với các thế hệ trẻ tại Á Châu, Phật Giáo bị xem như là một thứ gì lạc hậu, và cũng chẳng giúp ích gì được cho họ trong cuộc chạy đua kinh tế toàn cầu mà họ đang muốn nhập cuộc để tham gia. Trong thế giới Tây Phương thì chúng ta may mắn hơn và đã ý thức được những giới hạn của chủ thuyết toàn cầu hóa đó cũng như của sự đua đòi tiện nghi vật chất. Kinh nghiệm bản thân giúp chúng ta chứng nghiệm được tinh cách đích thật trong những lời giáo huấn của Đức Phật. Các lời giáo huấn ấy giúp chúng ta ý thức được là dù luôn cố tìm cách thỏa mãn sự ham muốn thế nhưng thực sự ra thì chúng ta sẽ không bao giờ hết thèm khát cả. Chúng ta nào có biết tìm lối cho mình sự an vui sẵn có mà luôn chỉ muốn tìm cách để đuổi theo những thứ khác hơn.

Đầu sau thì vấn đề vẫn còn ham chưa một khía cạnh khác nữa. Trong thế giới Đông Phương, Phật Giáo đã ăn sâu vào toàn

bộ nền văn hóa và thấm nhuần trong từng sinh hoạt cụ thể của cuộc sống thường nhật. Con người hít thở bầu không khí Phật Giáo một cách thật tự nhiên - hành động của họ đều thấm đậm tinh thần Phật Giáo, từ cách ăn ở, cách chào hỏi, cách ngắm nhìn muôn thú, nết đối xử hay bất cứ một sự vật nào khác. Các nền văn hóa Đông Phương không hề gây chiến chống lại bất cứ gì chỉ phối bởi một thứ trật tự duy lý mang tính cách tính toán - mà luôn giữ được ý nghĩa của sự thiêng liêng và nghi lễ, biết quan tâm đến thân xác và cả tình yêu thương. Và đây chính là những gì mà chúng ta không có. Muốn thực hiện được những điều ấy thì nhất định phải cần đến một sự cố gắng thật lớn lao. Nếu không thiết lập được một nền móng văn hóa Phật Giáo đích thực tại Tây Phương thì cũng sẽ khó lòng mà giúp cho Phật Giáo bắt rễ vào mảnh đất ấy.

Sau hết cũng cần phải nêu lên thêm một sự khác biệt nữa giữa Phật Giáo Á Châu và Phật Giáo Tây Phương: đây là vai trò của những người xuất gia. Tại Đông Phương nhất là ở các nước Đông Nam Á, vị thế của người tu hành được nâng lên rất cao. Người thế tục thuộc mọi thành phần đều phải cung cấp các tiện nghi vật chất cho các nhà sư trong cuộc sống thường nhật, và họ xem bốn phạm ấy quan trọng hơn cả việc tu tập để hướng vào sự giác ngộ cho chính mình.

Ở Tây Phương thì lại khác, các người thế tục chỉ biết lo tu tập, tham gia vào các khóa an cư hay các buổi thực tập. Họ tìm cách bước thẳng vào lãnh vực cao thâm nhất và linh thiêng nhất của Phật Giáo.

Nguyên nhân nào đã thực đẩy ta trở thành người Phật Giáo?

Con người càng đa dạng bao nhiêu thì những nguyên nhân thực đẩy chúng ta vào thực tập bấy nhiêu.

Các nguyên nhân ấy có thể là sự bất an gây gât trong lòng, sự bất toại nguyện dai dẳng (vì khổ đau mà tu), chấp nhận tự gánh vác tất cả mọi khổ khăn của mình (ý thức được nguyên nhân của khổ đau là do chính mình gây ra), hay đây là tình thân thương vô, lòng ước vọng giúp đỡ tất cả chúng sinh (lý tưởng của người Bồ-tát).

Hoặc cũng có thể là vì cảm nhận được ý nghĩa sâu xa trong những lời giảng huấn của Đức Phật, luôn vang lên trong lòng mình một cách thật thiết tha.

Đầu sau thì vấn đề vẫn còn ham chưa một khía cạnh khác nữa. Trong thế giới Đông Phương, Phật Giáo đã ăn sâu vào toàn

Quả thật chẳng có gì hẹp hòi hơn. Đây chỉ là một cách chạy quanh chạy quẩn. Chính vì thế mà đến một lúc nào đó chúng ta cũng sẽ muốn được nhìn thấy các sự vật gần hơn, đúng thật hơn với cách mà chúng hiển hiện ra.

Đây chính là cách giúp chúng ta bước vào "con đường".

Các nguyên nhân khiến chúng ta tìm đến với Phật Giáo tất nhiên cũng phải biến đổi. Nhưng nguyên nhân thực đẩy hẹp hòi rồi sẽ dần dần biến thành những nguyên nhân cao rộng hơn, sự ích kỷ rồi một lúc nào đó cũng sẽ chuyển thành lòng quyết tâm hy sinh vì sự lợi ích của kẻ khác.

Dù được thực đây bởi bất cứ một động lực nào đi nữa thì luôn luôn ta cũng phải cần đến một con đường giúp cho ta theo đó mà đi.

Quả đây là một thứ gì thật khó. Con người lúc nào cũng muốn che chở mình bằng một lớp vỏ bên ngoài thật cứng nhắc mà chẳng bao giờ nghĩ đến là phải biến cải chính mình từ bên trong.

Thế nhưng đây lại là mục đích của Phật Giáo. Phải tu tập mà thôi, thế nhưng không phải tập để đơn giản trở thành một người Phật tử - chứ ầy mang một ý nghĩa thật đáng thương hại, bởi vì đây chỉ là cách gán thêm cho mình một thứ cá tính nào đó để tự nâng cao giá trị của mình, hầu để tự trấn an lấy mình - mà đúng hơn tu tập có nghĩa là phải đi theo những bước chân của Đức Phật.

Phật Giáo có nghi lễ nào

tương tự như lễ rửa tội hay lễ Bar Mitsva (lễ thụ giới của Do Thái Giáo lúc con gái vừa đúng 12 tuổi và con trai thì 13 tuổi) hay không?

Khi sinh ra chúng ta không đương nhiên là người Phật Giáo, tương tự như trường hợp của Do Thái Giáo, hay là trường hợp của Thiên Chúa Giáo nhờ vào phép rửa tội. Chúng ta trở thành người Phật Giáo bằng một sự tự nguyện mang tính cách cá nhân gọi là "quý ý Tam Bảo" tức là nương tựa vào Đức Phật, Đạo Pháp và Tăng Đoàn: đây là tấm gương để ta noi theo (tức Đức Phật), con đường giúp ta bước theo (Đạo Pháp), và tập thể những người đảm trách việc truyền giáo (Tăng Đoàn).

Tại sao lại gọi là "quý ý"?

Quyết tâm trở thành một người Phật Giáo là một cách (gián tiếp) chứng tỏ cho thấy là các mục tiêu trước đây không đáp ứng được nguyện vọng của mình. Các mục tiêu ấy không đủ vững chắc để cho ta có thể nương tựa vào đây. Tìm kiếm lạc thú, lợi lộc, uy quyền thì rốt cuộc cũng chỉ là cách chạy theo những thứ phù du. Sự nương tựa đích thật mang lại lợi ích thực sự chính là cái không gian mở rộng - cái không gian mà Đức Phật đã mở cho chúng ta thấy. Chỉ có Đức Phật là vững bền và không có bất cứ một thứ gì có thể làm cho Ngài bị ô uế được.

Đức Phật cũng như Đạo Pháp và Tăng Đoàn tất cả đều hiển lộ một cách thật xác thực, và được

tiếp theo trang 26

CHUYỆN KHÓ NÓI...

trẻ. Bạn biết chuyện một người cha thấy cậu con trai 15 tuổi của mình đã lớn ngồng bên kêu lại nghiêm trang bảo hôm nay bố có chuyện quan trọng, nhưng rất tế nhị, khó nói, muốn trao đổi với con, đó là chuyện tình dục. Cậu con trả lời bố yên tâm, bố có gì thắc mắc cứ hỏi đi ạ! Dĩ nhiên đó là một chuyện vui, nhưng mới đây tôi được nghe từ nghệ sĩ QH nói một hôm hai vợ chồng chị chờ đưa con gái 8 tuổi đi chơi, bỗng nó hỏi "Bố ơi bố, bố có dùng bao cao su không bố?" làm chị và ông xa đều ngo ngàng! Thì ra nó được học ở lớp! Ráng vợ chồng phải chung thủy, nếu không thế chung thủy được thì phải dùng bao cao su...

Rồi gần đây cũng nghe nhiều bậc cha mẹ trẻ báo động rằng gia đình họ bố mẹ đều là dân Hà Nội gốc, Sài Gòn gốc mà sao con họ nói toàn giọng quê, ngọng nghịu của những vùng miền khác? Thì ra, đưa bé lớn lên từ cái ăn cái ở trong vòng tay của người giúp việc. Chị giúp việc đưa vô tình dạy bé những ngôn từ, cử chỉ, thái độ ứng xử của mình... đối với một thứ chuyện trên đời! Và bé học thật nhanh, kể cả những tiếng chửi thề, nói tục. Không cách nào khác vì không thể không có chị. Phải khó khăn lắm mới tìm được một người vừa

ý. Một người "bạn rạn" trẻ khác tâm sự rằng con trai anh ba tuổi phải giao cho người giúp việc vì hai vợ chồng đều đầu tắt mặt tối lo làm ăn, nhiều khi đi tỉnh này tỉnh khác năm ba ngày là thường. Gần đây anh ngạc nhiên thấy thằng bé cứ vô vọc chim mình đủ kiểu. Thì ra có giúp việc khi bóng bẻ, tắm rửa, thay quần áo cho bé đã thường xuyên vui đùa với bé như vậy nên đã hình thành một thói quen.

Giáo dục giới tính là một tiến trình suốt cả đời người, là chuyện phải làm hằng ngày mà trước hết là ở ngay tại gia đình, nhằm trang bị kiến thức, hình thành nhân cách, tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự khỏe mạnh tinh thần, sự khỏe mạnh thân thể sau này. Nó bao gồm sự phát triển tinh dục, các mối quan hệ giữa người với người, tình bạn, tình yêu, hình ảnh về thể chất và vai trò giới. Giáo dục giới tính đề cập các khía cạnh về sinh học, văn hóa xã hội, tâm lý và tâm linh của vấn đề từ lãnh vực nhận thức đến lãnh vực tình cảm và hành vi của mỗi cá nhân.

Ngay từ lúc mới sinh, trẻ đã được học về tình yêu thương, triu mến, vuốt ve, cưng nựng, học về những mối quan hệ trong gia đình, cha mẹ, ông bà... Trẻ học về giới tính khi



Giao Hoàng (Chân, 1943)

cha mẹ chăm sóc, chuyện trò hằng ngày, lúc vui chơi với chúng, lúc thay quần áo cho chúng, dạy chúng biết các bộ phận của cơ thể, từ mắt mũi, tai miệng, đến bộ phận sinh dục... để không "phân biệt đối xử" mà phải có trách nhiệm gìn giữ vệ sinh đầu đo đang hoàng. Trẻ lớn dần lên thì hiểu biết sẽ rộng thêm về sinh lý học cũng như về cách ứng xử, thái độ phù hợp của gia đình cũng như của môi trường xã hội chung quanh.

Cán cốt mở, chấp nhận, sẵn sàng lắng nghe trẻ. Một đêm cười ở nhà hàng xóm, một người bà con sắp sanh... đều là những cơ hội để "luyện bần". Chủ động đặt ra những câu hỏi thăm dò, từ đó giảng giải và nêu lên "quan điểm" của mình!

Nhiều gia đình hiện nay vẫn nghĩ nhà trường chịu trách nhiệm chính về chuyện giáo dục giới tính cho trẻ. Không đâu. Nhà

trường chỉ "bổ sung" thêm thôi, vì như đã nói đây là một vấn đề văn hóa, tùy lối sống của mỗi gia đình. Thực tế, ta chưa có một chương trình Giáo dục giới tính toàn diện cho học sinh. Một số trường kết hợp với một vài "Dự án" tổ chức các buổi gọi là "giáo dục giới tính" theo cách của mình, riêng lẻ, manh mún, chủ yếu là dạy cách xét bao cao su và cách tránh thai. Ở lứa học sinh 13-17 có thể có đôi ba em đã quan hệ tình dục sớm, nhưng một số các nhà làm dự án mặc nhiên coi tất cả đều đã có quan hệ tình dục rồi và họ thảo luận thuyết giảng, sắm vai, đóng kịch, bày trò chơi... về cách dùng bao cao su, cách tránh thai, phá thai bằng thuốc các thứ...

Như đã nói giáo dục giới tính là một tiến trình học hỏi suốt đời, hằng ngày, trong gia đình là chủ yếu, sau đó mới đến trường học. Nhà trường, để có thể dạy được cần có một chương trình toàn diện,

giáo viên được chọn lọc và tập huấn rất kỹ. Đừng quên rằng truyền hình, sách, báo, phim ảnh, games online... là những "nguồn lực" giáo dục giới tính rất mạnh mẽ, tạo nên cách nghĩ cách làm cho cả thế hệ, cả cộng đồng, nên phải hết sức có trách nhiệm.

Đã đến lúc Bộ Giáo dục - Đào tạo phải soạn một Chương trình Giáo dục giới tính toàn diện, phù hợp cho từng cấp lớp (lứa tuổi), phù hợp với văn hóa Việt Nam, không thể tri hoạc trong tình hình hiện nay.

Còn trong gia đình thì ông bà, cha mẹ, người giúp việc... chính là những người thầy đầu tiên của trẻ về giáo dục giới tính, không thể thoái thác được, không thể chờ đợi và cũng không thể khoán trắng cho ai khác.

BS ĐO HỒNG NGỌC
www.dohongngoc.com



Hình ảnh của các nhà khảo cổ Robin Coningham và Kosh Prasad Acharya khi đào vạt đất để tìm ngôi đền thờ Maya Devi (Hoàng hậu Maya).
Ảnh: IRA FLOCK NATIONAL GEOGRAPHIC

PHÁT HIỆN NGÔI ĐỀN PHẬT GIÁO LÂU ĐỜI NHẤT TẠI NEPAL CÓ THỂ ĐẨY LÙI NGÀY PHẬT ĐẢN SANH

Các nhà khảo cổ học Nepal vừa phát hiện ngôi đền Phật giáo xây từ thế kỷ thứ 6 trước Công nguyên, cổ xưa nhất từng được biết đến. Qua đó cung cấp thêm nhiều thông tin mới về cuộc đời của Đức Phật.

Nguyên tác "Oldest Buddhist Shrine Uncovered In Nepal May Push Back the Buddha's Birth Date" của **DAN VERGANO**, đăng trên báo National Geographic ngày 25 tháng 11 2013. Phỏng dịch: **TÂM THUỜNG ĐỊNH/HOÀ ĐẰM**

Có giả thuyết cho rằng ngày sinh của Đức Phật sớm hơn hàng thế kỷ, so với thời gian mà nhiều học giả từng công nhận trước đây, sau khi một nhóm khảo cổ học vừa phát hiện ra chứng tích một ngôi đền Phật giáo xưa nhất có niên đại khoảng năm 550 trước Công nguyên tại khu thánh tích Lumbini, Nepal.

Nhà khảo cổ học Robin Coningham của trường Đại học Durham, Vương quốc Anh, tác giả chính của công trình nghiên cứu khảo cổ này nhận định trên tạp chí Antiquity hôm thứ Hai, "Nhưng gì chúng tôi đã tìm thấy là Đền thờ Phật giáo đầu tiên trên thế giới."

Cung trong tiến trình cuộc nghiên cứu này, các nhóm khảo cổ quốc tế tương tự thuật rằng họ đang đào bới phía dưới lớp gạch nền, nơi mà hàng ngàn người đến hành hương lễ bái.

Cung theo Ông Coningham miêu tả, cuộc khai quật tìm thấy cấu trúc bằng gỗ cu kỳ bên dưới nhưng bức tường gạch của ngôi đền và cách thiết kế của những ngôi chùa Phật giáo sau này rất giống nhau, điều này cho thấy có sự liên hệ sâu xa. Nó đồng thời đưa ra một cuộc thám định lại khoảng thời gian mà Đức Phật tại thế và bày tỏ rõ ràng chúng ta vừa tìm thấy có một ngôi đền cổ có từ thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên. Nhóm khảo cổ đã sử dụng hai loại

kỹ thuật "carbon" phóng xạ để tìm ra niên đại của ngôi đền.

Ngay lúc này, có nhiều học giả hoan nghênh sự phát hiện mới, nhưng đồng thời cảnh giác rằng đứng qua với vàng xác định đền thờ Phật giáo này là lâu đời nhất, và cần thêm nhưng phân tích khác.

Trong một điện thư, nhà khảo cổ học Ruth Young của Đại học Leicester của Vương quốc Anh viết rằng, "Các nhà khảo cổ thì có khuynh hướng thích tuyên bố rằng họ đã tìm thấy cái sớm nhất hoặc lâu đời nhất của một thứ gì đó."

Nơi sinh của Đức Phật

Phật giáo là một trong những tôn giáo lớn trên thế giới, với hơn 350 triệu tín đồ, hầu hết ở Đông Á.

Theo kinh điển ghi lại, vườn Lumbini là nơi Hoàng hậu Maya Devi sinh ra Đức Phật, trong thời khắc đo đạc hạ sanh nhân vật lịch sử Siddhartha Gautama, người sau này trở thành Phật Thích Ca.

Song, ngày sinh chính xác của vị Phật này thì vẫn còn tranh luận. Với chính quyền Nepal thì công nhận năm 623 trước Công nguyên, và các truyền thống khác sau này thì nói là khoảng năm 400 trước Công nguyên.

Mặc dù vậy, từ năm 249

trước Công nguyên, vườn Lumbini đã trở thành một trong bốn thánh địa tâm linh, thiêng liêng của Phật giáo, đánh dấu bằng chữ khắc và một trụ cột bởi hoàng đế Asoka, người đã hỗ trợ Phật giáo truyền bá rộng rãi trên khắp Ấn Độ.

Vườn Lumbini cũng từng trải qua thời gian dài hoang phế và chỉ được tái phát hiện vào năm 1896 rồi sau đó trở thành một trung tâm thờ phụng, với đền thờ Hoàng hậu Maya, và giờ đây là một di sản thế giới.

Hầu tránh nhưng phương tiện cho chứng tích, có thể gây ra từ những người đến tham quan khu thánh tích, tổ chức UNESCO cùng với quan chức Nhật Bản và Nepal đã hỗ trợ Coningham cùng đồng nghiệp của ông trong quá trình tìm tòi tại Lumbini và các dữ liệu lịch sử bên dưới quán thể gạch nền còn sót lại từ thời Asoka. Công trình khai quật và nghiên cứu cũng được hỗ trợ bởi Hiệp hội Địa lý quốc gia.

"Chúng tôi được quyền hạn có một không hai để tiếp cận khu vực khảo cổ này mà có thể sẽ không có cơ hội lần nữa mãi cho đến thế hệ sau. Do đó chúng tôi thực hiện công việc của mình hoàn toàn

công khai để khách hành hương có thể bày tỏ cảm xúc khi tận mắt được xem chúng tôi đang làm khảo xác." - Coningham

ĐỀN THỜ CÂY CỎ

Khi đào bới khu vực trung tâm bên dưới của ngôi đền, các nhà nghiên cứu phát hiện lan can bằng gỗ xung quanh một ngôi đền gỗ có niên đại khoảng năm 550 trước Công nguyên, Coningham nói. Họ cũng tìm thấy một cấu trúc bằng gạch cu kỳ.

Trung tâm điểm của ngôi đền đã được khảo xác, và họ tìm thấy có những rễ cây bằng thạch, bao quanh bởi những tầng đất sét bị bào mòn do bước chân của du khách. Đó có thể là một đền thờ cổ xưa, hoặc đền thờ bằng cây. Rễ cây dường như đã được làm cho màu mỡ, và mặc dù đền thờ cổ xưa được tìm thấy trong truyền thống Ấn Độ cổ, ngôi đền thiếu những dấu hiệu của sự tế thần hay đáng lẽ ở nơi này.

"Nó rất sạch sẽ, nên trên thực tế, điều này phù hợp vào truyền thống Phật giáo có tính thần bất bạo động và không thờ cúng thần linh." Coningham nói.

Nhóm khảo cổ tập trung nghiên cứu niên đại của ngôi đền từ than gỗ với kỹ thuật "carbon" phóng xạ và phát quang kích thích

(luminescence dating), một phương pháp xác định thời gian phân hủy phóng xạ của các nguyên tố trong đất để tìm ra tuổi tác của nó.

Nhìn chung, Coningham lập luận, cuộc khai quật tại điểm này tiết lộ sự bắt đầu của việc trồng trọt khoảng năm 1000 trước Công nguyên, tiếp theo là sự phát triển một cộng đồng tu viện Phật giáo tương tự của thế kỷ thứ sáu cung trước Công nguyên.

SỰ UYÊN THÂM THẬN TRỌNG

"Bằng chứng mới nhất từ cuộc nghiên cứu cho thấy hoạt động nghi lễ đã diễn ra trong nhiều thế kỷ trước thời vua A Dục và điều này thực sự ý nghĩa và rất thú vị," - Young

Dù vậy, Julia Shaw, một giảng viên khảo cổ học Nam Á tại Đại học London, bảo rằng: "Nhưng tuyên bố cho một lan can bằng gỗ xung quanh một ngôi đền cây có thể thuyết phục nhưng có thể vẫn mang tính chất suy đoán." Bà Shaw cũng cảnh giác nên thận trọng khi tuyên bố đây là đền thờ Phật giáo lâu đời nhất.

Bà nói, "Sự thờ cúng cây cối, thường là bản thờ đơn

tiếp trang 23

BÁT NHÃ VÀ TÌNH YÊU

THÍCH THÁI HOÀ

Bằng tất cả tri tuệ, bạn mới có thể nhìn thấy cuộc đời là một dòng sông tương tác giữa cái này và cái kia, tạo ra một trường thiên diên vô tận của rừng nắng, của bọt nước, của ánh chớp, của sương, của giấc mơ, của tâm thức giả huyền – và bằng tất cả tình yêu, bạn có thể lắng nghe nụ cười và tiếng khóc trung điệp đuổi bắt thay nhau của vạn loại chúng sanh trong thế giới phụ hư giả ảo ấy.

Kinh nghiệm sống, chính là kinh nghiệm về cuộc tồn sinh giả ảo của cuộc đời, mà niềm tin và thất vọng, của hạnh phúc và khổ đau – ta mơ ước quá nhiều, nên ta khổ đau càng lắm. Nhưng thất vọng và khổ đau của con người và vạn loại chúng sanh là ngàn sai muôn biệt. Vì tâm và tướng của mỗi người mỗi loại đều dị biệt. Sự sai biệt về tâm và tướng đã tạo nên sự đa thù, vạn dạng của thế giới. Và chính cái đa thù và vạn dạng đó, lại là cái như thật của thế giới này.

Kinh nghiệm sống là kinh nghiệm đầu tiên và tối cùng của hy vọng và thất vọng, của hạnh phúc và khổ đau – ta mơ ước quá nhiều, nên ta khổ đau càng lắm. Nhưng thất vọng và khổ đau của con người và vạn loại chúng sanh là ngàn sai muôn biệt. Vì tâm và tướng của mỗi người mỗi loại đều dị biệt. Sự sai biệt về tâm và tướng đã tạo nên sự đa thù, vạn dạng của thế giới. Và chính cái đa thù và vạn dạng đó, lại là cái như thật của thế giới này.

Vì tâm và tướng vạn thù sai biệt, nên cây thông đứng trước sân chưa ngã, hôm qua chỉ là củi và gỗ của bậc tiểu phu, chỉ là bông mạt của những lưu khách qua đường, chỉ là những tàn cây cho chim muông làm tổ và bay nháy đưa reo, nhưng nó là một Đấng Quân tử của Nguyên Công Trư, và là một thực tại toàn diện, sống động trước đôi mắt của một nhà Thiên quán.

Bằng tất cả tri tuệ, ta phải biết cây thông là gì và ta là ai trong vòng nhân duyên tương tác thiên diên vô tận này, ta có phải là cây tung, là rừng nắng, bọt nước, ánh chớp, làn sương, là tâm thức hư ảo cuồng loạn ấy chăng; và ta có phải là nụ cười, tiếng khóc, khi niềm vui và khổ đau chợt có, chợt không lồng quện vào nhau và chen nhau hiện khởi?

Nếu ta không phải là những cái đó thì ta là ai? Ai cười và ai khóc? Ai vui và ai khổ? Không có ai khóc sau tiếng khóc, chỉ có hành động và tiếng khóc khi nhân duyên của niềm đau hội đủ; không có ai cười sau tiếng cười, chỉ có hành động và nụ cười khi nhân duyên của niềm vui cùng nhau hội tụ. Nước và lửa đôi ngọt nhau, nên ta khóc; Nước và lửa cột đưa với nhau, nên ta cười. Gió xoay bụi

bay, đất lở, nên ta khóc; Gió và đất cùng nhau tương hợp chuyển động, nên ta cười.

Bằng tất cả tri tuệ bạn sẽ mỉm cười và tự nhủ: Ta chưa bao giờ có một cái ta đích thực. Ta chỉ là gió, là mây, là nước, là trăng sao, là hơi ấm của mặt trời, là những cực vi của trái đất đã cùng nhau hội tụ và phân ly trong cùng tương sinh tương huỷ để thay nhau và cùng nhau đuổi bắt vô tận.

Và ta trong vô số lần hội tụ và phân ly ấy, nước không còn là nước mà nước là gió, là mây, là mưa, là sương, là hơi ấm mặt trời, là bông hoa, là cây tung, cây mai, là chủ bề chân trâu giữa ruộng đồng bát ngát, là em bé bần nước khắp mọi phương trời... Và mặt trời không còn là mặt trời, mặt trăng không còn là mặt trăng, mây không còn là mây, nước không còn là nước, đất không còn là đất mà chúng đã đi vào trong nhau và đã trở thành một "hợp thể vô thể" của nhau.

Trong "hợp thể vô thể" ấy, "cái này có mặt trong cái kia, cái kia có mặt trong cái này" và chính "cái này" đang trở thành cái kia và cái kia đang trở thành cái này", chúng tạo ra sinh lực, trật tự và bình an cho cuộc sống.

Nhưng, trong "hợp thể vô thể" ấy, có một cái thể khởi lên tác ý rằng, ta chỉ thích làm mây hay ta chỉ thích làm mặt trời... thì hạnh phúc và nụ cười của ta tức khắc tan biến theo những ước muốn của các cái thể muốn làm mây hoặc làm mặt trời ấy.

Sinh hoạt và tồn tại trong một "hợp thể vô thể", chỉ

cần một cái thể khởi lên vọng tưởng, ta là cái này, ta là cái kia, thì tức khắc thế giới của "cái ta" trở nên tăm tối, cuộc sống của một cái ta trở nên chật hẹp.

Vọng tưởng về một cái thể tồn tại độc lập trong một "hợp thể", đó là vọng tưởng lệ thuộc vô minh. Và cũng kể từ đó nó đưa ta đi vào cuộc trầm luân đau bể từ sinh mà không biết đâu là bờ bến ngọn nguồn.

Bằng tất cả tri tuệ bạn hãy nhìn thấy bất cứ cái gì là "hợp thể" thì cái ấy không còn là "cái thể", nếu có một "cái thể" thì "hợp thể" không thành. Nhưng, trong ta là một "hợp thể", ta đang tồn tại là tồn tại bằng "hợp thể" mà không phải bằng "cái thể", do đó sự sống của ta là hết sức linh hoạt và sống động vô cùng. Trong hợp thể sống động, ta được tạo nên bởi những cái không phải là ta là của ta.

Bằng đôi mắt quan chiếu của Bát Nhã bạn sẽ thấy - tự tính của hợp thể là 'không' đã đánh, mà mỗi cái thể để tạo thành hợp thể ấy, tự tính của nó cũng là 'không'. Do đó, trong trong một hợp thể không có tự tính thực hữu cho chính nó đã đánh mà ngay trong mỗi cái thể tạo nên hợp thể ấy, cũng hoàn toàn không có tự thể thực hữu cho mỗi chính nó. Và chính cái không có tự thể thực hữu này, mới làm nên tảng cho mọi sự hiện hữu. "Vô tự thể" là coi tuyệt đối bình an cho mọi hiện thể sinh diệt đi về.

Bằng tất cả tri tuệ thực nghiệm, bạn thấy ngay tình vô thể ở nơi mọi sự hiện hữu là "không sinh, không diệt, không đo, không sạch, không thêm,

không bớt..." Và cũng bằng tất cả tri tuệ, bạn khởi lên tình yêu chân thực, thương hết thấy chúng sanh đang đắm chìm trong những hạnh phúc hư ảo do ngã tưởng về hay, mà chối từ niềm vui tuyệt đối của Niết Bàn, nguyện ở lại với trần gian hư ảo, cùng đi, cùng, nằm, ngồi, cùng ăn uống, thờ, cười, và cùng nghe tiếng khóc than của họ để cùng chia sẻ những niềm đau nỗi buồn của họ và để có cơ hội khởi mở tuệ giác nơi chính họ.

Với đại tâm và tình yêu chân thực, bạn có thể sử dụng bất cứ hình thức nào, dù là hình thức của một trẻ thơ để tạo cho mọi người niềm vui và giúp cho mọi người bớt khổ. Và dù ở đó, bạn hiện hữu như một trẻ thơ, nhưng là một trẻ thơ trong sáng của tình yêu. Bạn yêu tất cả, nhưng đối với tất cả bạn chưa bao giờ khởi lên một ý niệm chiếm hữu.

Bạn hiện hữu trong trần thế, bằng tất cả sự hiểu biết và trái tim, để đưa mọi người và mọi loài vượt ra mọi cảm giác hư ảo, mọi tri giác sai lầm, mọi tác ý điên đảo và mọi nhận thức thiên lệch. Bạn hiện hữu bằng tất cả những quan năng trong sáng và bằng trái tim vô nhiễm, bạn sẽ mỉm cười khi bị nhiều người nguyên rủa. Tình yêu của bạn như vậy là bạn không bao giờ để lại một dấu tích khổ đau cho ai, bạn là một nguồn cảm hứng vô tận của thi ca và vô biên của sáng tạo nghệ thuật.

Vậy, bằng tất cả tri tuệ và tình yêu, bạn có thể thông thạo vào chợ đời bất cứ lúc nào và ở đâu, để tạo nên mọi huyền sử và huyền thoại cho cuộc đời.



Các nhà sư đến hành hương tại ngôi đền thờ Hoàng hậu Maya Devi. Bên dưới lớp nền của ngôi đền là dấu tích của ngôi chùa bằng gỗ sớm nhất của Phật giáo được xây dựng từ thế kỷ 6 TCN. Ảnh: IRA BLOCK NATIONAL GEOGRAPHIC

tiếp theo trang 22

gián, là một tình năng phổ biến của các tôn giáo cổ xưa ở Ấn Độ, và sự trùng lặp giữa các nghi lễ Phật giáo và truyền thống từ trước, nhưng gì mới mẻ về việc thờ phụng cây cối có thể khác biệt với sự thờ phụng của Đức Phật lịch

sử. Tuy nhiên, việc làm trên đã giúp cung cấp một số hiểu biết mới cho việc khảo cổ học về nghi lễ Ấn Độ nơi chúng

Coningham kêu gọi đây là cơ hội tốt để nghiên cứu đến thờ thiêng liêng này và đóng góp quan trọng vào việc bảo tồn

vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini), đặc biệt là do sự phổ biến ngày càng rộng rãi của thành địa hành hương lịch sử này. Đến năm 2020, dự kiến sẽ có hơn bốn triệu người hành hương đến đây.

"Thật là hết sức bạn rộn vào thời điểm khảo sát, có

những người cầu nguyện và thiên định. Đó là một thách thức và thu vị, làm việc trên một môi trường tôn giáo sống động này," Coningham nói.

Translated from Oldest-Nguyên tác "Oldest Buddhist Shrine Uncovered in Nepal May Push Back the

Buddha's Birth Date" của DAN VERGANO, đăng trên báo National Geographic ngày 25 tháng 11 2013.

Phóng dịch:
TÂM THƯỜNG ĐỊNH/
HOA ĐAM



Ảnh: GUYEN NGUYEN | Hoa Kỳ

tiếp theo trang 1

CÁCH GIÚP TRẺ BỚT NGHIỆN THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

game, đột nhập vào các hệ thống điện toán để ăn cắp tư liệu, thông tin và lợi dụng lên mạng để làm hại người khác. Ngoài ra, hàng ngày con có những sự việc điên đảo khác mà các bậc cha mẹ phải đối diện với con cái như, chúng bé trẻ học hành, không làm bài tập, lạm dụng thiết bị điện tử, chi phí hóa đơn điện thoại quá cao vì sử dụng quá

nhiều, chỉ biết ngồi trước màn hình (TV, monitor) mà không ra ngoài, không thiết đi đâu.

Tuy nhiên chúng ta cũng không nên đổ tất cả lỗi cho thế giới văn hóa mạng hay công nghệ điện toán. Chúng ta cần phải cẩn trọng xem xét và chấp nhận những lợi ích của chúng và dành thêm thời gian để cải thiện nhưng

hậu quả xấu do sự lạm dụng mang lại, để cuộc sống của chúng ta tốt đẹp và con cái chúng ta giỏi giang hơn. Điều quan trọng nhất, chúng ta cần phải chú tâm theo dõi, bỏ nhiều thời gian kiểm soát các em hơn là bỏ mặc chúng muốn làm gì thì làm với các thiết bị điện tử. Chúng ta cũng không nên dạy con theo các phương pháp cổ truyền cũ, dùng roi vọt để bắt chúng tuân theo ý mình một cách tuyệt đối như có bậc cha mẹ đã từng làm. Hễ không nghe lời thì la mắng, đánh đập, thương

cẳng chần, hạ cẳng tay. Nếu chúng ta muốn các em tôn trọng người khác, tôn trọng chúng ta, trước hết chúng ta cần phải tôn trọng các em bằng cách dạy cho chúng biết những luật lệ và ranh giới giữa cha mẹ và con cái từ thuở còn thơ. Sau đó đem phương cách thực hành áp dụng vào thế giới mạng. Chắc chắn sẽ có sự khác nhau và thay đổi giữa hai thế giới. Chúng ta phải phân tích rành rẽ sự khác biệt, nhận xét hậu quả và tìm cách giải quyết. Có nghĩa là chính chúng ta phải tự giáo dục mình trước, tức học mình

vào thế giới điện toán, thế giới ảo để tìm hiểu thêm. Nên khích lệ chúng học hỏi thêm những cái tốt của thế giới đó mang lại. Lọc ra cái xấu, ngăn ngừa các em thực hiện nó trước khi quá trễ.

Có những tiện ích mang đến nhiều thú vị cho đời sống chúng ta, nhưng các vui chơi tiện ích này sẽ trở nên nguy hiểm nếu các em lạm dụng và dùng sai chúng. Điển hình là thế giới các trò chơi ảo như video games. Hiện nay công nghệ điện toán ngày

xem tiếp trang 25

tiếp theo trang 20

GÓP Ý VỀ CÁCH TIẾP CẬN

giờ phút cận tử, dù biết là mình sắp bị áp đặt phải nhận nghi thức tang lễ theo tôn giáo khác, mà vẫn giữ được tâm chánh niệm, vẫn giữ được cấu niệm Phật trong tâm, và không hề chột não khỏi tâm sân hay tâm ưu nao, thì khi hạ thân này tất cũng sẽ vẫn ở trong hào quang chư Phật.

Thêm nữa, trong khi tiếp cận với bạn hữu bên các tôn giáo khác, chúng ta cũng nên quan sát, cũng hết như các thầy võ vẫn thường quan sát các bài võ môn phái khác.

Khác biệt thì nhiều lắm. Một điểm thấy được tại Mỹ, và có lẽ cũng ở một số nơi tại Việt Nam, là một vài hệ phái Tin Lành tìm cách tạo quan hệ thân thiết có tính cách xã hội giữa tín đồ trong hội thánh của họ. Phật tử sau khi rời chùa, thường không thấy có quan hệ đặc biệt nào với Phật tử khác, cho dù cùng chùa. Nhưng với một vài hội thánh Tin Lành, tín hữu xem nhau như trong gia đình, thăm hỏi và tương trợ nhau trong mọi việc khác ngoài nhà thờ. Trường hợp này khi ít người còn giữ được quan hệ thân này, nhưng khi đông tới cả ngàn người thì không thể giữ quan hệ thân thiết chặt chẽ này. Thực tế, tình thân tương trợ như gia đình này, đa là một chất keo xã hội gắn

bó hơn.

Một điểm khác biệt của một số giáo phái ngoại đạo chú trọng về thiên đình, nhiều giáo phái yêu cầu học nhân trong khi ngồi Thiền phải lấy các ngón tay bịt mắt, bịt tai. Bạn có thể thử làm điều vừa nói, gần như ngay lập tức, bạn sẽ thấy có hào quang chớp chớp, dần dần sẽ sinh ra ảo giác về nhìn, cũng như sẽ thấy âm thanh vi vu bên tai, rồi sẽ có ảo giác về tai. Nhiều người cho đó là khai mở tâm nhãn hay tâm nhĩ. Thực ra, như thế sẽ dẫn tới bệnh cá.

Bịt mắt, lập tức sẽ có thọ lạc khoan khoái về mắt, vì chúng ta nhìn cả ngày, mắt đã mỏi; bịt tai, sẽ có thọ lạc khoan khoái về tai, vì tai chúng ta nghe đủ thứ tiếng ồn thuộc não nhiệt hằng ngày. Cách chưa đơn giản nhất cho người đa mê nhiều các pháp Thiền ngoại đạo vừa dẫn, là hãy yêu cầu họ buông tay, đừng bịt mắt hay tai làm chi, mà cứ lặng lẽ ngồi hít thở, hay chỉ đơn giản đưa lên chữ "ai thấy" hay "ai nghe" khi tâm có ảo giác về nhìn hay nghe. Hoặc đơn giản, yêu cầu họ "nhìn cái không có hình tướng" hoặc "nghe tiếng vô thanh" thì sẽ thoát được các thứ mê lầm ảo giác đa nêu. Tất cả ảo giác sẽ biến mất. Bởi giờ, thọ lạc không phải là ảo giác, mà

chính là niềm vui pháp hỷ thiên duyệt khởi lên từ bản tâm lặng lẽ.

Một điểm nổi bật dị biệt là âm nhạc. Công Giáo và Tin Lành đều chú trọng về Thánh Ca, xem như một phương tiện hữu hiệu. Họ say mê hát Thánh Ca, và say mê nghe Thánh Ca.

Trong khi đó, Phật Giáo lại xem âm nhạc chỉ như là sắc tướng âm thanh, và khuyến Phật tử là khi nghe nhạc, hãy giữ tâm chánh niệm, đừng để tâm chao động mà say mê tiếng nhạc. Trong các lễ hội lớn của Phật Giáo, phần nhạc lễ thì quả có xưa và chuyên môn; duy bên Gia Đình Phật tử có sinh hoạt ca, chủ yếu dùng ngoài trời, cho các dịp họp đơn vị hay khi cắm trại. Số lượng Đạo Ca hay Thiên Ca còn quá ít. Đây là cơ hội để các nhạc sĩ có thể giúp hoàng pháp bằng cách sáng tác thêm.

Khi bạn xem các buổi hát Thánh Ca của các tôn giáo khác trên truyền hình hay mạng YouTube, bạn sẽ thấy nét mặt người hát và người nghe rất là say mê, như đã vào cõi khác. Họ để toàn thân và toàn tâm bị lôi cuốn theo dòng nhạc. Cụ thể, họ "phê" nhạc, họ "say" nhạc.

Phật Giáo thực ra vẫn sử dụng âm nhạc, vẫn sử dụng sắc tướng âm thanh để hoàng pháp, nhưng tâm luôn luôn giữ chánh niệm, luôn luôn thấy mình

không mất chánh niệm, luôn luôn thấy sắc tướng âm thanh vốn thực là vô tướng -- ngắn gọn, ý nghĩa bài Bát Nhã Tâm Kinh vẫn sống không rời người tu, rằng Sắc chính là Không, rằng vô số hình tướng quanh mình thực sự trong bản tánh vẫn là vô tướng, rằng vô số âm thanh bên tai mình trong bản tánh vẫn là vô thanh; và không nên quên rằng mình là hình tướng này hay là âm thanh kia, cũng không nên khởi tâm tham vọng quán sát rằng mình là giọt sương hay là tiếng chim hót buổi sớm. Như thế, dù là có đứng giữa trung trung âm thanh sắc tướng, dù là mình có đang đứng trong nhà thờ tôn giáo bạn, mình cũng vẫn là Phật tử chân thật.

Chưa kể thêm: một số hệ phái Tin Lành trong khi cầu nguyện thường đưa người vươn cao, hai tay vươn lên cao, có khi người nghiêng và lắc theo tiếng nhạc, mắt nhắm để toàn thân thả theo tiếng nhạc và lời cầu nguyện. Nhiều kênh truyền hình Mỹ mỗi chủ nhật vẫn chiếu các buổi lễ cầu nguyện của các mục sư nổi tiếng.

Có vẻ như, họ chú trọng vào "thọ lạc." Lạc, tức là vui sướng. Và chính thọ lạc, làm nhiều người tin rằng đó chính là hồng ân, hay ơn trên. Nếu bạn tập Thiền rồi, bạn sẽ thấy nhưng dị biệt đó nổi bật. Chúng ta ban ngày mê mất nhiều giờ đồng hồ, ngày khi nhắm mắt sẽ

thấy có "thọ lạc" ngay, cảm thấy có sự êm dịu nơi mắt mình. Chúng ta ban ngày nhiều giờ đồng hồ đều bận tay đánh máy, hay ở các cử động mà việc làm đôi hỏi, ngày khi đưa tay vươn người lên cao, nếu toàn thân lắc lư và nhón chân lên, bạn sẽ thấy "thọ lạc" ngay. Sẽ thấy thân thể vui sướng, mà tự nhầm lẫn cho là có giao tiếp với đấng nào đó.

Phật Giáo vẫn sử dụng "thọ lạc," nhưng không dùng các kỹ thuật ngoại tâm minh. Điển hình, trong Niệm Thọ của Tứ Niệm Xứ, chỉ cần nhận biết các thọ khởi lên và biến mất, thì sẽ có thọ lạc của chánh pháp. Còn gì tuyệt vời hơn thọ lạc của chánh pháp? Còn thọ lạc của thân thể, khi nhón chân lên, khi vươn tay cao quá đầu, chỉ là các phản ứng sinh hóa của cơ thể. Như thế, bạn đi bơi hay chạy bộ mỗi ngày, cũng sẽ thấy vui sướng hơn là đi tìm ảo giác ở tôn giáo.

Một điểm nữa, người tu của Đạo Phật -- dù là Nam Tông hay Bắc Tông, Thiên Tông hay Tịnh Độ... -- trên khắp thế giới, không bao giờ nắm tay hay chạm xúc thân thể người khác mà gọi đó là pháp tu. Trong khi đó, người trong một số hệ phái Tin Lành trong khi cầu nguyện thường nắm tay nhau, có khi mắt nhìn về cây Thánh Giá, hoặc nhắm mắt để giữ cảm

xem tiếp trang 25

CÁCH GIÚP TRẺ BỚT NGHIỆN THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ

càng tiến bộ, sự thu hút của thế giới ảo càng tăng. Sự hấp dẫn của chúng dễ làm các em đắm chìm giữa thực và ảo. Các em sẽ cảm thấy chán ngấy đời sống thực bên ngoài và tìm về thế giới ảo vừa đẹp vừa quen ru lại đầy tình năng động. Nơi ấy, các em thấy sự bất công giữa kẻ mạnh và yếu, quyền uy và bạo lực có thể giải quyết được bằng chính các vai trò các em đóng. Hơn thế nữa, các em còn có thể thực hiện được nhiều điều mà trong đời sống hiện thực các em không làm được vì mặt cảm thụ kém nên các em càng chìm đắm hơn trong thế giới ảo. Do cùng lý do các em xa rời thực tế, tránh xa cha mẹ tức tránh xa quyền lực, không muốn gần và chấp nhận cha mẹ tức chấp nhận những sai bảo, răn dạy, bắt các em phải nghe theo.

Các phụ huynh cần hạn chế thời gian chơi game và giúp các em giao tiếp nhiều hơn với thế giới bên ngoài.

Kiểm soát nhưng loại game của các em chơi, vì ngày càng có nhiều bạo lực lan tràn trong các game. Gần đây có nhiều cuộc tấn công sát hại thủ mạng súng xả vào các trường trung học, rạp hát, nơi công cộng, do các em coi quá nhiều phim ảnh, chơi quá nhiều game

bạo lực mà ra. Nhưng nhà sản xuất vì mục đích thương mại bất chấp hậu quả làm ra những game đầy bạo lực mà nhiều cha mẹ không biết hay không nhận ra.

Chúng ta cần ngồi xuống trò chuyện với các em như một người bạn. Với các em còn nhỏ cần nhắc nhở cho các em về sự khác biệt giữa thế giới ảo và thế giới thực. Nhưng nhân vật, vai trò trong đó chỉ do trí tưởng tượng của con người nghĩ ra. Có những hành động chỉ có thể thực hiện trong thế giới ảo mà không thể làm ở ngoài đời. Dạy cho các em không nên bắt chước những nhân vật xấu có hành động sai lầm hay bạo lực trong đó.

Đừng dùng Ipad, Iphone hay máy điện toán làm vũ khí hay người giữ trẻ. Sự đa năng của Ipad đã khiến các em sử dụng hết giờ này qua giờ khác, không biết ngưng nghỉ.

Chúng ta nên dành thời giờ đưa trẻ ra ngoài, giúp trẻ tìm hiểu thế giới xung quanh để phát triển trí tưởng tượng vô hạn của trẻ. Cho các em gia nhập hướng đạo, đưa các em đi picnic, cắm trại, hiking, sinh hoạt ngoài trời. Dạy các em nhỏ những bài hát hay cho các em học nhạc. Bác sĩ Peter White man, Chủ tịch hội CFRC đã

nghe câu chuyện về âm nhạc và con trẻ, cho biết âm nhạc thật chặt chẽ thân giữa cha mẹ và con cái.

Tập cho các em yêu muốn thu và thiên nhiên, khiến các em đo chân hay té nhát, trống vắng.

Cùng nhau ăn bữa cơm gia đình. Dù thế nào cũng nên bắt trẻ ăn chung bữa cơm cùng gia đình, ít nhất là một buổi như buổi tối. Ra luật cấm dùng bất cứ sản phẩm điện tử nào trong giờ ăn, kể cả cha mẹ cũng vậy. Với các em lớn hơn như Teenager, phần lớn các em lên mạng hay dùng Iphone để trò chuyện với bạn bè và gặp gỡ bạn mới. Theo cuộc nghiên cứu của HomeNet thì số giờ các em sử dụng Internet càng nhiều thì những yếu tố tâm lý và khả năng giao tế xã hội của các em càng giảm.

Phụ huynh cần kiểm soát thời gian các em vào mạng, kiểm soát các cuộc gặp gỡ bạn bè mới, dạy các em cách giao tiếp và kỹ năng sống hơn là giao phó các em cho nhà trường và máy điện toán. Nếu có thể, phụ huynh học chơi với trẻ chơi video games lành mạnh và chơi chung với các em. Theo nhiều bậc cha mẹ ở Mỹ kể lại họ nhận ra mối tình thân giữa họ và con cái

gắn gũi và thân thiết hơn khi họ làm như thế. Tuy nhiên cũng nên cẩn thận trong việc kiểm soát chính mình vì tôi từng chứng kiến có các phụ huynh sau một thời gian chơi trò chơi điện tử chính họ lại đắm mê con hơn các con và kết quả là gia đình đổ vỡ, ly tán, cha mẹ và con cái chia lìa.

Chúng ta nên tuyệt đối khéo léo trong lúc khuyên bảo dạy dỗ các em tuổi Teen, tránh nói quá nhiều, tránh lặp đi lặp lại nhưng "bài ca" giáo dục. Đừng hỏi các em liên tục những câu hỏi có tính soi mói, nên gián tiếp hỏi bằng phương pháp trò chuyện để phả ra điều cần hỏi, bằng ngược lại các em sẽ trở nên một người đố kỵ, hoặc nghe tại này qua tại khác.

Hơn thế nữa để gần các em hơn, cha mẹ phải cố gắng để hiểu cảm nghĩ của chúng, chúng ta không cần đồng ý hay không, chỉ cần tỏ cho chúng biết chúng ta lắng nghe và hiểu chúng nghĩ thế nào là đủ. Đi sâu hơn vào nhưng gì các em thích, không nên bài bác tất cả nhưng thử các em thích mà mình không thích. Bàn bạc về các điều ấy, nếu có thể phân tích, vạch ra chỗ tốt, xấu, lợi, hại, hoặc sai lầm. Đôi khi trò chuyện với các em chỉ để tạo tình thân mà không phê phán hay chỉ trích. Khi các em tìm đến với mình, chúng ta nên bỏ tất cả những việc đang làm, chú ý đến điều các em

hỏi hay nói, tỏ cho chúng biết mình yêu chúng ngay cả những điều chúng nói rất quan trọng. Có những mâu thuẫn chúng ta biết vẫn không thể tránh, chỉ có cách đi sâu vào vấn đề, học cách giải quyết và kiên nhẫn ngăn ngừa các hậu quả tệ hại xảy ra mà thôi. Cố gắng tránh dùng quyền lực, sự hoà giải tránh được nhưng trận chiến. Khi hai bên có được sự thông cảm, giúp các em chọn giải pháp nào tốt nhất cho những vấn đề nan giải.

Nhưng tiện ích do những sản phẩm kỹ thuật tân tiến ngày nay mang lại lợi lạc cho con người rất nhiều. Tuy nhiên, song song với các điều tốt, cái xấu đã hiện diện làm phương hại đến mối liên hệ gia đình không ít. Vai trò của các phụ huynh trong việc hướng dẫn và giáo dục con em mình đi đúng con đường là một trách nhiệm to lớn. Tôi mong rằng những ý kiến nhỏ nhoi trong bài viết này giúp ích được quý vị phụ huynh trong việc xây dựng chiếc cầu nối thân tình giữa con cái và cha mẹ. Giữ thẳng băng cho cuộc sống, tức giữ cho sợi dây tình cảm gia đình thêm thắt có phải là mục tiêu của một gia đình hạnh phúc không các bạn?

TRINH THANH THUY



GREAT TIME FOR SELLING AND BUYING I CAN HELP!



BRANDON LUU
Real Estate Specialist
Lic #0151771

Just sold in your neighborhood for 97% of listing price. Homes are in high demand. Thinking of Selling and Buying. I can help! If you want the most money for your home call me, Brandon at **714.585.2268**

lbrandonluu@Gmail.Com

SỐNG TỰ DO CHO CHÍNH MÌNH QUA HÀNH TRÌNH THIỀN ĐỊNH.

thế, một lần nữa bạn phải trở thành giống hệt như bé thơ. Tuổi thơ đầu lần thứ hai này là cuộc cách mạng vĩ đại nhất có thể có. Tuy nhiên để biến mình thành một con người mới tinh bằng cách đi theo lộ trình của Thiền định lại không phải là

việc đơn giản dễ dàng như mình đọc thấy qua ngôn ngữ thiền hay điển hình qua các vị tổ sư chứng đắc. Đó là cả một công trình tu tập, dù tiệm pháp hay đốn pháp, đôi khi thiền giả một hành trình đầy cam go và quyết liệt.

Đường lối chung của đạo Thiền là đốn pháp, kiến tánh thành Phật, còn thì vị gọi là "Điếu đạo", đường chim bay, là vị nói con đường tu tập ngắn nhất, nhanh nhất so với đường quanh co dưới đất là đường đi tiệm tiến, chậm và dài lâu hơn. Nhưng chủ trương của các thiền sư đều khác biệt:

- Có vị lấy KHÔNG làm gốc: như ngài Thạch Đầu nói tất cả các pháp đều không.

- Có vị lấy TRÍ làm nguồn: Ngài Thần Hội nói "Trí chỉ nhất tự chung diệu chỉ môn" nghĩa là, một chữ biết là cửa muôn hạnh.

- Có vị bảo vắng lặng mới là chọn, đó là đường lối của ngài Thạch Sư ông Khánh Chu dạy đó chung chạ với ngồi thiền cho yên lặng.

- Có vị nói ngồi, đi đều phát: đây là của ngài Ma Tổ Đạo Nhất.

- Có vị nói hiện nay sớm chiều phân biệt tất cả đều là vọng: là do ngài Thạch Đầu Hỷ Thiền chủ trương "loại ra". Người huynh đệ của ông là ngài Ma Tổ lại nói ngược lại "phân biệt tất cả đều chọn", chủ trương "thu vào". Hai lối nói của hai ngài nghịch nhau mà gặp nhau ở chỗ tâm nhất như: thấy tất cả đều là hư vọng giả dối hoặc ngay như thấy tất cả đều là chọn tâm; cả hai trường hợp cũng không khỏi tâm chạy theo cảnh.

Trên đây chỉ là một ít dẫn chứng về đường lối chủ trương tu tập của vài vị tổ Thiền. Xin ghi thêm một giai thoại lý thú sau đây để chúng ta nghiên ngắm trước khi quyết định bước vào con đường thiền đạo.

Ma Tổ thiền sư được

truyền thuyết có vóc hình khôi vu "Ngô như hổ, đi như trâu, lúc thì cao khôi mũi, chân đạp thanh chùy". Khi con là môn hạ của Hoai Nhượng, hằng ngày thường ngồi xếp bằng tĩnh cảm tham thiền nhập định. Một hôm Hoai Nhượng thiền sư hỏi Ma Tổ:

- Người làm gì đó?

- Ngồi thiền.

- Sao phát ngồi thiền?

- Vì muốn thành Phật.

Hoai Nhượng thiền sư liền nhứt một thỏi gạch kê bên chân, ngồi xuống cạnh Ma Tổ, cảm cùi mại gạch trên da.

Trước hành động quái gở của sư phụ, Ma Tổ giật mình hỏi:

- Sư phụ làm gì thế?

- Mại gạch.

- Tại sao mại gạch?

- Vì muốn mại gạch thành gương soi.

- Bạch sư phụ, mại gạch thế nào cũng không thành gương được!

- Ô! Vậy sao. Nếu người hiểu rõ đạo lý này, sao còn muốn ngồi thiền để thành Phật? Toạ thiền cũng không thể thành Phật đâu!

Ma Tổ không đáp lại được. Một lát sau, lại thỉnh giáo:

- Đệ tử phải làm thế nào?

- Một người đang khiến xe bò, xe bò bất động, theo người nên dừng rồi đánh xe hay đánh bò?

Ma Tổ hoạt nhiên tức khắc đại ngộ. Sau này, Ma Tổ kể thừa ý bát của Hoai Nhượng.

Biểu đạt của Hoai Nhượng là muốn sửa đổi lại kiến giải sai lầm "ngồi thiền tức có thể khai ngộ thành Phật". Nếu cứ chấp trước vào tham thiền có thể

thành Phật, thành Tổ thì không nhưng ngồi thiền đã không thể giải thoát mà trái lại còn bị phương pháp tọa thiền ràng buộc.

Tất cả những gì bạn đọc trên đây đều chỉ là sự tâm gộp nhặt được sắp xếp lại, cung cấp cho độc giả chưa tiếp cận với thế giới thiền có được cái nhìn tương đối và giới hạn. Chúng tôi không giới thiệu bất cứ một hình thức ngồi thiền nào, việc này đúng đắn nhất là có một vị thầy hướng dẫn hoặc đến trường lớp để được chỉ dạy đúng phương pháp, hay quý vị tự học tập theo video hoặc sách nào mà cảm thấy phù hợp với mình. Chẳng qua bài sưu tập này là một ngẫu hứng khi đọc lại một số sách về Thiền trong lúc rảnh rỗi, gồm Bộ Thiền Luận của Daisetz Teitaro Suzuki, Cương Lĩnh Thiền của Osho, Bước Vào Thiền Cảnh của Hirotschiya, Thích Viên Lý dịch. Nguồn Thiền của Khuê Phong Tông Mật, Thích Thanh Từ dịch & giảng. Tiến Thắng Vào Thiền Tông của Thích Thanh Từ; Và thêm vài quyển nữa về "thiền" để tham khảo.

Để mạch đọc không bị ngắt quãng đoạn làm phân tâm, nên chúng tôi không làm chủ thích kẻ theo, nhưng đọc giả có thể kiểm tra nội dung nếu cần, ở 5 quyển nêu trên. Cả nhóm chúng tôi chưa trải nghiệm gì về thiền, đành mượn sự luận giảng của các học giả cùng các thiền sư đã trải nghiệm về thiền, thuật lại kinh nghiệm của các vị. Xin nói rõ, bài viết này không chủ trương cổ võ cho một tác giả nào. Mong cách sắp xếp nối kết của chúng tôi được suôn sẻ và mạch lạc cho độc giả thưởng thức.

LÊ GIANG TRẦN

(hoàn tất
ngày 18 tháng 11, 2012)

NGƯỜI PHẬT TỬ NGÀY NAY TRONG THẾ GIỚI TÂY PHƯƠNG

xem như ba viên ngọc quý giá không gì có thể so sánh được. Nhưng viên ngọc vô giá đó có thể giúp chúng ta chưa lành nhưng vết thương sâu kín nhất. Chúng ta có thể mạnh dạn nương tựa vào những viên bảo châu ấy mà không e ngại gì cả. Đây là những viên bảo châu không bao giờ phản bội chúng ta và cũng không bao giờ làm cho chúng ta phải bị lạc hướng...

Việc quý vị thường được diễn ra trong một buổi lễ với sự chủ tọa của một vị thầy, có thể tổ chức ở chùa hay tại nhà. Thế thực thật giản dị, chỉ cần xuống lên ba lần:

Tôi xin quý vị Phật?

Tôi xin quý vị Pháp
Tôi xin quý vị Tăng
Để chính thức hóa sự kiện ấy, người chủ lễ sẽ cắt một lọn tóc của người tân đồ đệ, tương tự như khi Đức Phật rời bỏ cung điện vua cha đã cắt tóc để tỏ sự quyết tâm đi theo con đường mà mình đã chọn. Ngay cả ở Phương Đông, tục lệ này đôi khi cũng không còn giữ được tinh cách long trọng như xưa nữa, và tiếc thay đây lại là những gì thật cần thiết. Người tân đồ đệ dù có xuống lên nhưng lời ước

nguyện thế nhưng cũng chẳng cần biết đầy đủ ý nghĩa gì, và cũng chẳng cần phải đem ra để áp dụng trên con đường tu tập của mình. Vì thế nên ngày nay tại Tây Phương thiết nghi cũng nên tổ chức lễ quý vị thật long trọng và nên chờ đến khi nào người tu tập thật sự sẵn sàng để quý vị và quyết tâm tuân thủ những điều nguyện ước của mình thì mới làm.

Hành động quý vị không phải chỉ có ý nghĩa và giới hạn trong buổi lễ. Người tu tập trong từng ngày phải nhớ đến hành động quý vị của mình, và phải xem đây như là một phép tu tập đích thật, và đây cũng là một cách nhắc nhở mỗi người chúng ta không được quên cái lý tưởng mà chúng ta hằng mong muốn là mang lại cho sự sống của chính mình. Mặc dù không hề gì thực được, thế nhưng thực ra thì lúc nào chúng ta cũng bảm vu quá nhiều vào những thứ vô ích và phù du, vì thế tốt hơn hết chúng ta nên tìm cho mình một hướng đi (tức là Phật Giáo) để gói gém con tim của chính mình.

Bures-Sur-Yvette, 27.01.12
HOANG PHONG
chuyển ngữ

i4coffee
BOBA | TEA HOUSE

BUY 8 GET 1 FREE

10212 Westminster Ave., #117
Garden Grove, CA 92843
(714) 534-8444
www.i4coffeeshop.com
Facebook.com/i4coffeeshop



LUỘC SỬ GIÁ ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

thuyết pháp ngoài trời. Hòa Thượng Thích Giác Nhiên lên diễn đàn, giảng "Bát Nhã Tâm Kinh" trước mấy vị âm. Vàng, mấy vị âm trong một buổi giảng kinh lại là một chuyện lạ, chưa từng có vào năm 1935. Quán chúng trong chùa, ngoài đường, và ngay cả bên kia sông, ai ai cũng được nghe rõ mồn một, vừa ngạc nhiên vừa thích thú, lòng thêm tin tưởng. (Xin nói thêm: mấy vị âm này là do một đạo hữu Phật tử ở Nhà thuốc Vô Văn Văn, tận Thủ Đức Một, một Tỉnh trong miền Nam chở ra cho Ban Tổ Chức mượn).

Sáng sớm mồng 8, Ni sư Diệu Hương giảng kinh Di Đà, Ni cô Diệu Viên nói chuyện với đề tài mới "Phật Học đối với phái phụ nữ." Sau đó Cư sĩ Lê Đình tham dâng đàn nói "ý nghĩa Lễ Phật Đản." Đứng 9 giờ, xa giá của Vua Bảo Đại đến và nghi lễ chính thức bắt đầu. Cùng đến với Vua có Tôn Cung và các cơ mật đại thần. Viên Khâm Sử Pháp và tùy tùng cũng có đến

dự. Hành lễ xong thì Ban Đồng Ấu bước ra, vừa múa vừa hát những điệu Phú Lục, Long Ngâm, Đồng Đản Cung, Lưu Thủy, Kim Tiên và Ngũ Đối Thượng. (Trước buổi lễ, Tam Tôn Cung sai người mang đến chùa cùng dâng một ngàn chiếc đèn lồng để thắp chung quanh khuôn viên. Sau buổi lễ thì đích thân Hoàng Thái Hậu ban tặng Ban Đồng Ấu 50 đồng. Qua ngày mai, báo chí tường thuật buổi lễ. Đồng bào Phật tử trong nước hân hoan đón tin mừng, long hạnh diện. Riêng ở Huế, báo Trang An đã cho phát hành một Số Đặc Biệt. Cùng từ năm này trở về sau, các Hội, chi hội Phật Giáo 3 miền đều long trọng hành lễ Phật Đản.

Tại liệu sơ khảo của
TÂM LẠC
NGUYỄN VĂN HỤC
nguyên Ủy Viên Nội Vụ
Ban Hướng Dẫn
Trung Ương
GBPT Việt Nam.

Còn tiếp

GÓP Ý VỀ CÁCH TIẾP CẬN

thọ về mối liên kết tin hươu qua cách nắm tay. Không chỉ trong khi cầu nguyện, nhiều mục sư trong khi diễn hành hay biểu tình vẫn thường nắm tay nhau, hay móc tay vào nhau khi bước đi.

Khi nắm tay hay chạm xúc thân thể nhau, thì dụ như khi ôm nhau, hay khi hôn lên trán tin đó, người ta sẽ cảm thấy có thọ lạc, bên ngoài cảm thức về mối dây liên kết xã hội lại còn có sự vui sướng tự nhiên khi đã thật chạm nhau. Trừ phi bạn thực sự tin tưởng rằng tâm mình sẽ không vương luyến, còn thì nên tránh các cơ hội dễ dàng khởi tâm lưu luyến. Tôi được nghe từ một người bạn vốn tu thiền từ thời niên thiếu kể rằng, năm người này 17 tuổi, trong khi vô ý đã bắt chợt nắm tay vào tay của một cô bạn gái, cảm giác của anh là thấy vui sướng như có điện giật, run rẩy; nhiều thập niên sau, mỗi khi anh nhớ tới cái nắm tay đó, người bạn này vẫn cảm thấy toàn thân vui sướng với thọ lạc quá khứ đó. Có lẽ, đó là lý do Đức Phật không dạy chúng ta nắm tay người khác trong khi tu học.

Thêm nữa, giả sử bạn đang đứng sinh hoạt chung với các bạn Hoa Kỳ. Thì nắm tay hay ôm hôn lên trán, lên má là chuyện bình thường; kể cả khi đứng trong khuôn viên nhà thờ. Câu hỏi nên tự dè ra là, khi hai tay của bạn nắm tay của hai người bạn, một bạn nam tu mê mải sẽ cho thọ lạc về êm dịu, một bạn nam tay xuong xấu cho cảm thọ "bất lạc bất khổ," thì

tâm bạn giữ về thọ nào? Bản chất chung sinh là ưa vui sướng; tự nhiên tâm sẽ ưa thích sự vui sướng của bạn tay thiếu nữ mềm mại... Người Phật Tử nên tránh vương chán vào coi này, mà chấp rằng mình cần phải "thiền nắm tay" như người Tin Lành. Đức Phật nói, hay nhìn chúng sinh như ba mẹ mình; lời dạy này sẽ tiện dụng nhất, khi phải tiếp cận các trường hợp phải giao tiếp xã hội như thế. (Photo: China Post)

Cung thỉnh tâm thức nhìn chung sinh như ba mẹ của mình sẽ ngăn chúng ta khởi niệm tâm mê đắm về nam nữ. Trường hợp tình yêu vợ chồng thì nên nghĩ là duyên, là nghiệp, nên biến thành trợ pháp cho đường tu. Các bạn vào thăm một nhà thờ, sẽ thấy rằng nam nữ tiếp cận gần nhau hơn trong chùa, vì nhiều cơ hội gặp và làm việc với nhau nhiều hơn, hay cùng đứng chung trong một ca đoàn. Thêm nữa, các thiếu nữ đi nhà thờ mặc trang phục nhiều màu sắc, diện hơn, thường hợp thời trang hơn; trong khi thiếu nữ đi chùa nhiều khi chỉ mặc áo trắng một màu như nhau, đơn điệu hơn. Như thế, chỉ nói về thọ lạc khởi lên từ mắt nhìn, chúng ta cũng thấy thiếu nữ đi nhà thờ "bắt mắt hơn, ấn ánh hơn, có vẻ hấp dẫn hơn."

Có nên khuyến khích thiếu nữ Phật Tử đi chùa nên mặc đẹp và son phấn (tất nhiên, chỉ trừ khi Bát Quan Trại)? Câu trả lời xin để ngỏ cho quý tăng ni trụ trì. Nhưng, nếu các thiếu nữ sơn chưa bóng

nhìen mặc trang phục thời trang, thì người nhìn nên giữ các căn thanh tịnh, rằng mắt nhìn các cô vẫn như là nhìn về đẹp của thư pháp, của tranh thủy mặc... Vì nếu để mất chánh niệm, thì làm sao mà giải thoát, làm sao cứu mình, cứu người được?

Có quan sát tâm mình liên tục như thế, mới biết vì sao ngày xưa Đức Phật dạy rằng hay tiếp cận phụ nữ ở những khoảng cách xa. Nếu bất ngờ, tăng ni ở chung một ngôi chùa, hay nên suy nghĩ rằng trong tâm mình có lúc nào khởi lên một niệm lưu luyến có ni mà đó đang gây nào hay không, hay là nhưng khi ngồi chếp kinh có lúc nào bỗng chợt lại nhớ tới tiếng cười có ni một thời nghe được bên ngoài hành lang hay không?

Tiếp cận, như thế, không chỉ là một nghệ thuật, mà còn là một phần của pháp tu phòng hộ tâm mình.

Có một vấn đề thường đọc trên các diễn đàn Internet, rằng vị sư này phạm giới, hay vị sư kia thế này, thế nọ. Bất nhiều khi, chúng ta không kiểm chứng được, và lại khởi tâm nghi ngờ, buông lời xúc phạm tăng bảo. Chuyện này rất là thường, khi chúng ta mới ngày nhận được cả ngàn email từ rất nhiều nguồn.

Đơn giản nhất, chúng ta nên suy nghĩ rằng, có thể đó chỉ là chuyện chụp mụ, bôi nhọ. Nhưng nếu là chuyện thật, giả sử, nếu vị sư đó có vợ con, thì hay nghĩ rằng có thể vị sư đó lập gia đình rồi sau mới xuất gia; hoặc giả, có một thời gian vị sư này đã xả giới hoàn tục, về đời lập gia đình, rồi sau mới xuất

gia trở lại. Như thế cũng là bình thường, không thể gọi là phạm giới.

Hoặc, giả sử rằng vị sư đó có lúc nào đã sa ngã, đã phạm giới, thì cũng nên nêu một khả thể rằng, vị sư đó đã sám hối đúng pháp và đã không tái phạm nữa.

Hay nhớ tới chuyện Đức Phật độ ngài Angulimala (Ung quật ma la), kẻ đã giết xong 999 người vì tin vào phép thuật ngoại đạo và đang rượt theo mẹ khi sân lung người thứ 1.000 để hoàn tất phép thuật sanh tử. Khi ngài Angulimala cầm dao rượt theo Phật lúc đó hiện tại, bảo rằng Phật hay ngừng chân lại, Phật mới nói, "Ta đã ngừng [bất thiện tâm] lâu rồi, nhưng người vẫn chưa ngừng." Angulimala mới sám hối, xin trở thành vị tăng và rồi trở thành một vị A La Hán.

Hay thấy, ngài Angulimala tội nặng như thế, mà vẫn sám hối được, để tu thành một vị A La Hán. Cho nên, nếu các vị sư thời này có lo phạm tội, vẫn có pháp sám hối khả dụng. Nhiều người trên các diễn đàn Internet đã không biết về kinh, về luật nhà Phật, nên dễ buông lời xúc phạm vô lối. Người cư sĩ chúng ta nên tránh nhầm lẫn đó.

Thực ra, hoàng pháp cũng là chuyện nhân duyên, phước đức. Dù là có học, có rèn luyện, không phải

có cũng viết giới, hay thuyết pháp giới. Đó là chưa nói tới cơ duyên để tích tụ công đức như xây chùa, in kinh, làm từ thiện... Nhiều khi tâm muốn làm một phần, mà tại chỉ đủ sức làm một phần. Trong khi đó, ngoại đạo thường có hỗ trợ từ quốc tế, nhiều tài chánh, nhiều phương tiện hơn. Nhưng đừng lấy đó mà ngại. Hay tin vào nhân quả, thì tâm sẽ không còn oán trời hay trách người mỗi khi bất như ý.

Đất nước đang hòa bình, nhiều tôn giáo đang rạo rết vào Việt Nam rao giảng. Chính ngày lúc này, người cư sĩ chúng ta lại cần tu học tinh tấn hơn, cần hoàng pháp rạo rết hơn. Đối người nhanh lắm, về một cái là qua đời sau. Không tu bây giờ thì để tới đời nào? Không hoàng pháp bây giờ thì để tới khi nào?

Nếu bạn thấy kinh sách quá nhiều, quá phức tạp, xin hay nhớ lời ngắn gọn của Đức Phật, chỉ gom về mấy câu thôi:

"Không làm mọi điều ác, Thanh tựu các hạnh lành, Tâm ý giữ trong sạch, Chính lời chư Phật dạy." (Pháp Cú. 183)

Trong tận cùng, đó là nghệ thuật tiếp cận tuyệt vời nhất. Và cũng là cách hoàng pháp tối thượng, không gì hơn.

Cư Sĩ **NGUYỄN GIÁC**

NGOÀI ẤN BẢN "DIGITAL" và "E-BOOK"
ĐỌC GIÃ CUNG CỐ THỂ
ĐỌC THÊM NHIỀU BÀI HAY VÀ GIẢ TRỊ
TRÊN TRANG NHÀ
WWW.HOADAMNEWS.COM

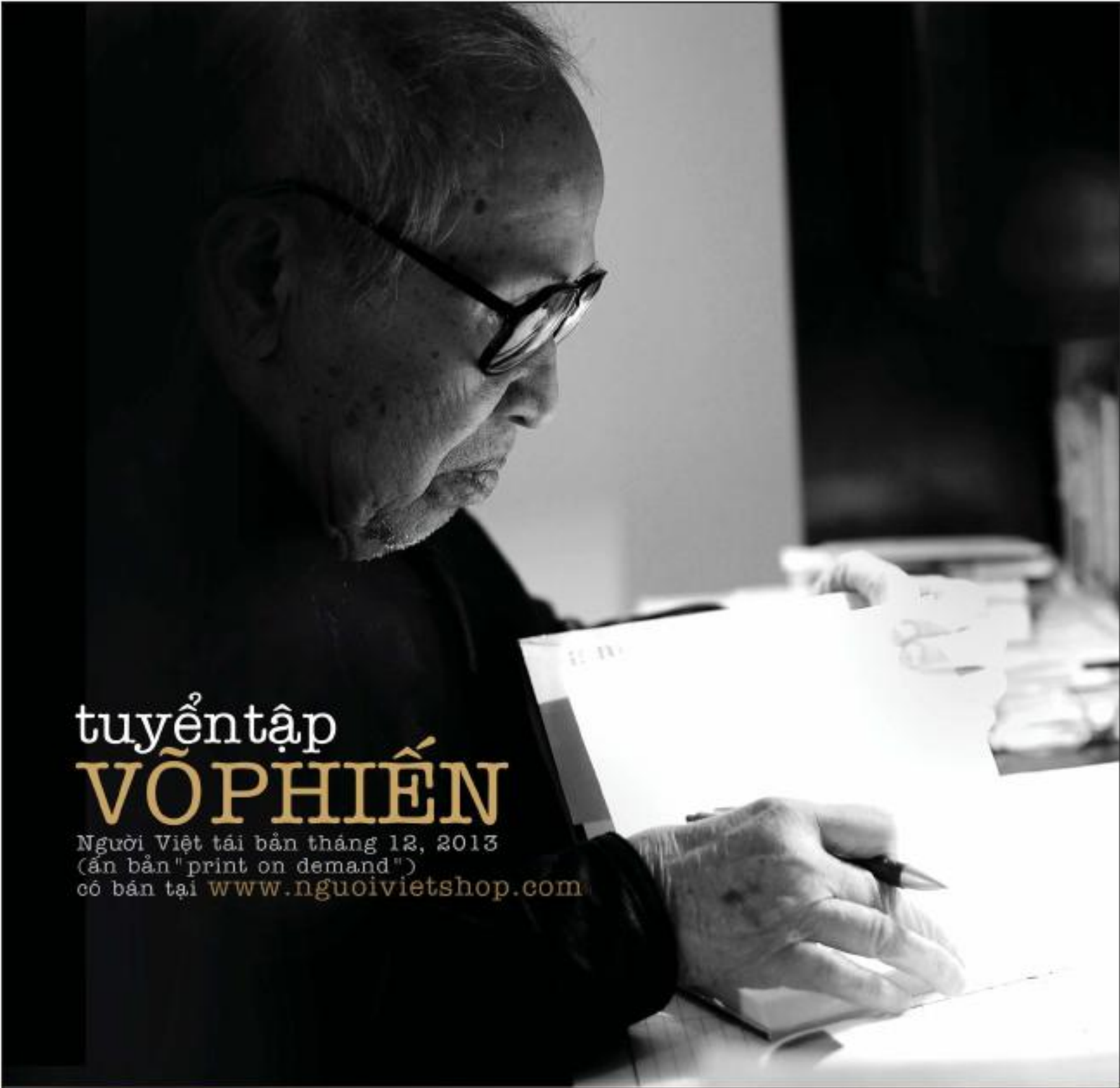
DR. D. DENTAL

DANIEL DZUNG TRAN, D.D.S.

COSMETIC & GENERAL DENTISTRY



10451 Bolsa Ave., Ste. 110. Westminster, CA 92683
(Trong khu Nhà Hàng Đồng Khánh)
714.839.3636 714.839.3837



tuyển tập VÔ PHIẾN

Người Việt tái bản tháng 12, 2013
(ấn bản "print on demand")
có bán tại www.nguoivietshop.com

PHẢN TINH và PHẢN BIỆN

NGUYỄN
HUNG
QUỐC

“Cuốn sách tập hợp một số bài viết trên VOA blog của Nguyễn Hưng Quốc với nhiều sửa chữa và bổ sung. Đề tài tập trung vào những vấn đề căn bản như chính trị, giáo dục, văn hóa, “người Việt xấu xí”, ý nghĩa của blog và những cách hiểu khác nhau về lòng yêu nước.

“Chữ nghĩa đanh thép, lý luận sắc bén như Nguyễn Hưng Quốc không phải thời nào cũng có.” - NGUYỄN XUÂN HOÀNG

TÁI BẢN LẦN THỨ NHẤT TẠI HOA KỲ
Có bán trên tiệm sách Người Việt Online
www.nguoivietshop.com



www.nguoivietshop.com

PRINT ON DEMAND - IN THEO YÊU CẦU: <http://www.voatiengviet.com/content/in-theo-yeu-cau/1787961.html>